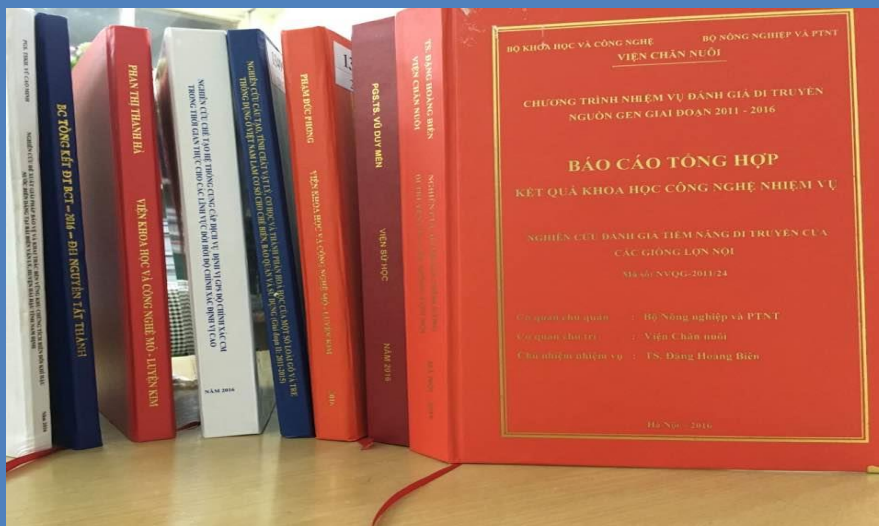


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 03 (2023)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA  
National Agency for Science and Technology Information

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 01 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

*Trưởng ban:* THS. VŨ ANH TUẤN  
*Phó Trưởng ban:* ThS. Võ Thị Thu Hà  
*Ủy viên thư ký:* ThS. Nguyễn Thị Thưa  
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu  
CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	8
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	110

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 01 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

## GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

①
②
③
④

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/** ThS. Lê Nguyên Bồng, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

⑤
⑥
⑦
⑧
⑨

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ————⑩

Số hồ sơ lưu: 19779

<b>①</b>	Mã biểu ghi trong CSDL
<b>②</b>	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
<b>③</b>	Tên nhiệm vụ
<b>④</b>	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
<b>⑤</b>	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
<b>⑥</b>	Cấp nhiệm vụ
<b>⑦</b>	Nơi viết báo cáo
<b>⑧</b>	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
<b>⑨</b>	Năm viết báo cáo
<b>⑩</b>	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

<b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>	<b>8</b>
10102. Toán học ứng dụng .....	8
10201. Khoa học máy tính.....	9
10202. Khoa học thông tin.....	9
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học.....	10
10302. Vật lý các chất cô đặc .....	11
10304. Vật lý hạt nhân.....	12
10305. Vật lý plasma và chất lỏng.....	12
10402. Hoá vô cơ và hạt nhân .....	13
10501. Địa chất học .....	13
10508. Trắc địa học và bản đồ học .....	13
10509. Các khoa học môi trường.....	14
10511. Khí hậu học.....	15
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước .....	15
10603. Vi sinh vật học .....	15
10607. Nấm học .....	16
10699. Khoa học sinh học khác.....	16
<b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>	<b>17</b>
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị .....	17
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải.....	18
20105. Kỹ thuật thủy lợi .....	19
20201. Kỹ thuật điện và điện tử.....	20
20202. Người máy và điều khiển tự động .....	21
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.....	22
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông .....	24
20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính .....	25
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng .....	26

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm) .....	27
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung.....	27
20403. Kỹ thuật hoá dược.....	27
20406. Kỹ thuật hoá dầu .....	28
20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim.....	28
20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen.....	29
20507. Vật liệu xây dựng.....	30
20508. Vật liệu điện tử.....	30
20509. Vật liệu kim loại .....	31
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...).....	31
20513. Gỗ, giấy, bột giấy.....	33
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp .....	34
20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác .....	35
20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh .....	35
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	36
20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt).....	39
20704. Viễn thám.....	39
20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển.....	41
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất) .....	42
21101. Kỹ thuật thực phẩm.....	43
<b>3. Khoa học y, dược.....</b>	<b>43</b>
30202. Sản khoa và phụ khoa .....	43
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư.....	44
30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..).....	45
30402. Dược học lâm sàng và điều trị.....	45
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc.....	46
30404. Hoá dược học .....	47
<b>4. Khoa học nông nghiệp .....</b>	<b>48</b>
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm .....	52
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	54

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc .....	57
40106. Bảo vệ thực vật .....	59
40107. Bảo quản và chế biến nông sản.....	60
40199. Khoa học trồng trọt khác .....	61
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi .....	62
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi .....	63
40205. Bảo vệ động vật nuôi .....	63
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác .....	64
40403. Quản lý và bảo vệ rừng.....	66
40405. Giống cây rừng .....	66
40406. Nông lâm kết hợp.....	67
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản .....	67
40504. Nuôi trồng thủy sản.....	70
40507. Bảo quản và chế biến thủy sản .....	73
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi; .....	74
<b>5. Khoa học xã hội .....</b>	<b>74</b>
50101. Tâm lý học nói chung .....	76
50102. Tâm lý học chuyên ngành.....	76
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh .....	77
50202. Kinh doanh và quản lý .....	80
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác .....	88
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.....	89
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác.....	91
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	92
50501. Luật học .....	94
50601. Khoa học chính trị.....	96
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	97
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá .....	101
50802. Thông tin học .....	101
50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội.....	102

599. Khoa học xã hội khác.....	103
<b>6. Khoa học nhân văn.....</b>	<b>103</b>
60102. Lịch sử thế giới; Lịch sử từng nước, từng vùng; từng khu vực.....	103
60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ.....	104
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam	104
60299. Nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa khác .....	105
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	106
60303. Đạo đức học .....	109



## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

85561.03-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ kè cọc ly tâm giảm sóng tạo bãi bảo vệ bờ biển/** Ks. Nguyễn Long Hoai, Ks. Nguyễn Long Hoai; Ths; Ths. Nguyễn Minh Hạnh; Ks. Tô Quốc Nam; Ths. Nguyễn Thanh Tùng; Ks. Đỗ Minh Điền; Ths. Phan Đình tuấn; Ts. Nguyễn Hải Hà; Ths. Lê Anh Đức; Ths. Phạm Đức Hưng; Ths. Nguyễn Thanh Tâm - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau, 2022; 11/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu hoàn thiện được công nghệ kè cọc ly tâm giảm sóng tạo bãi bảo vệ bờ biển. Làm rõ được đặc điểm tiêu giảm, truyền sóng và phản xạ sóng của kè cọc ly tâm. Nghiên cứu xây dựng được phương pháp tính toán thiết kế, thi công kè cọc ly tâm. Nghiên cứu vật liệu trong thân kè, chuẩn hóa khoảng cách cọc phương dọc và ngang.

Số hồ sơ lưu: CMU-2022-007

### 10102. Toán học ứng dụng

85581.03-2023 **Về phân loại của các đa tạp đại số/** TS. Hoàng Lê Trường, PGS. TS. Nguyễn Thị Dung; TS. Trần Nguyên An; ThS. Đỗ Văn Kiên - Hà Nội - Viện Toán học, 2022; 04/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cung cấp các mô tả rõ ràng về việc phân loại các đa tạp xạ ảnh phức với bậc cho trước và các cấu trúc của không gian moduli bằng đại số máy tính, sau đó áp dụng các kết quả này đến các lĩnh vực khác như thị giác máy tính và vật lý lý thuyết. Tìm các ví dụ tường minh của họ các đa tạp chiều 3. Tìm quan hệ giữa phân tử ở vị trí tổng quát và phân tích nhân tử ma trận trọng phạm trù modun Cohen-Macaulay cực đại hữu hạn sinh theo phương thức của Schreyer. Tìm điều kiện để phân tử ở vị trí tổng quát chwas các mặt tron hữu tỷ không đồng phôi với giao đầy đủ, nếu điều đó xảy ra, cho biết đặc trưng hình học của  $X$  và cho biết đặc trưng của  $X$ .

Số hồ sơ lưu: 21093

85586.03-2023 **Các loại rối lượng tử và các ứng dụng của chúng trong xử lý thông tin lượng tử/** PGS. TS. Nguyễn Bá Ân, ThS. Cao Thị Bích - Hà Nội - Viện Toán học và Khoa học ứng dụng Thăng Long, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cá khía cạnh khác nhau (như các sơ đồ tạo rối, các tính chất và ứng dụng của rối, ...) của ba loại rối lượng tử là rối thông thường, rối lai và siêu rối hay rối tăng cường. Đặc biệt là chú ý đến các trạng thái siêu rối và khai thác chúng cho các ứng dụng khả thi trong xử lý thông tin lượng tử và tính toán lượng tử trong mạng lượng tử toàn cầu.

Số hồ sơ lưu: 21095

### 10201. Khoa học máy tính

85275.03-2023 **Áp dụng phương pháp máy học trong việc nhận diện hạt theo hình dạng xung/** TS. Lê Xuân Chung, ThS. Nguyễn Đức Tôn; TS. Vi Hồ Phong; ThS. Nguyễn Hoàng Phúc; ThS. Bùi Duy Linh - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trí tuệ nhân tạo (AI) cho phép máy tính mô phỏng trí thông minh của con người dựa trên logic, quy tắc, thứ tự ra quyết định và máy học. Trong đó, máy học (ML) là một lĩnh vực của AI và hoạt động dựa trên một mạng nơron nhân (ANN) tạo bắt chước não người. Theo cách này, ANN được huấn luyện bởi một lượng dữ liệu đủ lớn (đầu vào nhất định với đầu ra nhất định). Sau đó, nó có thể tìm ra logic và có thể dự đoán đầu ra với những đầu vào mới. Báo cáo này trình bày việc áp dụng phương pháp ANN trong phân biệt neutron và gamma theo hình dạng xung. Đầu tiên, thời gian bay của neutron và gamma phát ra từ nguồn Cf252 trong khoảng cách xấp xỉ 1,2 m được đo đạc nhằm mục đích phân biệt hai loại hạt này. Đặc trưng hình dạng xung của detector nhấp nháy EJ-299-33 được sử dụng để huấn luyện một mạng nơron nhân tạo trong phương pháp Máy học. Sau đó, mạng ANN được sử dụng để dự đoán cho một tập số liệu hình dạng xung khác để phân loại nguồn gốc hình thành từ neutron hay gamma. So sánh với phương pháp so sánh điện tích,

phương pháp Máy học với mạng ANN cho độ chính xác cao hơn. Kết quả này chứng minh tiềm năng ứng dụng lớn của phương pháp trong phân tích số liệu hạt nhân.

Số hồ sơ lưu: 21032

### 10202. Khoa học thông tin

84894.03-2023 **Nghiên cứu đề xuất phương thức và giải pháp cung cấp thông tin khoa học và công nghệ cho các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế/** ThS. Vũ Thùy Liên, ThS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Phạm Quang Đông; CN. Nguyễn Thị Thanh Trà; ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh; ThS. Lại Hằng Phương; ThS. Dương Thị Phương; ThS. Trần Đức Phương; ThS. Hà Ngọc Minh; CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu; CN. Nguyễn Ngọc Diệp; CN. Nguyễn Giang Nam; KS. Nguyễn Thu Hà; CN. Nguyễn Hoàng Sơn - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2017; 03/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về thông tin khoa học và công nghệ phục vụ doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Tìm hiểu thực trạng cung cấp thông tin khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp hoạt động khoa học và công nghệ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Qua đó, đề xuất danh mục các sản phẩm, dịch vụ và phương thức, giải pháp cung cấp thông tin khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp hoạt động khoa học và công nghệ tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 20948

84901.03-2023 **Xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia năm 2018/** ThS. Vũ Thùy Liên, ThS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Sen; CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu; ThS. Bùi Thị Ngọc Minh; CN. Nguyễn Giang Nam; CN. Nguyễn Hoàng Sơn; ThS. Trịnh Vũ Hồng Nga; CN. Nguyễn Mạnh Hùng; KS. Nguyễn Thu Hà; CN. An Thị Kim Ngọc; CN. Nguyễn Thị Thanh Trà; CN. Bùi Hằng Nga; CN. Nguyễn Thị Tú; CN. Nguyễn Ngọc Diệp - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2019; 09/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức thành công 02 Techmart chuyên ngành Trồng trọt, chế biến thực phẩm và đồ uống và công nghệ sinh học lần 3 tại sàn giao dịch thông tin, công nghệ và thiết bị, 24 Lý Thường Kiệt, Hà Nội. Tham gia Techmart quốc tế tại Lào và triển lãm quốc tế về chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo (TechInnovation) được tổ chức tại Singapo. Duy trì và phát triển nội dung số cho sàn giao dịch điện tử về công nghệ. Tiến tới tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn nghiệp vụ về sàn giao dịch công nghệ cho các cán bộ làm việc tại sàn, tại các trung tâm thông tin và các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Đồng thời duy trì và phát triển mạng lưới giao dịch toàn cầu SS-GATE khi Việt Nam là thành viên.

Số hồ sơ lưu: 20954

84960.03-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê khoa học và công nghệ/** ThS. Võ Thị Thu Hà, CN. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Vũ Thùy Trang; ThS. Nguyễn Lê Hằng; CN. Nguyễn Thị Nga; KS. Nguyễn Tuấn Hải; ThS. Nguyễn Mạnh Duy; CN. Nguyễn Thị Lan; CN. Tống Trần Lê Thành; ThS. Phạm Văn Hùng - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2017; 01/2016 - 06/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn về hệ thống thông tin khoa học và công nghệ tại các bộ, ngành và địa phương. Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước về hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ. Tiến hành thu thập thông tin, xử lý dữ liệu, cập nhật thí điểm và kết nối thử nghiệm tại tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin tại một số bộ, ngành và địa phương. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng dự thảo quy định quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 20957

### **10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học**

85583.03-2023 **Các hiện tượng vật lý ngoài Mô hình chuẩn dựa theo dữ liệu thực nghiệm/** PGS. TS. Nguyễn Thanh Phong, TS. Trương Trọng Thúc; TS. Trần Đình

Thám; TS. Đặng Trung Sĩ; ThS. Trịnh Thị Hồng; ThS. Trần Yến Mi; ThS. Lê Thị Thu Thủy - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu một số hiệu ứng vật lý liên quan đến các mô hình đối xứng thể hệ như A4, S3, S4 2.2, T' và các mô hình 331, 341... Một số các hiệu ứng vật lý cụ thể nghiên cứu trong thời gian tới: phân tích cơ chế sinh khối lượng cho các neutrino, ma trận trộn của các neutrino, khối lượng và ma trận trộn quark, khả năng sinh bất đối xứng baryon của Vũ trụ, khối lượng và ma trận trộn quark, vật lý Higgs của các mô hình này.

Số hồ sơ lưu: 21092

### 10302. Vật lý các chất cô đặc

85556.03-2023 **Tỷ số H/V của sóng Rayleigh trong một số môi trường phức tạp/** PGS. TS. Trần Thanh Tuấn, TS. Đỗ Xuân Tùng; TS. Trương Thị Thùy Dung; TS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Trần Ngọc Trung; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Nguyễn Văn Vĩnh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập công thức tỷ số H/V của sóng mặt Rayleigh trong các môi trường có tính bất đẳng hướng, có tính micropolar, có ứng suất trước. Tính toán một số bài toán ngược cụ thể để chỉ ra các bài toán ngược khi sử dụng công thức tỷ số H/V là hàm mục tiêu sẽ cho kết quả tốt hơn khi

sử dụng phương trình tán sắc, là phương trình xác định vận tốc sóng. Đưa ra các ảnh hưởng đáng chú ý của các tính chất phức tạp của môi trường lên đường cong tỷ số H/V. Khảo sát sự ảnh hưởng của tính phức tạp của vật liệu lên tần số cộng hưởng và độ khuếch đại của lớp.

Số hồ sơ lưu: 21088

85584.03-2023 **Phá hủy của vật liệu 2 chiều/** GS. TS. Lê Minh Quý, TS. Bùi Thanh Lâm; TS. Nguyễn Hữu Tú - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2022; 10/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ tính (mô đun đàn hồi, hệ số Poisson, ứng suất kéo đứt và biến dạng kéo đứt) của 4 vật liệu hai chiều cấu trúc nếp gấp (two-dimensional puckered hexagonal materials) gồm black phosphorus (p-P), p-arsenene (p-As), p-antimonene (p-Sb), p-bismuthene (p-Bi) được xác định bằng phương pháp phần tử hữu hạn nguyên tử với hàm thế Stillinger-Weber. Mô đun đàn hồi hai chiều của 4 vật liệu trên khi kéo theo phương armchair có giá trị trong khoảng 10,2 - 23,6 N/m và 26,2 - 89,3 N/m khi kéo theo phương zigzag. Hệ số Poisson có giá trị trong khoảng từ 0,003 đến 0,58 khi kéo theo cả hai phương. Ứng suất hai chiều lớn nhất trong khoảng 2,35 - 4,11 N/m khi kéo theo phương armchair, trong khoảng 4,24 - 7,0 N/m khi kéo theo phương zigzag. Kết quả đó là cơ sở để sử dụng các vật liệu này trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 21094



**10304. Vật lý hạt nhân**

85047.03-2023 **Hỗ trợ Bộ Khoa học và Công nghệ Lào xây dựng “Trung tâm Thử nghiệm không phá hủy và kỹ thuật hạt nhân”/** KS. Vũ Tiến Hà, KS. Đào Duy Dũng; CN. Nguyễn Văn Duy; CN. Lê Đức Thịnh; ThS. Nguyễn Lê Sơn; ThS. Nguyễn Nhật Quang; ThS. Nguyễn Thế Mẫn; CN. Đặng Thị Thu Hồng; KS. Đinh Chí Hưng; TS. Nghiêm Xuân Khánh; KS. Trần Đăng Mạnh; ThS. Lương Thị Hồng; ThS. Nguyễn Tiến Phong; TS. Nguyễn Đức Thắng; KS. Đặng Thanh Dũng; KS. Nguyễn Đức Huyền; TS. Lê Quang Huy; ThS. Ngô Thị Mến; CN. Phùng Thị Thu Nga - Hà Nội - Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE), 2021; 10/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ trong thiết kế, chế tạo thiết bị đo độ ẩm/độ chặt nền móng công trình xây dựng và công nghiệp; Thúc đẩy năng lực khoa học và công nghệ của CHDCND Lào trong lĩnh vực thử nghiệm không phá hủy và kỹ thuật hạt nhân; Thúc đẩy mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa hai nước CHXHCN Việt Nam và CHDCND Lào; Tăng cường sự hợp tác, hỗ trợ trong nghiên cứu khoa học với CHDCNN Lào; Nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ khoa học trong nước về các lĩnh vực ứng dụng Kỹ thuật hạt nhân.

Số hồ sơ lưu: 21001

**10305. Vật lý plasma và chất lỏng**

85667.03-2023 **Nghiên cứu phát triển linh kiện cảm biến trên**

**cơ sở quang sợi kết hợp với hiệu ứng plasmon bề mặt ứng dụng trong y sinh/** TS. Nguyễn Tấn Tài, PGS. TS. Ngô Quang Minh; PGS> TS. Trần Ngọc Quyên; TS. Võ Nguyễn Đăng Khoa; ThS. Nguyễn Văn Sáu; ThS. Mã Thái Hòa; ThS. Nguyễn Xuân Thị Diêm Trinh - Hà Nội - Trường Đại học Trà Vinh, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế mô hình cho cảm biến quang học với lớp phủ vật liệu phối hợp như: Ag, Al, TiO<sub>2</sub>, graphene. Thiết kế mô hình cho cảm biến quang học với lớp phủ vật liệu phối hợp như: Ag, Al, TiO<sub>2</sub>, graphene. Dùng phương pháp ma trận truyền TMM (hoặc phương pháp khác: FEM, FDTD) để tính toán đưa ra các thông số tối ưu: số lớp vật liệu độ dày, kích thước của chúng được phủ lên trên lõi của sợi quang. Mô phỏng tính chất của cảm biến sử dụng các thông số tính toán kết hợp với phần mềm mô phỏng Matlab, Comsol, Lumerical. Khảo sát vật liệu: thành phần và độ dày thích hợp để chế tạo cảm biến. So sánh việc kết hợp các loại vật liệu với độ dày khác nhau để đánh giá các thông số của cảm biến: độ nhạy, giới hạn đo, độ rộng vùng đo. Chế tạo cảm biến sợi quang kết hợp hiệu ứng plasmon bề mặt dựa trên kết quả mô phỏng. Đánh giá tính chất của cảm biến bằng phương pháp thực nghiệm đo tính lưỡng chiết (birefringence).

Số hồ sơ lưu: 21124

**10402. Hoá vô cơ và hạt nhân**

84904.03-2023 **Nghiên cứu quy trình công nghệ điều chế Tecbi kim loại từ dung dịch  $TbCl_3$  của quá trình chiết phân chia đất hiếm/** ThS. Nguyễn Thanh Thủy, TS. Nguyễn Trọng Hùng; ThS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Cao Duy Minh; PGS.TS. Lê Bá Thuận; ThS. Trần Hoàng Mai; ThS. Nguyễn Đình Việt - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quá trình tuyển quặng đất hiếm và nghiên cứu phân hủy tinh quặng đất hiếm để thu hồi tổng oxit đất hiếm, phân chia tinh chế các NTĐH bằng phương pháp chiết lỏng – lỏng. Tìm hiểu công nghệ điều chế các kim loại Pr và Nd bằng điện phân muối nóng chảy trong hệ  $LiF - Nd(Pr)F_3 - BaF_2$  ở nhiệt độ 950-1030°C. Tiến hành điện phân La trong dung dịch điện phân  $LaCl_3$  (45%) –  $NaCl$ (26%) –  $KCl$ (26%) –  $CaF_2$  (3%); Ce; kim loại Zr, Ti, v.v. Điều chế kim loại đất hiếm nhóm nặng (Dy) bằng phương pháp khử nhiệt kim hệ florua bằng canxi kim loại và điều chế một số sản phẩm nam châm đất hiếm như Nd-Fe-B, (Nd,Dy)-Fe-B.

Số hồ sơ lưu: 20933

**10501. Địa chất học**

84573.03-2023 **Nghiên cứu phát triển công cụ dự báo khả năng sụt lở gương than trong các lò chợ dài cơ giới hóa đồng bộ tại các mỏ khai thác than hầm lò vùng Quảng Ninh/** TS. Lê Tiến Dũng, PGS.TS. Vũ Đình Hiếu; TS.

Nguyễn Anh Tuấn; TS. Đào Văn Chi; TS. Vũ Trung Tiến; TS. Đào Hồng Quảng - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Quan trắc cách thức lở gương, đo đạc chiều cao và độ sâu lở gương, và đo đạc áp lực lên chân giàn chống tại gương thực địa. Lấy mẫu than, đá vách tại gương trong một số lò chợ cơ giới hóa điển hình và phân tích các mẫu trong phòng thí nghiệm để thu thập các tính chất cơ học. Xây dựng mô hình số mô phỏng các quá trình tiến gương than, di chuyển giàn chống, sập đổ đá vách và lở gương bằng chương trình UDEC. Mô hình sau kiểm chứng được sử dụng để phân tích độ nhạy của các đặc tính vỉa than, đá vách và ứng suất thực địa tới sự ổn định của than nóc lò chợ; phân tích cơ chế hình thành sụt lở gương và quy luật ảnh hưởng của các đặc tính hệ khe nứt tới ổn định gương. Phát triển một công cụ giúp dự báo khả năng sụt lở gương than, bao gồm một hàm hồi quy và hệ thống phân loại.

Số hồ sơ lưu: 20568

**10508. Trắc địa học và bản đồ học**

85587.03-2023 **Nghiên cứu xác định cấu trúc móng trầm tích khu vực bồn trũng nước sâu Biển Đông Việt Nam bằng phương pháp phân tích bài toán ngược và phân tích thống kê số liệu dị thường từ và trọng lực/** PGS. TS. Nguyễn Như Trung, TS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Trần Văn Khá; ThS. Bùi Văn Nam - Hà Nội - Viện Địa chất và

Địa vật lý biển, 2022; 08/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phát triển được phương pháp phân tích ngược số liệu từ và trọng lực có độ tin cậy và chính xác cao trong việc xác định độ sâu đến mặt móng trầm tích - Làm sáng tỏ các đặc trưng cấu trúc và tiến hóa vỏ trái đất khu vực bồn trũng nước sâu Biển Đông và kế cận. Trong đó, gồm các yếu tố cấu trúc các mặt móng trầm tích, mặt móng basalt, cấu trúc đới chuyển tiếp đại dương - lục địa, phân bố mật độ và từ tính của vỏ và mối quan hệ của chúng trong bình đồ kiến tạo - địa động lực trong khu vực là đối tượng nghiên cứu chính của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 21100

#### **10509. Các khoa học môi trường**

84236.03-2023 **Điều tra, đánh giá và đề xuất biện pháp quản lý tổng hợp để hạn chế quá trình thoái hóa đất do bị khô hạn, hoang mạc hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận/** PGS.TS. Đinh Đại Gái, PGS.TS Trương Thanh Cảnh; TS. Lương Văn Việt; TS. Lê Hoàng Anh; TS. Nguyễn Ngọc Vinh; ThS. Lê Hồng Thía; ThS. Lê Bá Long; KS. Phạm Thanh Hưng - Ninh Thuận - Viện khoa học công nghệ và quản lý môi trường, 2017; 04/2016 - 09/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định khu vực xuất hiện đất bị khô hạn, hoang mạc hóa các nhân tố chính gây khô hạn, hoang mạc hóa tại tỉnh Ninh Thuận; Xây dựng bản đồ đất bị khô hạn, hoang mạc

hóa tại tỉnh Ninh Thuận tỉ lệ 1/50.000; Đề xuất các giải pháp tổng hợp để hạn chế hạn hán, hoang mạc hóa, gây thoái hóa đất và hướng sử dụng bền vững.

Số hồ sơ lưu: NTN-023-2021

85466.03-2023 **Nghiên cứu và ứng dụng thử nghiệm công nghệ bảo quản chống các tác nhân sinh học gây hại bề mặt đá sa thạch phục vụ công tác bảo tồn di tích/** ThS. Vũ Thị My, ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Đoàn Thị Hồng Minh; HS. Phạm Mạnh Cường; KS. Trịnh Quang Huân; CN. Lê Thị Tươi; TS. Nguyễn Văn Tuấn - Hà Nội - Viện Bảo Tồn Di Tích, 2022; 01/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành khảo sát các di tích kiến trúc Chăm tại một số tỉnh ở miền Trung về hư hỏng của đá sa thạch do các tác nhân sinh học gây ra, thu thập các mẫu đá sa thạch bị hư hỏng. Tìm hiểu tài liệu, tư liệu để lựa chọn các hóa chất phù hợp nhằm nghiên cứu tổng hợp các chế phẩm bảo quản đá sa thạch cho phù hợp. Nghiên cứu hiệu chỉnh ứng dụng chế phẩm HC1-14 loại bỏ các tác nhân sinh học (nấm mốc, địa y, rêu tảo) trên bề mặt đá sa thạch. Đồng thời, nghiên cứu chế phẩm nanocomposit trên cơ sở polysiloxan bảo quản chống các tác nhân sinh học gây hư hại trên bề mặt đá sa thạch. Tiến hành ứng dụng thử nghiệm và xây dựng quy trình công nghệ bảo quản chống tác nhân sinh học gây hại bề mặt đá sa thạch trong di tích.

Số hồ sơ lưu: 20961

**10511. Khí hậu học**

85225.03-2023 **Nghiên cứu nhận thức và hành vi của nông dân miền núi phía Bắc đối với biến đổi khí hậu/** TS. Trần Thị Thu Hương, PGS. TS. Tô Thế Nguyên; TS. Nguyễn Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Hồng Chinh - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá sự tin tưởng của nông dân vào lợi ích nông nghiệp và lợi ích môi trường, niềm tin và nhận thức của nông dân về rủi ro của các hiện tượng thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự tin tưởng, niềm tin, nhận thức và đánh giá mối quan hệ cấu trúc giữa sự tin tưởng, niềm tin và nhận thức rủi ro biến đổi khí hậu, từ đó có các kiến nghị phù hợp cho các chính sách mà Chính phủ đang theo đuổi.

Số hồ sơ lưu: 21023

**10513. Thủy văn; Tài nguyên nước**

85558.03-2023 **Đánh giá mức độ thay đổi về cát bùn lơ lửng và bốc thoát khí chứa cacbon từ hệ thống sông Hồng theo chuỗi thời gian (1990s – nay)/** PGS. TS. Lê Thị Phương Quỳnh, TS. Lê Như Đa; TS. Phùng Thị Xuân Bình; PGS.TS. Dương Thị Thủy; ThS. Hoàng Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định mối liên hệ giữa cát bùn lơ lửng và bốc thoát cacbon trong nước sông Hồng. Qua đó, đánh

giá mức độ thay đổi theo chuỗi thời gian dài năm (1990s – nay) về tải lượng cát bùn lơ lửng đổ ra biển và tốc độ bốc thoát khí chứa cacbon từ bề mặt nước sông Hồng vào khí quyển. Đồng thời, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới tải lượng cát bùn lơ lửng và tốc độ bốc thoát cacbon trong nước sông Hồng, bao gồm địa chất, khí hậu, thủy văn, các hồ chứa, hiện trạng/thay đổi sử dụng đất, gia tăng dân số, đô thị hóa trong lưu vực sông Hồng. Từ những nghiên cứu trên đưa ra cảnh báo về tác động của con người và tự nhiên tới chuyển tải cát bùn lơ lửng và bốc thoát CO<sub>2</sub> từ hệ thống sông Hồng.

Số hồ sơ lưu: 21087

**10603. Vi sinh vật học**

85650.03-2023 **Ứng dụng kỹ thuật real-time PCR và sinh học phân tử trong nghiên cứu độc tố và khám phá đa dạng gen của quần xã vi khuẩn lam ở hồ Trị An/** PGS. TS. Phạm Thanh Lưu, TS. Bùi Mạnh Hà; TS. Ngô Xuân Quảng; TS. Trần Ngọc Đăng; PGS. TS. Đào Thanh Sơn; CN. Trần Thị Hoàng Yến - TP. Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thu mẫu nước mặt, mẫu vi khuẩn lam (VKL) và độc tố VKL ở hồ Trị An. Đo đạc các thông số môi trường ảnh hưởng đến VKL nở hoa như: pH, DO, nhiệt độ, độ đục, tổng chất rắn hòa tan, tổng chất rắn lơ lửng, hàm lượng chlorophyll-a, hàm lượng nitrate, photphate, tổng nitơ và tổng phospho. Định lượng hàm lượng độc tố VKL trong nước,



trong sinh khối VKL bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC). Phân tích thành phần loài VKL bằng phương pháp hình thái, định lượng tế bào và sinh khối các nhóm VKL (*Microcystis*, *Anabaena* và *Oscillatoria*) bằng phương pháp buồng đếm. Định lượng tế bào các nhóm VKL (*Microcystis*, *Anabaena* và *Oscillatoria*) sinh độc và không sinh độc, định lượng tổng số tế bào VKL bằng kỹ thuật Q-PCR. Giải mã trình tự gen 16S rRNA và gen *mcy* trong khoảng 30 chủng VKL thuộc các chi *Microcystis*, *Anabaena*, *Oscillatoria*, *Cylindropermopsis*. Phát triển và ứng dụng mạng trí tuệ nhân tạo (ANN), các phương pháp phân tích đa biến để phân tích nguyên nhân và dự báo VKL nở hoa và độc tố VKL, cũng như xác định các yếu tố môi trường chính chi phối lên quần xã VKL và độc tố VKL ở hồ Trị An.

Số hồ sơ lưu: 21123

### 10607. Năm học

85590.03-2023 **Nghiên cứu đa dạng sinh học nấm phù du ở vùng ven biển Khánh Hòa dựa trên cách tiếp cận phụ thuộc và độc lập nuôi cấy/** TS. Phạm Thu Thủy, PGS.TS. Nguyễn Văn Duy; TS. Đinh Văn Khương; TS. Nguyễn Thế Hân; ThS. Trần Thị Châu Loan; ThS. Nguyễn Thị Chính; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải - Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang, 2022; 04/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá đa dạng sinh học nấm phù du ở vùng ven biển Khánh Hòa

nhờ sử dụng cách tiếp cận phụ thuộc và độc lập nuôi cấy. Khảo sát hoạt tính sinh enzyme ngoại bào (protease, amylase, phytase) của các chủng nấm phân lập nhằm đánh giá vai trò tích cực của chúng trong các chu trình sinh địa hóa của các hệ sinh thái ven biển khác nhau và định hướng ứng dụng tiềm năng trong sản xuất công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21103

### 10699. Khoa học sinh học khác

85669.03-2023 **Tác động tiêu cực của chất phụ gia của nhựa lên động vật phù du nước ngọt/** PGS. TS. Đào Thanh Sơn, ThS. Bùi Bá Trung; TS. Phạm Thanh Lưu; TS. Kiều Lê Thủy Chung; TS. Emilie Strady; TS. Christine Baduel; KS. Lê Thị Phương Dung - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2022; 09/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu mẫu vi giáp xác (VGX), nhóm động vật phù du phổ biến, ngoài tự nhiên, phân lập và nuôi VGX (*Ceriodaphnia cornuta*), dùng cho nghiên cứu đánh giá độc tính của phụ gia nhựa. Nghiên cứu tác động cấp tính và mãn tính của chất phụ gia của nhựa lên hành vi (hoạt động lọc thức ăn) và các đặc điểm sinh học vòng đời (sức sống, sinh sản và sinh trưởng) của VGX. Đánh giá ảnh hưởng đa thể hệ của phụ gia nhựa lên sức sống và sự sinh sản của VGX.

Số hồ sơ lưu: 21126

**2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ**

85762.03-2023 **Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để chế biến trà túi lọc từ cây măng tây tại tỉnh Đắk Lắk.**/ ThS. Lê Đăng Pha, ThS. Vũ Thị Hà (Thư ký); ThS. Hồ Thị Huyền Trang; KS. Y Lem Niê; KS. Nguyễn Bảo Trung; ThS. Nguyễn Thị Thoa; ThS. Phạm Văn Thao. - Đắk Lắk - Trung tâm Thông tin - Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk, 2021; 11/2017 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thành nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy trình chế biến trà túi lọc từ bộ phận măng tây và trà măng tây phối trộn với 04 nguyên liệu khác là nấm linh chi, hoa hòe, cỏ ngọt, mướp đắng. Quy trình đảm bảo theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và phù hợp với điều kiện sản xuất tại đơn vị chủ trì đề tài. Xây dựng được 01 mô hình vườn nguyên liệu măng tây 500m<sup>2</sup> tại Trại Thực nghiệm KH&CN tỉnh Đắk Lắk. Mô hình đạt tiêu chuẩn VietGap cung cấp đầy đủ nguyên liệu đảm bảo các tiêu chí để sản xuất trà túi lọc măng tây. Xây dựng mô hình chế biến trà túi lọc măng tây đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quy mô nhà xưởng 120m<sup>2</sup> tại Trại thực nghiệm KH&CN, bao gồm các thiết bị chần, sấy, sao, nghiền, đóng gói... công suất 20kg trà túi lọc/ngày.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-014

85803.03-2023 **Ứng dụng công nghệ enzyme để hỗ trợ tách chiết các hợp chất chống oxy hóa từ rong nâu Khánh Hòa đáp ứng**

**theo yêu cầu làm thực phẩm và mỹ phẩm.**/ Cao Thị Thúy Hằng, - TS. Phan Thị Hoài Trinh - TS. Võ Mai Như Hiếu - ThS. Nguyễn Thị Thuận - KS. Nguyễn Ngọc Linh - CN. Ngô Thị Hương - PGS. Trần Thị Thanh Vân - TS. Phạm Đức Thịnh - TS. Nguyễn Đình Thuát - ThS. Ngô Thị Duy Ngọc - CN. Ngô Thị Hương - Nha Trang, Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, 2022; 10/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình chiết xuất một số hợp chất có hoạt tính sinh học có giá trị cao từ rong nâu vùng biển Khánh Hòa bằng ứng dụng công nghệ có hỗ trợ của enzyme. Tạo ra một số sản phẩm nhằm ứng dụng trong sản xuất thực phẩm, mỹ phẩm. Quy trình công nghệ sản xuất các hợp chất chống oxy hóa từ rong nâu Khánh Hòa dùng cho mỹ phẩm. Quy trình công nghệ sản xuất sulfate polysaccharide dạng fucoidan từ rong nâu Khánh Hòa dùng cho thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/326

**20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị**

83875.03-2023 **Nghiên cứu giải pháp phần mềm quản lý hệ thống thoát nước của Thành phố Ninh Bình phục vụ xây dựng đô thị thông minh.**/ CN. Lê Thanh Hải, CN. Lê Thanh Hải; ThS. Trần Thị Trà Giang; CN. Vũ Thị Hương; ThS. Nguyễn Đăng Cường; KS. Trần Văn Kiên; KS. Phan Đình Thiêm; CN. Lê Thị Oanh; CN. Phạm Văn Anh; ThS. Nguyễn Văn Sáng; CN. Lê Thị

Phuong Nam. - Hà Nội - Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Địa lý EK, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quản lý cơ sở dữ liệu công trình, hệ thống thoát nước tập trung trực quan trên nền bản đồ vớ đầy đủ thông tin, vị trí quản lý được lịch sử vận hành bảo trì, bảo dưỡng công trình. Ứng dụng khả năng thu thập, tra cứu khai thác thông tin, công trình, hệ thống thoát nước bằng thiết bị di động. Đã đề ra việc xây dựng hệ thống thoát nước với 95 tuyến phố chính trên địa bàn thành phố Ninh Bình đã hoàn thành cơ bản hệ thống bao gồm đầy đủ các thông tin, hình ảnh và vị trí của các tài sản thu thập ngoài hiện trường. Phần mềm đã xây dựng các ứng dụng, các phân hệ đầy đủ, chi tiết.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-001-2022

85037.03-2023 **Nghiên cứu các giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng logistics nhằm kết nối các tỉnh khu vực miền Trung/ TS.** Trần Thế Tuấn, TS. Hoàng Thị Hồng Lê; TS. Đỗ Quang Hưng; TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Bùi Văn Viễn; TS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Bùi Hoàng Lâm; TS. Phùng Thế Đông; TS. Đỗ Thị Hồng Vân; ThS. Lê Thị Liễu - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các tỉnh miền Trung trong việc khai thác, sử dụng và phát triển kết cấu hạ tầng logistics. Xác định lợi thế, tiềm năng

của mỗi tỉnh; qua đó xác định ưu tiên phát triển cho từng địa phương sao cho khai thác triệt để nhất thế mạnh của mỗi tỉnh về kết cấu hạ tầng logistics. Xác định yếu tố thuận lợi, khó khăn nào ảnh hưởng đến phát triển kết cấu hạ tầng logistics của mỗi tỉnh; qua đó đưa ra giải pháp khắc phục các yếu tố tiêu cực và thúc đẩy cho các yếu tố tích cực. Phát triển kết cấu hạ tầng logistics trở thành một mắt xích quan trọng của lĩnh vực giao thông vận tải, qua đó góp phần tăng trưởng kinh tế của các tỉnh miền Trung nói riêng trong đó có dịch vụ logistics và ngành giao thông vận tải nói chung. Đánh giá thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng logistics tại khu vực miền Trung nhằm chỉ ra những thành công, hạn chế và những nguyên nhân của nó. Đề xuất một số giải pháp đối với cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương xuống địa phương mang tính khả thi nhằm hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng logistics qua đó làm tăng tính kết nối của các tỉnh khu vực miền Trung.

Số hồ sơ lưu: 20996

#### **20104. Kỹ thuật giao thông vận tải**

85008.03-2023 **Nghiên cứu các giải pháp kháng gió cho kết cấu công trình cầu dây văng ở Việt Nam/ TS.** Nguyễn Việt Khoa, KS. Nguyễn Thị Thanh Hà; PGS.TS. Hoàng Hà; ThS. Lê Văn Hùng; ThS. Nguyễn Tuấn Ngọc; ThS. Nguyễn Trung Hà; ThS. Kiều Như Cường; ThS. Nguyễn Kim Thành; TS. Nguyễn Quang Huy; KS. Lưu Quốc Vượng - Hà Nội - Viện Khoa học và

Công nghệ GTVT, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tác động của gió đến công trình cầu dây văng, cơ sở tính toán lý thuyết kháng gió và các giải pháp nhằm khắc phục, giảm thiểu tác động của gió đến công trình cầu dây văng ở Việt Nam. Thu thập các số liệu đầu vào và nghiên cứu tài liệu về các vấn đề kỹ thuật liên quan đến các giải pháp kháng gió cho công trình cầu dây văng. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết kháng gió cầu dây văng. Phân tích, đánh giá các giải pháp kháng gió cho các bộ phận chính của cầu dây văng. Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để tính toán, đánh giá các giải pháp kháng gió cho cầu dây văng. Phân tích, đề xuất các giải pháp kháng gió cho cầu dây văng ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20983

**85658.03-2023 Nghiên cứu cường độ và độ nhạy nhiệt của bê tông tính năng cao có chất kết dính bổ sung nano silica sử dụng cho công trình cầu/ PGS. TS. Đỗ Anh Tú, ThS. Trần Đức Tâm; ThS. Hoàng Thị Tuyết; TS. Dương Thế Anh; ThS. Cao Thị Mai Lan; ThS. Vũ Thị Bích Huệ; ThS. Lê Hà Linh; ThS. Nguyễn Khánh Đức; KS. Nguyễn Thành Tâm; ThS. Trương Tuấn An - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Thực nghiệm xác định cường độ của một số hỗn hợp bê tông sử dụng chất kết dính bổ sung nano silica sử dụng cho công trình cầu. Thực nghiệm xác định các tham số về

hiệu ứng nhiệt của xi măng có chất kết dính bổ sung nano silica. Xây dựng mô hình ứng xử nhiệt và dự đoán nứt nhiệt trong bê tông của bộ phận kết cấu cầu trong giai đoạn thi công.

Số hồ sơ lưu: 21118

### **20105. Kỹ thuật thủy lợi**

**85588.03-2023 Nghiên cứu giải pháp khoa học công nghệ thủy lợi, nông lâm kết hợp nhằm cải tạo và khai thác đất cát ven biển phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững vùng Bắc Trung Bộ (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị)/ GS. TS. Trần Viết Ôn, TS. Trần Việt Bách; TS. Trần Quốc Lập; TS. Nguyễn Quang Phi; PGS.TS. Nguyễn Thị Hằng Nga; ThS. Nguyễn Việt Anh; TS. Đinh Thị Lan Phương; TS. Trần Tuấn Thạch; TS. Nguyễn Văn Lộc; ThS. Phạm Thị Diệp - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2022; 03/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đánh giá được tiềm năng sử dụng, khai thác của tài nguyên đất cát biển của vùng nghiên cứu. Phân tích, đánh giá được thực trạng và tiềm năng sản xuất nông nghiệp của vùng đất cát biển trên cơ sở tiềm năng về tài nguyên đất và tài nguyên nước của vùng nghiên cứu. Đề xuất được các giải pháp tưới, tiêu, giải pháp tưới kết hợp bón phân, giải pháp thu, trữ nước thích hợp cho vùng đất cát biển. Đề xuất các giải pháp cải tạo nâng cao độ phì nhiêu của đất cát biển bằng vật liệu địa phương, rẻ tiền. Đề xuất các giải pháp nông nghiệp như loại cây



trồng, cơ cấu cây trồng, mùa vụ, chế độ chăm sóc, phân bón....vv, các giải pháp về lâm nghiệp ổn định cát, tăng khả năng bổ cập nước ngầm, hỗ trợ nông nghiệp trên vùng cát.

Số hồ sơ lưu: 21102

85677.03-2023 **Nghiên cứu dự báo tình hình ngập úng trên hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà nhằm hỗ trợ ra quyết định vận hành bơm tiêu nước theo thời gian thực/** TS. Lê Việt Sơn, ThS. Bùi Tuấn Hải; ThS. Lương Ngọc Chung; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Xuân Phùng; ThS. Phạm Thanh Tú; ThS. Hà Thanh Lâm; KS. Nguyễn Quang Quyền; TS. Dư Đức Tiến; Nguyễn Công Thanh; KS. Trần Thị Thanh Dung; KS. Phạm Văn Trình; KS. Nguyễn Duy Quang; KS. Bùi Thế Văn; KS. Nguyễn Ngọc Sáng; KS. Nguyễn Quốc Tú - Hà Nội - Viện quy hoạch thủy lợi, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tình hình mưa gây úng, thực trạng úng ngập và thực trạng vận hành tiêu nước của hệ thống Bắc Nam Hà. Xây dựng bộ công cụ mô hình toán, công nghệ dự báo và bộ cơ sở dữ liệu phục vụ dự báo tình hình mưa, ngập úng theo diễn biến thực tế trên hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà tạo cơ sở hỗ trợ ra quyết định vận hành tiêu nước đệm hợp lý và tiêu nước chống úng ngập cho hệ thống. Đề xuất điều chỉnh quy trình vận hành bơm tiêu nước đệm nhằm chủ động giảm ngập úng đồng thời tiết kiệm chi phí bơm tiêu cho hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà.

Số hồ sơ lưu: 21134

## 20201. Kỹ thuật điện và điện tử

85247.03-2023 **Nghiên cứu thiết kế hệ thống tự động chỉnh định và giám sát ổn định điện áp máy phát điện tàu thủy dựa trên giải thuật Mờ thích nghi tương tác trên nền Matlab/** PGS. TS. Đặng Xuân Kiên, CN. Trần Mai Hương; ThS. Thái Văn Nông; ThS. Trần Tiến Đạt; ThS. Đỗ Việt Dũng; TS. Tạ Văn Phương; ThS. Trần Ngọc Nhân; CN. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Phạm Thị Duyên Anh; ThS. Phan Thanh Minh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu điều chỉnh điện áp máy phát đồng bộ ba pha bằng giải thuật mờ thích nghi để ổn định điện áp máy phát và khắc phục các nhược điểm đối với các phương pháp điều khiển khác, đặc biệt là nâng cao tính tự động hóa so với các hệ điều chỉnh điện áp thông thường, tăng mức độ khả năng theo dõi giám sát tín hiệu điện áp ra trên màn hình máy tính, dễ dàng tự động điều chỉnh thông số của bộ điều khiển để phù hợp với sự thay đổi tín hiệu khi máy phát bị ảnh hưởng nhiều do nhiều yếu tố hay sự thay đổi thông số của mô hình máy phát. Thiết kế mạch công suất và thử nghiệm điều chỉnh bằng tay, điều chỉnh sử dụng thuật toán PID đơn giản, sau đó ứng dụng thuật toán mờ thích nghi để tính toán sai lệch giữa lý thuyết và thực nghiệm, từ đó chỉnh định các thông số của thuật toán sao cho kết quả đạt yêu cầu mong muốn.

Số hồ sơ lưu: 21027

85783.03-2023 **Nghiên cứu cơ chế tăng cường mật độ dòng tới hạn trên hệ siêu dẫn nhiệt độ cao BSCCO và YBCO nhằm ứng dụng trong truyền tải điện/** TS. Trần Hải Đức, GS.TS. Lưu Tuấn Tài; TS. Nguyễn Khắc Mẫn; TS. Nguyễn Thế Nghĩa; TS. Nguyễn Thị Minh Hồng; CN. Phạm Thế An - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thành công cơ chế tăng mật độ dòng tới hạn của hệ siêu dẫn nhiệt độ cao BSCCO nhằm mục đích truyền tải điện. Khi pha tạp hạt nano  $Fe_3O_4$ , Tc của hai hệ mẫu đều giảm tuyến tính. Nghiên cứu cơ chế đồng tồn tại của hai pha sắt từ và siêu dẫn trên hệ siêu dẫn nhiệt độ cao chứa oxit đồng, từ đó đưa ra quy trình chế tạo hệ BSCCO và YBCO có pha tạp sắt từ bằng các phương pháp khác nhau nhằm cải thiện Jc.

Số hồ sơ lưu: 20986

## 20202. Người máy và điều khiển tự động

84970.03-2023 **Nghiên cứu nâng cao chất lượng điều khiển chính xác cho rô bốt hàn tự động có kể đến yếu tố phi tuyến bất định ứng dụng trong sản xuất công nghiệp/** TS. Trần Đức Chuyên, PGS.TS. Võ Thu Hà; ThS. Nguyễn Đức Điền; ThS. Đỗ Quang Hiệp; ThS. Nguyễn Đức Dương; ThS. Roãn Văn Hóa; ThS. Hà Huy Giáp; TS. Nguyễn Văn Mùi; TS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Vũ Duy Hưng - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế - Kỹ

thuật công nghiệp, 2022; 04/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nâng cao chất lượng điều khiển chính xác cho Robot hàn tự động đang là vấn đề rất cấp thiết trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, sản xuất thiết bị phụ tùng ô tô xe máy, sản xuất hàn khuôn mẫu, thiết bị cơ khí chế tạo, .v.v... ở Việt Nam. Phân tích các yếu tố phi tuyến bất định ma sát, đàn hồi của khớp ảnh hưởng đến quá trình động học và điều khiển của robot, từ đó xây dựng tổng hợp BĐK cho hệ thống truyền động có tính đến yếu tố phi tuyến

Số hồ sơ lưu: 20970

85303.03-2023 **Nghiên cứu, thiết kế chế tạo hệ thống tự động báo động trực ca hàng hải sử dụng kỹ thuật nhận dạng và xử lý ảnh bằng mạng nơ ron nhân tạo kết hợp không gian số/** PGS. TS. Đặng Xuân Kiên, ThS. Đỗ Việt Dũng; ThS. Hồ Lê Anh Hoàng; ThS. Trần Tiến Đạt; ThS. Thái Văn Nông; ThS. Phạm Minh Châu; KS. Nguyễn Việt Chính; ThS. Nguyễn Thành Nhật Lai; ThS. Tạ Văn Phương; CN. Trần Mai Hương - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hệ thống có độ chính xác cao, có kích thước nhỏ gọn, khi gắn vào trên buồng lái sẽ tạo khả năng định vị chính xác trạng thái hoạt động trên buồng lái thông qua việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến, và lý thuyết ước lượng, nhận dạng xử lý hình ảnh sử dụng trí

tuệ nhân tạo (Neural Network) hướng tới cuộc cách mạng công nghệ 4.0 với kỹ thuật hiện đại. Hệ thống có độ chính xác cao hơn và an toàn hơn rất nhiều lần hệ thống báo động trực ca thông thường và rất thích hợp trang bị trên những tàu đóng mới nhờ khả năng kết nối tương thích IoT, hiệu quả và đa dạng. Hệ thống có khả năng lưu trữ hình ảnh buồng lái trong toàn bộ hành trình của tàu, trạng thái lưu trữ mới sẽ được thiết lập khi nhận lệnh của thuyền trưởng sau mỗi thời điểm kết thúc hành trình hành hải.

Số hồ sơ lưu: 21035

### **20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

84968.03-2023 **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm bộ công cụ chuyển đổi số trong công tác điều hành các dự án của các doanh nghiệp Việt Nam/** TS. Lương Hồng Khanh, ThS. Phạm Ngọc Tú; ThS. Đặng Thanh Hưng; KS. Nguyễn Đình Phong; KS. Phạm Thanh Tuấn; KS. Nguyễn Đăng Kiên; KS. Nguyễn Văn Tiến - Hà Nội - Tổng Công ty dịch vụ Viễn Thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hiểu và làm rõ các khái niệm về chuyển đổi số doanh nghiệp. Phân tích các mô hình chuyển đổi số của một số doanh nghiệp tiêu biểu trên thế giới để tìm ra các mô hình, phương pháp đánh giá, bộ tiêu chí. Đưa ra hiện trạng chuyển đổi số doanh nghiệp tại Việt Nam, thách thức nói chung của các doanh

ngiệp. Đề xuất mô hình chuyển đổi số phù hợp tại Việt Nam qua các phương pháp, chỉ tiêu, lộ trình thực hiện. Hoàn thành xây dựng bộ công cụ chuyển đổi số trong công tác điều hành các dự án của các doanh nghiệp Việt Nam. Xây dựng công cụ đánh giá và đưa ra các tiêu chí cho khung đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của doanh nghiệp tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20966

85274.03-2023 **Nghiên cứu, sử dụng phần mềm mô phỏng ARGOS đánh giá phạm vi, mức độ ảnh hưởng của phóng xạ từ một số sự cố tại nhà máy điện hạt nhân Phòng Thành Cảng đến Việt Nam/** ThS. Dương Đức Thắng, CN. Phạm Tuấn Nam; ThS. Nguyễn Thị Oanh; CN. Đoàn Thúy Hậu; CN. Nguyễn Huyền Trang; CN. Nguyễn Văn Khánh - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sử dụng phần mềm ARGOS để mô phỏng phát tán phóng xạ trong khí quyển từ nhà máy điện hạt nhân Phòng Thành Cảng đến Việt Nam. Trường hợp mô phỏng là một tai nạn giả định với số hạng nguồn giả định tương đương với cấp 4, cấp 5 và cấp 6 trong thang phân loại sự kiện hạt nhân quốc tế. Kết quả cho thấy khả năng sử dụng ARGOS trong mô phỏng phát tán phóng xạ, đánh giá được liều bức xạ đối với con người từ sự cố NMDHN Phòng Thành Cảng đến Việt Nam theo một số kịch bản tai nạn. Từ các kết quả thu được góp phần dự báo và hỗ trợ ứng phó

sự cố khi có tai nạn xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân.

Số hồ sơ lưu: 21028

85314.03-2023 **Xây dựng hệ thống DGPS giả lập trong điều khiển ổn định động tàu thủy dựa trên Sensor Network/ PGS. TS. Đặng Xuân Kiên, CN. Trần Mai Hương; ThS. Đỗ Việt Dũng; ThS. Hồ Lê Anh Hoàng; ThS. Trần Tiến Đạt; ThS. Thái Văn Nông; ThS. Phạm Minh Châu; ThS. Tạ Văn Phương; ThS. Huỳnh Văn Chính; KS. Nguyễn Việt Chính - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu tổng quan về các hệ thống định vị động học tàu thủy. Nghiên cứu tổng quan về GPS-DGPS. Nghiên cứu tổng quan các thuật toán điều khiển định vị động tàu thủy ứng dụng DGPS. Tính toán lựa chọn cấu hình và thiết kế phần cứng hệ thống DGPS giả lập và thử nghiệm hệ thống DGPS giả lập.

Số hồ sơ lưu: 21026

85604.03-2023 **Điều khiển tối ưu hợp tác phân tán bất sự kiện cho đa hệ cơ khí phi holonom tự hành kết nối vật lý và ràng buộc ngõ vào/ PGS. TS. Nguyễn Tấn Lũy, TS. Trần Hữu Toàn; TS. Trần Trọng Toàn - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 09/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu tổng quan về điều khiển phân tán hợp tác đa hệ cơ khí

phi holonom tự hành, thuộc lớp hệ phi tuyến truyền ngược nghiêm ngặt với kết nối vật lý và ràng buộc ngõ vào, chú ý thêm kết nối truyền thông, nhiễu ngoài và các tham số bất định. Dựa vào lý thuyết đồ thị đề xuất cấu hình hợp tác phân tán giữa các đối tượng trong hệ và mô hình hoá hệ thống. Thiết kế luật điều khiển truyền thẳng để tích hợp mô hình động học và động lực học thành hệ phi tuyến duy nhất, loại bỏ kết nối bất định dễ dàng cho thiết kế luật điều khiển tối ưu phân tán ở bước tiếp theo. Biến đổi bài toán tối ưu hợp tác phân tán cho đa hệ cơ khí (đa hệ phi tuyến truyền ngược nghiêm ngặt) thành phương trình vi phân phi tuyến bậc cao Hamilton-Jacobi-Isaacs (HJI) và thiết kế phương pháp để xấp xỉ trực tuyến nghiệm phương trình HJI. Tăng cường hiệu quả của luật điều khiển bằng cách khai thác cơ chế kích hoạt sự kiện. Chứng minh tính ổn định và sự hội tụ của hệ thống sử dụng lý thuyết Lyapunov và biến đổi toán học nâng cao.

Số hồ sơ lưu: 21105

85607.03-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số hình/dộng lực học tới hoạt động của vi kích hoạt và vi mô tơ MEMS/ PGS. TS. Phạm Hồng Phúc, TS. Vũ Văn Trường; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Nguyễn Xuân Hạ; ThS. Hoàng Trung Kiên - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2022; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**



Tập trung nghiên cứu hai loại bộ kích hoạt kiểu răng lược và kiểu dầm chữ V để làm sáng tỏ ảnh hưởng của các kích thước cấu trúc và các thông số động lực học như độ cứng, khối lượng và hệ số cản quy đổi đến chất lượng làm việc linh kiện như: biên độ chuyển vị, dải tần số làm việc, độ ổn định... Đề xuất các gợi ý và giải pháp thiết kế nhằm nâng cao chất lượng làm việc của các bộ vi kích hoạt, đạt được một số mục tiêu đặt ra ban đầu về chuyển vị, hệ số phẩm chất hay là điện áp làm việc. Thiết kế và chế tạo thử một loại vi mô tơ (hoặc vi bơm) theo phương pháp trên và đánh giá đặc tính thực tế, so sánh với kết quả tính toán.

Số hồ sơ lưu: 21106

#### **20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông**

84703.03-2023 **Xây dựng kho lưu trữ tài liệu hành chính số tại Bộ Tài chính/** ThS. Nguyễn Thị Lý, ThS. Lê Thị Bình; ThS. Phạm Thị Thúy; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Hồ Thị Ánh Nguyệt; ThS. Hoàng Thị Dung; ThS. Vũ Thanh Thủy; ThS. Trần Thị Thu Thủy - Hà Nội - Văn phòng Bộ Tài Chính, 2022; 09/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng kho lưu trữ tài liệu hành chính số để chỉ ra những ưu điểm, tồn tại, nguyên nhân, qua đó đưa ra hệ thống các giải pháp, lộ trình nhằm xây dựng kho lưu trữ tài liệu hành chính số tại cơ quan Bộ Tài chính có cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn, cơ sở pháp lý và tính khả thi cao. Tham mưu, đề xuất

Lãnh đạo Bộ Tài chính những giải pháp, chính sách để quản lý thông nhất công tác lưu trữ điện tử, xây kho lưu trữ tài liệu hành chính số theo quy định của pháp luật, góp phần phát huy được giá trị của tài liệu lưu trữ nói chung và tài liệu lưu trữ điện tử nói riêng phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan và độc giả.

Số hồ sơ lưu: 20804

84802.03-2023 **Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh số ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Chấn, Nguyễn Thành Chung; Bùi Đức Thái; Nguyễn Đức Cường; Bùi Hoài Nam; Bùi Huy Cường; Đỗ Quang Lộc - Hà Nội - Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, 2021; 05/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Qua nghiên cứu các công nghệ phát thanh phổ biến (DAB/DAB+; DRM/DRM+; HD-Radio; CDR), đặc điểm công nghệ, các ưu nhược điểm của từng loại hình công nghệ, kết hợp với bài học kinh nghiệm thực tiễn về việc triển khai Đề án số hóa truyền hình mặt đất tại Việt Nam thời gian qua, nhóm chủ trì đánh giá việc triển khai phát thanh số mặt đất tiêu chuẩn DAB+ là khả thi và hiệu quả nhất. Đài Tiếng nói Việt Nam (TNVN) đã tiến hành thử nghiệm một số tiêu chuẩn phát thanh số. Trên cơ sở đó, từ năm 2019 Đài đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép thử nghiệm phát thanh số tiêu chuẩn DAB+, thời gian gia hạn Giấy phép thử nghiệm phát

thanh số DAB+ đến 23/11/2021. Trên cơ sở các kết quả đạt được, Đài TNVN đang đề xuất xây dựng Đề án phát thanh số quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 20883

**85582.03-2023 Phát triển các phương pháp ẩn luật kết hợp trong khai thác dữ liệu đảm bảo tính riêng tư/ GS. TS. Lê Hoài Bắc, TS. Trần Minh Thái; TS. Trương Chí Tín; TS. Phạm Thị Thiết; ThS. Dương Văn Hải; ThS. Văn Thị Thiên Trang; ThS. Huỳnh Văn Út; CN. Nguyễn Ngọc Đức - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Khai thác dữ liệu bảo đảm sự riêng tư (Privacy preserving Data mining- PPDM) là một lĩnh vực nghiên cứu tương đối mới trong cộng đồng khai thác dữ liệu và đã tồn tại khoảng hơn một thập kỷ. PPDM nghiên cứu các tác dụng phụ của phương pháp khai thác dữ liệu có nguồn gốc từ sự xâm nhập vào sự riêng tư của các cá nhân và tổ chức. Một số phương pháp tiếp cận để giải quyết vấn đề này đã được nghiên cứu và triển khai áp dụng. Phần lớn các phương pháp được đề xuất có thể được phân loại theo hai hướng nghiên cứu chính: ẩn dữ liệu và ẩn tri thức. Ẩn dữ liệu là hướng nghiên cứu về tính riêng tư trong các dữ liệu thô hay thông tin, có thể được đảm bảo trong quá trình khai thác dữ liệu. Các phương pháp của nhóm này tác động vào bản thân dữ liệu nhằm mục đích làm ẩn các loại thông tin nhạy cảm bằng các phương pháp khác

nhau. Ẩn tri thức liên quan đến các phương pháp nhằm bảo vệ các kết quả khai thác dữ liệu nhạy cảm (tức là các mẫu tri thức được trích xuất) chứ không phải chính dữ liệu thô. Đây là hướng ứng dụng chính của các công cụ và thuật toán khai thác. Đề tài sẽ tiến hành tập trung nghiên cứu vào hướng ẩn tri thức: Phát triển các thuật toán hiệu quả và đề xuất các cấu trúc dữ liệu thích hợp để cân bằng giữa nhu cầu ẩn luật kết hợp nhạy cảm với khai thác thông tin hợp pháp dữ liệu của người dùng, với việc giảm thiểu các tác động phụ trong quá trình ẩn.

Số hồ sơ lưu: 21098

### **20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính**

**85160.03-2023 Thiết kế và phân tích các giao thức nâng cao hiệu năng mạng hai chiều/ TS. Phạm Ngọc Sơn, PGS.TS. Hồ Văn Khương; TS. Trần Trung Duy; PGS.TS. Phan Văn Ca ; TS. Phạm Việt Tuấn; TS. Trương Ngọc Sơn; ThS. Trương Quang Phúc - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp. HCM, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thiết kế các kỹ thuật nâng cao hiệu năng mạng hai chiều trong mạng vô tuyến thông thường và mạng vô tuyến nhận thức. Giải pháp trong đề tài dựa trên các kỹ thuật như: triệt can nhiễu tuần tự SIC có xem xét trường hợp triệt không lý tưởng; đa truy cập không trực giao NOMA; kỹ thuật lựa chọn nút chuyển tiếp và anten phát; truyền

thông song công tăng hiệu quả sử dụng băng thông; mã hóa mạng; thu thập năng lượng; bảo mật lớp vật lý. Hơn nữa, đề tài có xem xét các điều kiện vận hành thực tế hơn các nghiên cứu trước đây. Phân tích hiệu năng của các kỹ thuật được đề xuất dưới dạng biểu thức toán học tường minh chính xác và biểu thức toán học xấp xỉ. Tối ưu hóa các thông số hoạt động của các kỹ thuật được đề xuất để tối đa hiệu năng mạng hai chiều.

Số hồ sơ lưu: 21016

### **20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng**

84957.03-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy tuyển nổi quặng kim loại màu kiểu thùng trụ tròn (Tankcell)/** ThS. Trần Thị Hiền, TS. Đào Duy Anh; ThS. Phạm Đức Phong; ThS. Nguyễn Xuân Thủy; ThS. Nguyễn Minh Đạt; KS. Hà Đăng Hùng; ThS. Trần Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Bảo Linh; KS. Uông Quý Bách; KS. Nguyễn Quốc Chinh; ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; ThS. Lai Thị Vân Quyên; ThS. Trần Văn Long; ThS. Vũ Thị Ngân; TS. Đinh Thị Thu Hiền - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2022; 03/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về máy tuyển nổi kiểu thùng trụ tròn (tankcell), tổng quan về các ứng dụng, tình hình khai thác, chế biến và tiêu thụ quặng chì kẽm. Lập phương án, giám sát thi công lấy mẫu quặng chì kẽm và nghiên cứu thành phần vật chất của mẫu công nghệ. Nghiên cứu, tính

toán, thiết kế, xây dựng quy trình công nghệ chế tạo và chế tạo máy tuyển nổi tankcell. Nghiên cứu tuyển nổi Pb-Zn có sử dụng máy tuyển nổi tankcell phòng thí nghiệm, đồng thời nghiên cứu tuyển nổi Pb-Zn có sử dụng máy tuyển nổi tankcell trên dây chuyền liên tục. Tiến hành lắp ráp máy tuyển nổi tankcell vào dây chuyền tuyển nổi Pb-Zn Chợ Điện, Bắc Kạn và chạy thu hồi sản phẩm quặng tinh Zn trên thiết bị chế tạo. Hoàn thiện thiết kế, hoàn thiện công nghệ chế tạo sản phẩm, bộ tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ tuyển nổi quặng chì kẽm trên máy tuyển nổi kiểu thùng trụ tròn và báo cáo tổng kết.

Số hồ sơ lưu: 20959

85405.03-2023 **Hoàn thiện thiết kế, công nghệ và chế tạo giá thủy lực di động liên kết xích dùng trong mỏ than hầm lò/** KS. Phạm Xuân Phi, KS. Mai Văn Nhất; KS. Nguyễn Văn Hải; KS. Nguyễn Văn Đông; KS. Ngô Quốc Sự; TS. Bùi Đình Thanh; ThS. Nguyễn Thế Hoàng; ThS. Trần Việt Linh; CN. Nguyễn Thị Sim; ThS. Phạm An Cương; TS. Nguyễn Đăng Tấn; TS. Nguyễn Văn Xô; TS. Nguyễn Khắc Lĩnh; ThS. Phạm Văn Tiến - Quảng Ninh - Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin, 2022; 11/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thiết lập bản vẽ, quy trình công nghệ chế tạo và thử nghiệm giá thủy lực di động liên kết xích dùng trong mỏ than hầm lò (GX1800/16/24). Khảo sát thị trường thực tế hiện nay về sử dụng

giá thủy lực di động liên kết xích ở trong các mỏ than hầm lò. Hoàn thiện các yêu cầu trong tính toán thiết kế giá thủy lực di động liên kết xích. Hoàn thiện tính toán các lực tác động lên giá khung, tính toán kiểm tra độ bền mái trên và tính toán kiểm tra dầm tiến gương.

Số hồ sơ lưu: 21049

#### **20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)**

85401.03-2023 **Nghiên cứu công nghệ xúc tác dị thể tiên tiến sản xuất dung môi alkyl (C1, C2, C4) acetate, thay thế nhập khẩu/** TS. Nguyễn Thị Thu Trang, GS. TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Phương Hoà; ThS. Vũ Tuấn Anh; TS. Nguyễn Minh Đăng; ThS. Phạm Anh Tài; ThS. Nguyễn Bích Ngọc; CN. Trần Thị Thanh Hằng; KS. Mai Ngọc Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Mạnh Dương; CN. Lê Yến Anh; TS. Đỗ Mạnh Hùng - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các phương pháp sản xuất dung môi alkyl acetate và các loại xúc tác được sử dụng. Nghiên cứu qui trình công nghệ điều chế xúc tác. Đánh giá hoạt tính của các xúc tác trong phản ứng este hóa điều chế dung môi acetate trên hệ thiết bị phản ứng gián đoạn. Qui trình công nghệ phản ứng trên hệ thiết bị phản ứng liên tục. Sản xuất thử nghiệm 5L sản phẩm mỗi loại ở điều kiện đã nghiên cứu trên hệ thiết

bị phản ứng liên tục, sử dụng xúc tác dị thể.

Số hồ sơ lưu: 21047

#### **20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung**

84961.03-2023 **Nghiên cứu thu hồi bột kẽm ôxyt (ZnO) siêu mịn từ bụi lò điện hồ quang luyện thép/** PGS. TS. Bùi Anh Hòa, TS. Nguyễn Thị Thảo; PGS.TS. Trần Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Cao Sơn; PGS.TS. Trần Vũ Diễm Ngọc; TS. Chu Văn Giáp - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu hồi được bột ZnO siêu mịn có độ tinh khiết lớn hơn 99 % từ bụi EAF của nhà máy luyện thép ở Việt Nam để sử dụng trong công nghiệp gốm sứ - thủy tinh. Xác định được các đặc trưng tính chất (bao gồm: thành phần hóa học, cấu trúc khoáng vật, kích thước hạt,...) của bụi EAF sử dụng cho nghiên cứu; Thu hồi được bột ZnO siêu mịn (độ tinh khiết > 99 %) từ bụi EAF của nhà máy luyện thép ở Việt Nam; Ứng dụng thử nghiệm bột nano ZnO đã thu hồi được vào trong công nghiệp gốm sứ.

Số hồ sơ lưu: 20980

#### **20403. Kỹ thuật hoá dược**

85688.03-2023 **Thiết kế, tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất N-arylidencarbamoylaceto-hydrazid dạng lai hóa hướng hoạt hóa caspase và/hoặc ức chế tubulin/** PGS. TS. Phan Thị Phương Dung,



TS. Lương Thị Thanh Huyền; TS. Nguyễn Thị Thuận; TS. Phạm Thế Hải; DS. Đỗ Thị Mai Dung; DS. Trần Quốc Trung; DS. Phạm Thị Hoa - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2022; 05/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và tổng hợp được khoảng 50 dẫn chất rylidencarbamoylaceto-hydrazid mới mang dị vòng hoặc hệ dị vòng dạng lai hóa với oncrasin-1 hoặc một số chất kháng ung thư tương tự hướng hoạt hóa enzym caspase/ức chế tubulin và gây độc với tế bào ung thư. Thử hoạt tính sinh học: Thử tác dụng hoạt hóa caspase /và độc tính tế bào ung thư (in vitro) của các dẫn chất tổng hợp được; Thử tác dụng ức chế tubulin của một số chất có hoạt tính hoạt hóa caspase và/hoặc độc tế bào mạnh nhất. Thử tác dụng chống ung thư in vivo của một số dẫn chất có độc tính tế bào in vitro mạnh. Thiết lập được mối liên quan cấu trúc, tác dụng hoạt hóa caspase, tác dụng ức chế tubulin của các dẫn chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 21140

#### **20406. Kỹ thuật hoá dầu**

84886.03-2023 **Nghiên cứu phân tích PCBs trong dầu biến thế bằng sắc ký khí detector FID và ECD hướng tới ứng dụng công nghệ chùm điện tử vào xử lý PCBs trong dầu biến thế/** TS. Nguyễn Thị Hoa Mai, ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Nguyễn Nho Luân; ThS. Đỗ Thị Ánh Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Tươi - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm,

2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan cơ sở khoa học và thực tiễn của phương pháp phân tích phân tích PCBs trong dầu biến thế. Nghiên cứu xử lý mẫu (quá trình làm sạch và chiết pha rắn), đồng thời nghiên cứu điều kiện tách tối ưu của thiết bị GC để xác định PCBs trong dầu biến thế. Xác định giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng và đánh giá độ đúng và độ chính xác của phương pháp thông qua độ chụm, độ lặp lại.

Số hồ sơ lưu: 20946

#### **20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim**

85074.03-2023 **Nghiên cứu thiết kế khái niệm lò ADS công suất nhỏ sử dụng nhiên liệu thorium và nhiên liệu tái chế/** TS. Vũ Thanh Mai, ThS. Vi Hồ Phong; ThS. Bùi Thị Hồng; ThS. Bùi Thị Hoa - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế ADS cần đạt được khả năng chuyển hóa hiệu quả các đồng vị có độc tố phóng xạ cao và thời gian bán rã dài – tranuranic elements (TRUs) đồng thời tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu trong lò. Tiến hành tính toán tối ưu tốc độ chuyển hóa TRU và hiệu suất sử dụng nhiên liệu thorium bằng cách sử dụng các thành phần nhiên liệu khác nhau. Các tính toán thiết kế lò phản ứng thực hiện trong nghiên cứu này nói riêng và trong nghiên cứu lò phản ứng nói chung sử dụng công cụ mô

phòng Monte Carlo. Tuy nhiên, các kết quả tính toán thu được có độ chính xác phụ thuộc trực tiếp vào độ chính xác của thư viện dữ liệu phản ứng hạt nhân. Do đó việc đánh giá sự ảnh hưởng của các số liệu hạt nhân đối với kết quả tính toán các thông số đặc trưng hạt nhân của ADS là hết sức quan trọng. Đề xuất thiết kế mang tính khái niệm của loại lò ADS công suất nhỏ ~500 MW nhiệt, sử dụng nhiên liệu thorium và nhiên liệu tái chế có độ dao động độ phản ứng nhỏ với chế độ vận hành và nạp tải nhiên liệu đơn giản, an toàn và hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 21004

### **20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen**

85023.03-2023 **Nghiên cứu công nghệ chế tạo thép đúc hợp kim mangan 25X2ГНМФЛ để làm tấm lót sàn xe đập cốc/** KS. Phạm Thị Minh Phượng, ThS. Nguyễn Thị Hằng; KS. Nguyễn Hồng Phúc; KTV. Nguyễn Thanh Hải; KTV. Nguyễn Thành Xuân; KS. Trần Đình Cường; KS. Nguyễn Văn Khoa - Hà Nội - Viện luyện kim đen, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về thép đúc hợp kim thấp. Nghiên cứu công nghệ chế tạo thép mangan 25X2ГНМФЛ bao gồm: Công nghệ nấu luyện, công nghệ đúc và công nghệ nhiệt luyện. Nghiên cứu đánh giá chất lượng sản phẩm thép mangan 25X2ГНМФЛ (thành phần hóa học, cơ tính và tổ chức tế vi); Chế tạo tấm lót sàn xe đập cốc từ thép mangan 25X2ГНМФЛ, dùng thử để đánh giá

chất lượng sản phẩm. Tấm lót sàn xe đập cốc được lắp đặt chạy thử tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát để đánh giá chất lượng sản phẩm. Xác lập công nghệ hợp lý để chế tạo thép đúc hợp kim mangan 25X2ГНМФЛ đạt tiêu chuẩn của Nga ГОСТ 977 - 88. Chế tạo 5 tấm lót sàn xe đập cốc, dùng thử và đánh giá chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 20982

85100.03-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm quặng tinh niken sunfua/** ThS. Trần Thị Hiến, ThS. Phạm Đức Phong; ThS. Trần Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Bảo Linh; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Đinh Sơn Dương; KS. Vũ Thùy Linh - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập tài liệu, số liệu về tổng quan về yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý và nhu cầu sử dụng đối với sản phẩm quặng tinh niken sunfua trên thế giới và ở Việt Nam. Phân tích, đánh giá hiện trạng về công nghệ và chất lượng sản phẩm quặng tinh niken sunfua ở một số nhà máy trên thế giới và ở Việt Nam (quặng niken mỏ Bản Phúc, Sơn La và quặng niken tại Cao Bằng). Xây dựng Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về quặng tinh niken sunfua phù hợp với đối tượng mỏ ở Việt Nam về thành phần vật chất, các chỉ tiêu công nghệ đạt được và hiệu quả kinh tế. Tiếp thu các ý kiến chuyên gia, nhà khoa học và các doanh nghiệp liên quan

để hoàn thiện Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về quặng tinh niken sunfua.

Số hồ sơ lưu: 20998

### 20507. Vật liệu xây dựng

84884.03-2023 **Nghiên cứu giải pháp gia cố bằng vật liệu hạt mịn từ chất thải công nghiệp để tăng cường chống thấm cho các công trình đất đắp/** TS. Nguyễn Công Thắng, TS. Chu Thị Xuân Hoa; TS. Nguyễn Thái Hoàng; TS. Bùi Quang Cường; TS. Đinh Nhật Quang; TS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Thị Ngọc Hương - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hiện trạng phát thải và ứng dụng tro, xỉ nhiệt điện trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu cấu trúc vi mô và các đặc tính vật lý và cơ học của vật liệu gia cố. Xác định tỷ lệ hợp lý của các thành phần vật liệu gia cố chống thấm, ổn định công trình. Đề xuất chỉ dẫn kỹ thuật và công nghệ gia cố ổn định và chống thấm công trình đất đắp bằng vật liệu hạt mịn từ chất thải công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20926

85579.03-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy kiểm tra tính chất cơ lý cao su và các vật liệu polyme dùng trong các công trình giao thông thay thế nhập ngoại/** TS. Lê Quý Thủy, ThS. Dương Quang Trọng; TS. Nguyễn Văn Thịnh; TS. Nguyễn Văn Thuyên; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Chí Minh; ThS. Đinh Trọng Thân; ThS. Lê Đức Dũng; ThS.

Phạm Đình Nam; KS. Hoàng Quốc Trường - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trong quá trình thử nghiệm, máy kiểm tra tính chất cơ lý cao su và vật liệu polyme do đề tài thiết kế chế tạo đáp ứng đầy đủ yêu cầu về thông số kỹ thuật về tải trọng thử, về độ chính xác phép thử, về độ phân giải của các thông số thử... theo đề cương được duyệt. Máy kiểm tra tính chất cơ lý cao su và vật liệu polyme do đề tài thiết kế chế tạo cho kết quả kiểm tra chính xác trong kiểm tra với mọi mức tải trọng nhờ giải pháp lắp thêm loadcell tải trọng nhỏ cho máy. Phần mềm điều khiển máy kiểm tra tính chất cơ lý cao su và vật liệu polyme do đề tài chế tạo được tích hợp nhiều tiêu chuẩn quốc tế hiện hành phục vụ việc tự động thực hiện quá trình kiểm tra tính chất cơ lý cao su và vật liệu polyme. Kết quả kiểm tra do máy kiểm tra tính chất cơ lý cao su và vật liệu polyme của đề tài được thể hiện trực tiếp trên màn hình máy vi tính của hệ thống điều khiển điện tử có thể ở dạng đồ thị hoặc ở dạng số liệu.

Số hồ sơ lưu: 21097

### 20508. Vật liệu điện tử

85693.03-2023 **Tính chất điện tử và quang học của một số vật liệu hai chiều đơn lớp dưới ảnh hưởng của trường điện từ ngoài và tạp chất tích điện/** PGS. TS. Lê Thị Thu Phương, PGS.TS. Bùi Đình Hợi; GS.TS. Trần Công Phong; PGS.TS. Lương Văn Tùng; TS.

Phạm Tuấn Vinh; ThS. Nguyễn Quang Cường - Huế - Trường Đại học Sư phạm, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu được các biểu thức giải tích của phổ năng lượng điện tử, mật độ trạng thái điện tử, độ dẫn quang, công suất hấp thụ quang trong các vật liệu nói trên dưới ảnh hưởng của các nhiễu loạn như điện trường ngoài, từ trường ngoài, tạp chất tích điện và các tương tác trao đổi từ hóa; - Thu được các kết quả số và đồ thị mô tả sự phụ thuộc của phổ năng lượng điện tử, mật độ trạng thái điện tử, độ dẫn quang và công suất hấp thụ quang vào điện trường, từ trường ngoài, nồng độ tạp chất và tương tác trao đổi từ hóa; - Chỉ ra được sự giống và khác nhau về tính chất quang-điện trong các vật liệu khác nhau, giữa trường hợp có mặt và không có mặt từ điện, từ trường ngoài. So sánh các kết quả thu được với kết quả của lý thuyết khác và thực nghiệm;

Số hồ sơ lưu: 21142

### **20509. Vật liệu kim loại**

85240.03-2023 Nghiên cứu tổng hợp hệ vật liệu hydroxit lớp kép (LDHs) nhằm xử lý và thu hồi photphat từ một số nguồn thải chứa photphat/ TS. Phương Thảo, TS. Nguyễn Minh Việt; TS. Đặng Nhật Minh; ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Nguyễn Thị Nhâm - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lựa chọn và xác định điều kiện tổng hợp và chứng minh đặc trưng cấu trúc, tính chất của các vật liệu hydroxit lớp kép (LDHs). Xác định khả năng hấp phụ photphat trong môi trường nước của các vật liệu hydroxit lớp kép thông qua dung lượng hấp phụ cực đại, ảnh hưởng của thời gian hấp phụ, ảnh hưởng của pH và ảnh hưởng của các ion cạnh tranh. Xác định điều kiện và hiệu suất thu hồi photphat từ nước thải và bùn thải hoạt tính sau khi hấp phụ trên vật liệu hydroxit lớp kép.

Số hồ sơ lưu: 21024

### **20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)**

85575.03-2023 Phương pháp số mô hình hóa vật liệu có nguồn gốc tự nhiên/nhân tạo và biến dạng dẻo phức tạp/ PGS. TS. Nguyễn Trung Kiên, TS. Nguyễn Sỹ Tuấn; TS. Nguyễn Văn Luật; KS. Nguyễn Mạnh Thành - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Xây dựng, 2022; 09/2019 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển phương pháp đồng nhất hóa "mềm dẻo" dự đoán tính chất hiệu quả của vật liệu có cấu trúc phức tạp. Phát triển phương pháp giải tích-số để xác định hệ số D cho bài toán chảy dẻo đối xứng trục. Nghiên cứu mô hình vật liệu nhiều thành phần dạng nền-cốt liệu có lớp vỏ dị hướng hoặc mặt tiếp xúc không hoàn hảo. Kết hợp sử dụng mô hình, kết quả số, số liệu thí nghiệm có được để xây



dựng phương pháp đồng nhất hóa "mềm dẻo" xác định tính chất hiệu quả của vật liệu.

Số hồ sơ lưu: 21091

85589.03-2023 **Chuyển đổi động học phi cân bằng, hình thái học và tính chất quang-điện tử của các vật liệu nano mềm/** TS. Đặng Minh Triết, PGS.TS. Trịnh Xuân Hoàng; TS. Nguyễn Trúc Anh; TS. Phạm Thị Bích Thảo; ThS. Trương Quốc Tuấn - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng thành công các mô hình lý thuyết đơn giản sử dụng các phương pháp tính toán lý thuyết, các phương pháp mô phỏng máy tính để nghiên cứu tính chất nhiệt động và quang điện tử của vật liệu trong những vấn đề chọn lọc bao gồm sự chuyển động thành ống dòng của hệ keo dạng thủy tinh, sự tự kết dính của hạt keo di hướng dưới tác dụng của lực Casimir tới hạn và mối liên hệ giữa cấu trúc khối chấm lượng tử và cấu trúc vùng năng lượng của chúng. Kết quả mô phỏng sẽ được so sánh trực tiếp với kết quả thực nghiệm để củng cố độ tin cậy của mô hình mô phỏng được đề ra.

Số hồ sơ lưu: 21104

85606.03-2023 **Nghiên cứu vi cấu trúc và cơ chế từ hóa của các hạt có cấu trúc nano kết hợp hai pha từ cứng và từ mềm dạng composit và lõi vỏ/** TS. Trần Thị Việt Nga, TS. Nguyễn Kim Thanh; TS. Nguyễn Thị Lan; KTV. Hoàng Hà; KTV. Nguyễn Hạ Thi; KTV.

Ngô Quang Minh - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2022; 12/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Có những hiểu biết tổng thể về các hạt có kích thước nano kết hợp hai pha từ cứng và từ mềm và phát triển được các phương pháp chế tạo cho từng loại hạt: composit và lõi vỏ. Đánh giá được sự ảnh hưởng của các thông số công nghệ lên cấu trúc, từ tính, thành phần pha, kích thước hạt cũng như độ dày của lớp lõi/vỏ. Đánh giá được ảnh hưởng của tương tác cặp trao đổi đến các tính chất từ cơ bản của vật liệu trong mối tương quan với vi cấu trúc và sự phân bố của các pha từ.

Số hồ sơ lưu: 21110

85615.03-2023 **Nghiên cứu các hiệu ứng cấu trúc, hóa trị và bề mặt của các hệ hạt nano perit spinen bọc vỏ vô cơ sử dụng kết hợp các phương pháp phổ từ nguồn synchrotron/** TS. Tô Thanh Loan, TS. Vũ Văn Khải; TS. Nguyễn Xuân Thấu; GS.TS. Nguyễn Phúc Dương; ThS. Nguyễn Kim Thanh; ThS. Lê Đức Hiền - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2022; 12/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo các hệ mẫu: nghiên cứu chế tạo các hệ hạt nano perit spinen ( $\text{Fe}_3\text{O}_4$ ,  $\text{NiFe}_2\text{O}_4$ ,...) bọc vỏ vô cơ ( $\text{ZnO}$ ) bằng các phương pháp tổng hợp hóa học như đồng kết tủa, phân hủy nhiệt, thủy phân. Nghiên cứu tính chất từ của các mẫu có chất lượng tốt: xác định mômen từ bão hòa, các nhiệt độ chuyển pha sang

trạng thái siêu thuận từ và sang trạng thái thuận từ, lực kháng từ của các mẫu. Nghiên cứu cấu trúc, hóa trị và bề mặt hạt: Phân tích các phổ thu được từ thí nghiệm sử dụng nguồn synchrotron đặc biệt là phổ nhiễu xạ SXRĐ và hấp thụ XAFS để xác định các thông tin chi tiết về bề mặt hạt, trạng thái hóa trị của các nguyên tố và cấu trúc bao gồm cấu trúc nguyên tử (nhóm không gian, các thông số mạng, vị trí các nguyên tử trong ô phân mạng), phân bố cation, định lượng các pha chất và pha cấu trúc trong mẫu, cấu trúc vùng lân cận (khoảng cách giữa nguyên tử hấp thụ với các nguyên tử lân cận, số phối trí, loại phối tử). Nghiên cứu quá trình hình thành cấu trúc lõi-vỏ và mức độ đóng góp của các hiệu ứng cấu trúc, hóa trị và bề mặt dựa trên các thông tin chi tiết từ phân tích phổ kết hợp với tính toán, mô phỏng lý thuyết. Nghiên cứu, giải thích cơ chế thay đổi từ tính; Xác định vai trò ảnh hưởng của các hiệu ứng cấu trúc, hóa trị và bề mặt lên từ tính của các hệ hạt. Kiểm định kết quả thu được bằng các mô hình lý thuyết.

Số hồ sơ lưu: 21111

### 20513. Gỗ, giấy, bột giấy

85574.03-2023 **Khả năng chống chịu thời tiết và khả năng trang sức của gỗ được biến tính bởi hợp chất nhựa thông-đồng/boron kích thước micro/** TS. Nguyễn Thị Thanh Hiền, PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; GS.TS. Trần Văn Chúc; TS. Trịnh Hiền Mai; PGS.TS. Lê Xuân Phương; TS. Nguyễn Trọng Kiên - Hà Nội -

Trường Đại học Lâm nghiệp, 2022; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được khả năng chịu nước/chịu ẩm và khả năng chống chịu tia UV của vật liệu gỗ được biến tính bởi hợp chất nhựa thông-đồng/boron kích thước micro sau khi phơi nhiễm ở điều kiện ngoài trời. Đánh giá được ảnh hưởng của việc biến tính gỗ bằng hợp chất nhựa thông-đồng/boron kích thước micro đến hiệu quả trang sức của các chất phủ trên bề mặt gỗ đã được biến tính. Nâng cao năng lực nghiên cứu cho cán bộ, đồng thời hỗ trợ sinh viên và học viên cao học trong nghiên cứu về Công nghệ biến tính gỗ và công nghệ trang sức vật liệu gỗ. Nghiên cứu biến tính gỗ Keo lai (*Acacia hybrid*) và gỗ Bò đê (*Styrax tonkinensis*) bằng hợp chất nhựa thông-đồng/boron kích thước micro. Nghiên cứu khả năng chịu nước/chịu ẩm và khả năng chống chịu tia UV của gỗ được biến tính bởi hợp chất nhựa thông-đồng/boron kích thước micro. Nghiên cứu trạng thái tồn tại và phân bố của hợp chất nhựa thông-đồng/boron bên trong cấu trúc của gỗ đã được xử lý biến tính. Nghiên cứu ảnh hưởng của việc biến tính gỗ bằng hợp chất nhựa thông-đồng/boron kích thước micro đến hiệu quả trang sức của các chất phủ dung môi hữu cơ và dung môi nước trên bề mặt gỗ đã được xử lý biến tính. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, học viên cao học và sinh viên tham gia nghiên cứu đề tài.

Số hồ sơ lưu: 21090

85661.03-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới tạo gỗ ghép kích thước lớn thân thiện với môi trường từ gỗ rừng trồng dùng trong sản xuất đồ mộc và xây dựng/** PGS. TS. Tạ Thị Phương Hoa, KS. Lê Xuân Ngọc; PGS. TS. Vũ Huy Đại; TS. Tống Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Yên; ThS. Nguyễn Thị Loan; TS. Nguyễn Đức Thành; KS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; KS. Vũ Văn Minh; KS. Nguyễn Tuấn Phan - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu công nghệ mới xẻ gỗ tròn tạo phôi nguyên liệu trong sản xuất gỗ ghép. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt bộ gá và xẻ thử nghiệm trên cưa vòng khi xẻ gỗ theo phương pháp xẻ phôi tiết diện hình thang. Nghiên cứu công nghệ mới xẻ gỗ tròn theo phương pháp xẻ hình thang. Nghiên cứu công nghệ sấy phôi tiết diện hình thang. Công nghệ gia công phôi gỗ tiết diện hình thang. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ mới sản xuất gỗ ghép kích thước lớn.

Số hồ sơ lưu: 21120

85668.03-2023 **Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất bột cellulose từ nước dứa già/** ThS. Mã Thị Bích Thảo, ThS. Phạm Tuấn Đạt; ThS. Nguyễn Trịnh Hoàng Anh; CN. Vũ Thị Xen - Hà Nội - Trung tâm Ươm tạo Công nghệ và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu ảnh hưởng của thành phần môi trường và điều kiện nuôi cấy đến khả năng sinh tổng hợp cellulose của vi khuẩn . Nghiên cứu các giải pháp thu nhận sinh khối cellulose. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất bột cellulose từ nước dứa già.

Số hồ sơ lưu: 21119

#### **20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp**

85687.03-2023 **Nghiên cứu tổng hợp xu thế công nghệ, sản phẩm; các quy định về kiểm soát chất lượng, an toàn các sản phẩm dệt may, da giày trên thế giới và định hướng, giải pháp thực hiện tại Việt Nam./** KS. Nguyễn Văn Huỳnh, TS. Nguyễn Văn Thông, KS. Nguyễn Thanh Hương; ThS. Nguyễn Đức Hóa; ThS. Trần Đức Trung; ThS. Nguyễn Hữu Đông; KS. Nguyễn Hoàng Yến; KS. Tạ Việt Hùng; KS. Phạm Thị Vui - Hà Nội - Công ty Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt May, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá các xu hướng công nghệ, sản phẩm, sử dụng nguyên liệu của ngành dệt may, da giày trên thế giới; Hệ thống kiểm soát chất lượng, cập nhật các quy định về an toàn sản phẩm, kiểm soát chất lượng, hệ thống đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm dệt may, da giày tại các thị trường chính trên thế giới: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan; Nghiên cứu, cập nhật các quy định ghi nhãn đối với các sản phẩm dệt may, da giày tại các thị trường chính

trên thế giới; Nghiên cứu các quy định về truy xuất nguồn gốc, quy tắc xuất xứ sản phẩm dệt may, da giày trong các hiệp định CPTPP, EVFTA; Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển sản phẩm dệt may, da giày phù hợp với xu thế phát triển công nghệ và các quy định về kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của một số nước trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 21132

**85689.03-2023 Nghiên cứu và đề xuất định hướng phát triển sản xuất vải không dệt Spunmelt (SB+MB+SMS) ứng dụng trong lĩnh vực y tế và sản phẩm bảo hộ khác/** KS. Nguyễn Thanh Hương, TS. Nguyễn Văn Thông; ThS. Trần Đức Trung; TS. Phạm Thị Vui; KS. Nguyễn Hoàng Yên; ThS. Đỗ Phương Nga; ThS. Trần Thị Thu Phương; KS. Tạ Viết Hùng - Hà Nội - Công ty Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt May, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất được định hướng phát triển sản xuất vải không dệt Spunmelt ứng dụng trong lĩnh vực y tế và sản phẩm bảo hộ khác; Góp phần hỗ trợ thông tin để doanh nghiệp chủ động tham gia vào sự dịch chuyển của chuỗi cung ứng, sản xuất sản phẩm cho ngành y tế và sản phẩm bảo hộ khác từ vải không dệt Spunmelt tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21131

### **20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác**

**85223.03-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng**

**phương pháp xác định hàm lượng một số thành phần kim loại trong tinh quặng thiếc/** CN. Nguyễn Văn Tuấn, CN. Lưu Hương Ly; ThS. Phan Thị Thanh Hà; ThS. Lê Thị Như Thủy; CN. Lê Văn Kiên; CN. Nông Quốc Tập; KS. Dương Văn Thịnh; KS. Phạm Xuân Hùng ; CN. Võ Thị Hương; CN. Nguyễn Huy Toàn - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về: Tinh quặng thiếc - Phương pháp xác định hàm lượng các kim loại Sn, Fe, Pb, Cu, Bi, Sb. Nghiên cứu xác định hàm lượng thiếc (Sn) trong tinh quặng thiếc - Phương pháp chuẩn độ iốt, phân hủy mẫu bằng natri hydroxit. Nghiên cứu xác định hàm lượng sắt trong tinh quặng thiếc - Phương pháp chuẩn độ tạo phức. Nghiên cứu tối ưu hóa các điều kiện để xác định hàm lượng Pb, Cu, Bi, Sb, trong tinh quặng thiếc bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F-AAS). Xây dựng quy trình phân tích xác định hàm lượng Sn trong tinh quặng thiếc, bằng phương pháp chuẩn độ iốt, nung phân hủy mẫu bằng natrihydroxit. Xây dựng quy trình phân tích xác định hàm lượng Fe trong tinh quặng thiếc, bằng phương pháp chuẩn độ tạo phức.

Số hồ sơ lưu: 21022

### **20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh**

**85627.03-2023 Phân tích panel dấu chuẩn methyl hóa SHOX2 và LINE-1 trong máu ngoại vi của bệnh nhân ung thư phổi/** PGS. TS.



Võ Thị Thương Lan, TS. Lưu Thu Phương; ThS. Phạm Anh Thùy Dương; TS. Nguyễn Quỳnh Uyên; TS. Vương Diệu Linh; TS. Hồ Văn Sơn; ThS. Nguyễn Thùy Ngân - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Định lượng được tỷ lệ methyl hóa SHOX2 và LINE-1, độ nhạy, độ đặc hiệu phát hiện SHOX2 và LINE-1 bị methyl hóa ở bệnh nhân Việt Nam bị ung thư phổi sử dụng mẫu máu ngoại vi. Xác định được mối liên hệ giữa methyl hóa SHOX2 và LINE-1 với các đặc điểm mô bệnh học của ung thư phổi; từ đó đánh giá được vai trò tiềm năng của loại dấu chuẩn này cho bệnh nhân ung thư Việt Nam. Xây dựng mẫu đối chứng dương SHOX2 bị methyl hóa, mẫu đối chứng âm SHOX2 không bị methyl hóa; Xây dựng các mẫu chuẩn (calibrator) để định lượng tỷ lệ SHOX2 bị methyl hóa; Xác định độ nhạy phát hiện SHOX2 bị methyl hóa ở dải nồng độ mẫu chuẩn; Xác định độ đặc hiệu phát hiện SHOX2 bị methyl hóa ở các loại mẫu có tỷ lệ SHOX2 methyl hóa và SHOX2 không bị methyl hóa đã chuẩn bị trước nồng độ; Tối ưu điều kiện phản ứng real time PCR cho các loại môi tương ứng với lượng DNA 1 xử lý thu được từ các loại mẫu khác nhau; Định lượng tỷ lệ methyl hóa SHOX2 bằng kỹ thuật real time PCR với các mẫu ung thư phổi, mẫu bệnh phổi (viêm, xơ phổi, các bệnh lý khác không phải ung thư); Xác định giá trị cut off để đánh giá tỷ lệ SHOX2 bị methyl hóa ở ung thư

phổi so với người khỏe mạnh; Xử lý thống kê, xác định mối quan hệ giữa tỷ lệ methyl hóa SHOX2 với kết quả mô bệnh học của bệnh phẩm ung thư phổi.

Số hồ sơ lưu: 21115

### **20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật**

84945.03-2023 **Ứng dụng kỹ thuật kiểm toán chất thải và đề xuất giải pháp giảm thiểu chất thải trong chăn nuôi lợn/** TS. Cao Trường Sơn, ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; PGS.TS. Nguyễn Thanh Lâm; TS. Đinh Thị Hải Vân; TS. Võ Hữu Công; ThS. Lương Đức Anh; ThS. Phạm Trung Đức; ThS. Nguyễn Thị Bích Hà; ThS. Lý Thị Thu Hà; PGS.TS. Bùi Hữu Đoàn - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định nguồn thải và khối lượng chất thải của các trang trại chăn nuôi lợn thông qua kỹ thuật kiểm toán chất thải. Xây dựng dự thảo Sổ tay kiểm toán chất thải cho ngành chăn nuôi lợn. Điều tra, khảo sát quy trình chăn nuôi lợn, xác định nguồn thải và khối lượng chất thải của các trang trại chăn nuôi lợn. Ứng dụng kỹ thuật kiểm toán chất thải để đề xuất giải pháp giảm thiểu cho các trang trại chăn nuôi lợn điển hình. Xây dựng mô hình áp dụng thí nghiệm giải pháp giảm thiểu chất thải chăn nuôi lợn.

Số hồ sơ lưu: 20965

84959.03-2023 **Nhận thức, thái độ và hành vi của lãnh đạo doanh**

**nghiệp tư nhân về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng bền vững tại một số làng nghề khu vực Đồng Bằng Sông Hồng/** TS. Nguyễn Thị Ngọc, TS. Ngô Minh Đức; PGS.TS. Ngô Xuân Bình; ThS. Phạm Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Tươi; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Hồ Thanh Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2022; 02/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích, đánh giá thực trạng môi trường nhận thức, thái độ và hành vi của lãnh đạo doanh nghiệp từ nhân về bảo vệ môi trường làng nghề khu vực đồng bằng sông Hồng. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi của họ về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng bền vững.

Số hồ sơ lưu: 20964

**85101.03-2023 Nghiên cứu, xây dựng Bộ Chỉ số đánh giá mức độ tác động của các dự án đầu tư phát triển đến hệ sinh thái rừng phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/** ThS. Phan Thị Kim Oanh, TS. Mai Thanh Dung; ThS. Vũ Thị Thanh Nga; TS. Lê Trịnh Hải; TS. Trần Ngọc Cường; TS. Nguyễn Sỹ Linh; TS. Nguyễn Hoàng Nam; TS. Đặng Trung Tú; ThS. Nguyễn Minh Khoa; CN. Trần Thu Trang - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2022; 07/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng hướng dẫn đánh giá tác động của các dự án đầu tư phát triển đến hệ sinh thái rừng trong công tác lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Rà soát chính sách, pháp luật về công tác bảo vệ và phát triển rừng và công tác đánh giá tác động môi trường; đánh giá thực trạng tác động của các dự án đầu tư phát triển tới hệ sinh thái rừng và công tác đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam. Đề xuất Bộ Chỉ số đánh giá mức độ tác động của các dự án đầu tư phát triển đến hệ sinh thái rừng, phục vụ công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Số hồ sơ lưu: 21002

**85398.03-2023 Khảo sát, đánh giá hiện trạng và xây dựng hướng dẫn kỹ thuật kiểm soát rủi ro, ứng phó sự cố môi trường trong hoạt động chuyên chở hàng nguy hiểm trên đường thủy nội địa/** PGS. TS. Đặng Xuân Kiên, PGS. TS. Võ Công Phương; TS. Tạ Văn Phương; TS. Đỗ Khánh Hùng; TS. Phan Thanh Minh; ThS. Trần Tiến Đạt; ThS. Trần Văn Thành; ThS. Phạm Thị Duyên Anh; ThS. Đỗ Việt Dũng; ThS. Hồ Lê Anh Hoàng; KS. Trần Mai Hương; CN. Nguyễn Thị Lan Anh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về vận tải hàng nguy hiểm trên đường thủy nội địa trên thế giới và Việt Nam. Khảo sát, đánh giá công tác kiểm soát rủi ro, ứng phó sự cố môi trường trong hoạt động chuyên chở hàng nguy hiểm

trên đường thủy nội địa. Các giải pháp kiểm soát, phòng ngừa rủi ro, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến hoạt động chuyên chở hàng nguy hiểm trên đường thủy nội địa. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật kiểm soát rủi ro, ứng phó sự cố môi trường và trang thiết bị liên quan đến hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường thủy nội địa.

Số hồ sơ lưu: 21048

85624.03-2023 **Đánh giá ô nhiễm hóa chất độc hại trong bùn thải công nghiệp, những tác động tiềm ẩn của chúng tới hệ sinh thái và đề xuất phương pháp khắc phục thân thiện môi trường ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Thủy Chung, TS. Lương Thị Mai Ly; TS. Thái Khánh Phong; TS. Nguyễn Văn Thịnh; TS. Phạm Minh Chinh - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2022; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hàm lượng kim loại nặng có trong bùn thải ở một số khu công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam. Quan trắc sự phân bố của kim loại nặng trong bùn thải công nghiệp tại một số khu công nghiệp. Mẫu bùn được lấy từ nhà máy xử lý nước thải tại một số khu công nghiệp đại diện tại miền Bắc Việt Nam, với số lượng mẫu đủ lớn (22 mẫu) và phân tích nhanh. Đánh giá tác động tiềm ẩn của bùn thải đối với khu vực chôn lấp. Đánh giá hiệu quả của các phương pháp tách chiết thân thiện môi trường để loại bỏ kim loại nặng từ bùn thải và đề xuất giải pháp cho

vấn đề ô nhiễm kim loại trong bùn thải.

Số hồ sơ lưu: 21116

85671.03-2023 **Nghiên cứu giảm ô nhiễm hữu cơ trong nước thải sản xuất thuốc bảo vệ thực vật bằng chiếu xạ chùm tia điện tử/** PGS.TS. Bùi Mạnh Hà, PGS. TS. Nguyễn Quốc Hiến; TS. Nguyễn Ngọc Duy; PGS. TS. Nguyễn Tiến Công; ThS. Dương Thị Giáng Hương; ThS. Vũ Thị Thúy - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sài Gòn, 2022; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu giảm chất hữu cơ khó phân hủy trong nước thải sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) bằng chiếu xạ chùm tia điện tử. Từ đó tìm ra điều kiện vận hành tối ưu ứng dụng công nghệ này trong xử lý nước thải sản xuất thuốc BVTV. Nghiên cứu tìm ra điều kiện thích hợp trong xử lý nước thải sản xuất thuốc trừ sâu tricyclazole bằng phương pháp Chiếu xạ và Fenton điện hóa. Đây là nghiên cứu đầu tiên về xử lý nước thải thực tế thuốc trừ sâu bằng phương pháp chiếu xạ chùm tia điện tử tại Việt Nam, nghiên cứu có tính mới và giá trị thực tiễn khi xử lý triệt để nước thải có độ tinh cao, lưu lượng thấp và khó xử lý như nước thải sản xuất thuốc trừ sâu. Chiếu xạ chùm tia điện tử là hướng nghiên cứu mới có thể áp dụng cho thực tiễn các dạng nước thải có độ nguy hại cao trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 21127

**20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)**

85158.03-2023 Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp công nghệ và thực nghiệm đánh giá các tác nhân nâng cao hệ số thu hồi dầu cho đối tượng trầm tích lục nguyên của các mỏ dầu thuộc bể Cửu Long/ ThS. Hoàng Long, ThS. Trần Thanh Phương; TS. Đặng Thanh Tùng; TS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Bùi Việt Dũng; ThS. Nguyễn Ngọc Hoàn; TS. Nguyễn Thế Dũng; ThS. Bùi Thiệu Sơn; KS. Cao Hữu Bình - Hà Nội - Viện dầu khí Việt Nam, 2022; 03/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lựa chọn giải pháp công nghệ có tính khả thi nhằm nâng cao hệ số thu hồi dầu phù hợp cho từng đối tượng, từng mỏ đang khai thác trong tầng trầm tích lục nguyên thuộc bể Cửu Long. Xây dựng được phương án tổng thể ứng dụng các giải pháp nâng cao hệ số thu hồi dầu cho trầm tích lục nguyên trên phạm vi toàn bể Cửu Long. Lựa chọn 02 đối tượng đại diện của bể Cửu Long để tiến hành thực nghiệm nghiên cứu các giải pháp nâng cao hệ số thu hồi dầu. Đề xuất và chế tạo được hệ hóa phẩm nâng cao hệ số thu hồi phù hợp cho đối tượng đại diện. Lựa chọn và đánh giá được tính chất tác nhân khí phù hợp cho bơm ép khí nâng cao hệ số thu hồi cho đối tượng đại diện.

Số hồ sơ lưu: 21012

**85218.03-2023 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo Hệ thống cửa**

giảm bụi đóng mở tự động cho luồng gió thải của các phân xưởng khai thác than mỏ hầm lò./ ThS. Nguyễn Thị Bích Hậu, PGS.TS. Đỗ Như Ý; TS. Hồ Việt Bun; TS. Lê Anh Tuấn; TS. Ngô Thanh Tuấn; ThS. Đào Thị Thủy; PGS.TS. Phạm Trung Sơn; TS. Lê Xuân Thành; TS. Ngô Xuân Cường; ThS. Nguyễn Cao Sơn; KS. Lê Hùng - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ Tiến Bộ Kỹ thuật Mỏ, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tính toán thiết kế, chế tạo được cửa điều chỉnh gió đảm bảo các yêu cầu về mặt cơ khí cũng như đảm bảo cân bằng lưu lượng gió cho mạng thông gió theo thiết kế của mỏ. Tính toán thiết kế, chế tạo được hệ thống lọc bụi phù hợp cho các luồng gió thải đi ra khỏi lò chợ trên các nhánh cần điều chỉnh hạ áp mỏ để cân bằng lưu lượng gió cho mạng thông gió bằng cách sử dụng nguồn nước có áp lực cao hiện có trong các mỏ. Tính toán thiết kế, chế tạo được hệ thống điều khiển đóng mở cửa tự động bằng cách sử dụng nguồn khí nén hiện có trong các mỏ.

Số hồ sơ lưu: 21008

**20704. Viễn thám**

85259.03-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám nhằm kiểm đếm, giám sát nguồn nước các hồ thủy lợi, thủy điện và giám sát hạn phục vụ sản xuất nông nghiệp tại các vùng khô hạn Nam Trung Bộ và Tây Nguyên/ ThS. Hà Thanh Lâm, PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Lương Ngọc Chung ; TS. Lê Việt Sơn; ThS. Trần Thị Nhung;



ThS. Nguyễn Xuân Phùng; ThS. Hoàng Tiến Thành; ThS. Đinh Xuân Hùng; ThS. Lê Thanh Hà; ThS. Vũ Phương Nam - Hà Nội - Viện quy hoạch thủy lợi, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng giải pháp đồng bộ ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ việc kiểm đếm, giám sát nguồn nước hồ thủy lợi, thủy điện và giám sát hạn phục vụ sản xuất nông nghiệp. Xây dựng bộ công cụ bao gồm tư liệu ảnh viễn thám, các thuật toán lập trình máy tính, mô hình toán sử dụng đầu vào từ viễn thám phục vụ nghiên cứu. Kiểm chứng phù hợp với thực tế và áp dụng thành công ở vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (tại 02 tỉnh Ninh Thuận và Đắk Lắk). Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS, viễn thám, hệ thống hồ chứa, nguồn nước và tình trạng hạn hán phục vụ sản xuất nông nghiệp 2 tỉnh Ninh Thuận và Đắk Lắk. Xây dựng hệ thống WebGIS tập hợp các cơ sở dữ liệu và giao diện trực quan, tích hợp ứng dụng được trong kiểm đếm, giám sát nguồn nước các hồ thủy lợi, thủy điện và giám sát hạn phục vụ sản xuất nông nghiệp tại 2 địa phương và được các đơn vị ở Trung ương và 2 tỉnh đưa vào sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 21037

**85675.03-2023 Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu vệ tinh Sentinel trong giám sát môi trường tại thành phố Hạ Long và Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh/** TS. Đặng Vũ Khắc, PGS. TS. Đào Ngọc Hùng; TS. Dương Thị Lợi; TS. Đinh Xuân Vinh; TS. Nguyễn Thành Đồng; TS. Christiane

Weber - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn của việc ứng dụng dữ liệu ảnh vệ tinh Sentinel trong giám sát môi trường. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ việc phân tích các kết quả thu được từ xử lý dữ liệu Sentinel tại khu vực nghiên cứu. Xử lý dữ liệu ảnh Sentinel (C-SAR) đa thời gian nhằm theo dõi sự thay đổi của bề mặt đất tại khu vực nghiên cứu. Xử lý dữ liệu ảnh Sentinel (MSI, OLCI) đa thời gian nhằm theo dõi sự thay đổi của chất lượng nước ven biển và các thể nước mặt tại khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 21130

**85691.03-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và mô hình GFS trong dự báo dòng chảy lũ lưu vực sông xuyên biên giới về lãnh thổ Việt Nam - nghiên cứu điển hình lưu vực sông Lô - Gâm/** TS. Bùi Tuấn Hải, KS. Bùi Thế Văn; KS. Hoàng Văn Hiến; KS. Trần Thị Thanh Dung; KS. Nguyễn Duy Quang; KS. Phạm Văn Trình; KS. Đỗ Quang Huy; KS. Nguyễn Ngọc Sáng; KS. Nguyễn Quốc Tú; KS. Lê Thị Thảo - Hà Nội - Viện quy hoạch thủy lợi, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp cách tiếp cận, phương pháp luận và các mô hình đã thực hiện trên thế giới và tại Việt Nam. Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu phục vụ nghiên cứu từ các nguồn số liệu thực tiễn đo đạc và viễn thám. Điều tra, thu thập số liệu về các hồ

chứa xuyên biên giới, quá trình vận hành, đánh giá ảnh hưởng vận hành đến dự báo dòng chảy lũ. Nghiên cứu cơ sở khoa học và đánh giá, lựa chọn giải pháp ứng dụng công nghệ viễn thám và mô hình dự báo toàn cầu GFS trong dự báo dòng chảy lũ xuyên biên giới. Nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm dự báo lũ xuyên biên giới cho lưu vực sông Lô - Gâm. Đề xuất hướng sử dụng kết quả nghiên cứu cho công tác chỉ đạo ứng phó phòng chống lũ sông biên giới.

Số hồ sơ lưu: 21137

#### **20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển**

85031.03-2023 **Nghiên cứu xây dựng chương trình tự động hóa tính toán hiệu số môn nước tối ưu trong khai thác cho nhóm tàu biển Việt Nam có trọng tải cỡ 12.500 tấn nhằm tiết kiệm nhiên liệu tiêu thụ/** PGS. TS. Nguyễn Kim Phương, ThS. Trần Quốc Chuẩn; PGS.TS. Trần Ngọc Tú; TS. Nguyễn Trung Đức; ThS. Từ Mạnh Chiến; ThS. Phạm Văn Luân; ThS. Trần Tiến Lương - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, tổng hợp; sử dụng lý thuyết chung về thủy động lực học tàu thủy; phương pháp CFD để tính toán ảnh hưởng của hiệu số môn nước đến sự thay đổi lực cản tàu; phương pháp thực nghiệm để kiểm tra kết quả mô phỏng tính toán. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và tính toán ảnh hưởng của hiệu số môn nước đến mức tiêu hao nhiên liệu

trên tàu trên cơ sở đó xây dựng phần mềm tự động hóa xác định hiệu số môn nước tối ưu nhằm tiết kiệm nhiên liệu cho tàu trong quá trình khai thác.

Số hồ sơ lưu: 20992

85315.03-2023 **Nghiên cứu, thiết kế hệ thống tự động nhận dạng và cảnh báo tàu thuyền quá khổ khi qua cầu thuyền trong hệ thống kiểm soát triều chống ngập ứng dụng xử lý ảnh bằng mạng nơ ron nhân tạo tích chập (Convolutional Neural network)/** PGS. TS. Võ Công Phương, PGS.TS. Đặng Xuân Kiên; ThS. Mai Duy Phương; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Hồ Lê Anh Hoàng; ThS. Phan Thị Thúy Hoa; KS. Nguyễn Việt Chính; CN. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Phạm Thị Duyên Anh; CN. Trần Mai Hương - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các hệ thống tự động nhận dạng và cảnh báo tàu thuyền quá khổ ở Việt Nam và trên thế giới. Đồng thời, tổng quan về phân tích ảnh trong không gian số và xử lý ảnh bằng mạng nơ ron tích chập. Tiến hành phân tích các thuật toán xử lý ảnh trong ứng dụng nhận dạng đối tượng di chuyển và tìm hiểu cơ sở lý thuyết mạng nơ ron tích chập. Tính toán, thiết kế phần cứng hệ thống tự động nhận dạng và cảnh báo tàu thuyền quá khổ và thử nghiệm hệ thống tự động nhận dạng và cảnh báo tàu thuyền quá khổ.

Số hồ sơ lưu: 20601

**21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)**

85549.03-2023 **Nghiên cứu tổng hợp một số vật liệu oxit kim loại cấu trúc nano trên cơ sở giá đỡ graphene oxide đính trên sợi polyester (GO@PESF) và khảo sát các ứng dụng xúc tác/ GS. TS. Trần Đại Lâm, TS. Lê Thế Tâm; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Thiên Vương; PGS.TS. Trần Văn Khải; TS. Phạm Gia Vũ; TS. Nguyễn Thị Thơm; KS. Võ Thị Kiều Anh; TS. Trần Thị Thùy Dương - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2022; 06/2019 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng hợp, biến tính GO, graphene với kích thước, nồng độ, pH khác nhau để tìm ra điều kiện tối ưu nhất cho nghiên cứu. Các nano xúc tác sẽ được gắn lên để thông qua các phương pháp khử từ muối tan, nhiệt thủy phân. Ảnh hưởng của các thông số trong quá trình tổng hợp như thời gian phản ứng, nhiệt độ phản ứng, áp suất, nồng độ tác chất sẽ được tối ưu hóa để đạt được hệ xúc tác có tính ổn định tốt nhất. Một số chất khử tự nhiên sẽ được nghiên cứu để khử GO thành rGO, các hệ xúc tác sẽ được áp dụng thành công trong các ứng dụng cụ thể. Đồng thời, tiến hành nghiên cứu tổng hợp vật liệu hai chiều Mxene và khảo sát các ứng dụng xúc tác.

Số hồ sơ lưu: 21083

85626.03-2023 **Tổng hợp các vật liệu quang xúc tác dạng sơ đồ Z trên cơ sở các vật liệu tổ hợp vô cơ/graphitic carbon nitride cho**

**ứng dụng xử lý khí nitơ oxit/ TS. Phạm Văn Việt, PGS. TS. Cao Minh Thì; TS. Nguyễn Thái Ngọc Uyên; TS. La Phan Phương Hạ; ThS. Vũ Hoàng Nam; ThS. Nguyễn Trường Thọ - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng quy trình tổng hợp vật liệu nano vô cơ (Ag dạng tam giác, Cu<sub>2</sub>O, Cu-Cu<sub>2</sub>O, ZnO, Sn<sub>2</sub>O, Sn, TiO<sub>2</sub>), g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (dạng khối và dạng tấm) bằng các phương pháp như slo gel, thủy nhiệt, khử quang, điện hóa... Kiểm tra, đánh giá các đặc tính của các vật liệu nano vô cơ và g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>. Xây dựng quy trình tổng hợp các vật liệu quang xúc tác sơ đồ Z trên nền tảng các vật liệu nano vô cơ với g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> bằng các phương pháp như slo gel, thủy nhiệt, khử quang, điện hóa. Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số chế tạo lên hình thái, cấu trúc và tính chất của các vật liệu cấu trúc sơ đồ Z. Khảo sát ảnh hưởng của hình thái, cấu trúc, hàm lượng các chất lên tính chất quang xúc tác phân hủy NO<sub>x</sub>. Khảo sát ảnh hưởng của sự thay đổi hàm lượng các chất quang xúc tác, nồng độ khí NO<sub>x</sub> lên hiệu quả quang xúc tác phân hủy NO<sub>x</sub>. Khảo sát vai trò của các tác nhân (điện tử/lỗ trống quang sinh/gốc tự do OH,...) ảnh hưởng chính lên khả năng quang xúc tác của các vật liệu. Xác định cấu trúc vùng năng lượng của các vật liệu bằng các kết quả thực nghiệm (phổ PL, DRS, XPS, UPS,...) kết hợp với tính toán/mô phỏng DFT và tìm ra

cấu trúc vùng năng lượng thích hợp nhất.

Số hồ sơ lưu: 21114

### 21101. Kỹ thuật thực phẩm

85277.03-2023 Nghiên cứu chế tạo sản phẩm phản ứng Maillard của chitosan và glucosamin bằng phương pháp chiếu xạ định hướng ứng dụng bảo quản thịt heo tươi/ ThS. Lê Anh Quốc, GS. TSKH. Nguyễn Quốc Hiến; ThS. Đặng Văn Phú; ThS. Nguyễn Chí Thuận; KS. Chu Nhật Khánh - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ Bức xạ, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát ảnh hưởng của tổng nồng độ chất phản ứng (chitosan, glucosamin) đến hiệu suất phản ứng Maillard. Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ nồng độ chất phản ứng (chitosan: glucosamin) đến hiệu suất phản ứng Maillard. Khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của sản phẩm phản ứng Maillard chitosan-glucosamin đối với vi khuẩn *Escherichia coli*, *Staphylococcus aureus*. Đánh giá hiệu quả bảo quản thịt heo tươi của sản phẩm phản ứng Maillard chitosan-glucosamin.

Số hồ sơ lưu: 21034

### 3. Khoa học y, dược

85759.03-2023 Tỷ lệ hiện mắc và một số yếu tố nguy cơ của đột quỵ não trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./ TS. Đinh Hữu Hùng, ThS. Đặng Thị Xuyên (Thư ký); PGS.TS. Vũ Anh Nhị; PGS.TS. Đỗ Văn Dũng; PGS.TS. Thân Trọng

Quang; TS. Lê Văn Tuấn; ThS. Vũ Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Hoàng Anh Thư; ThS. Tào Thị Hoa; ThS. Vũ Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Như Khuê. - Đắk Lắk - Trường Đại học Tây Nguyên, 2021; 10/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tỷ lệ hiện mắc đột quỵ não của người dân  $\geq 18$  tuổi trong cộng đồng tỉnh Đắk Lắk ở mức cao (2,97%), nhất là ở người lớn tuổi ( $\geq 60$  tuổi), nam giới, có học vấn thấp, có hút thuốc lá, thiếu hoạt động thể lực, có tiền sử gia đình có người thân bị đột quỵ, tăng huyết áp, rối loạn lipid máu và tăng đường máu.

Tỷ lệ hiện mắc một số yếu tố nguy cơ đột quỵ ở người dân  $\geq 18$  tuổi trong cộng đồng cũng ở mức cao, đặc biệt là ăn mặn, rối loạn lipid máu, tăng huyết áp, hút thuốc lá, béo phì bụng, thiếu hoạt động thể lực, thừa cân/béo phì và tăng đường máu. Có mối liên quan giữa tỷ lệ hiện mắc đột quỵ và một số yếu tố, gồm: tuổi lớn ( $\geq 60$  tuổi), nam giới, trình độ học vấn thấp, tiền sử gia đình có người thân bị đột quỵ, hút thuốc lá, thiếu hoạt động thể lực, tăng huyết áp, rối loạn lipid máu và tăng đường máu. Có mối liên quan độc lập giữa tỷ lệ hiện mắc đột quỵ và một số yếu tố, gồm: tuổi lớn ( $\geq 60$  tuổi), nam giới, tiền sử gia đình có người thân bị đột quỵ, hút thuốc lá và tăng huyết áp.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-011

### 30202. Sản khoa và phụ khoa

85605.03-2023 Nghiên cứu tối ưu hoá kỹ thuật nuôi trứng



**thành noãn trong ống nghiệm (IVM) nhằm giảm chi phí thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm/** TS. Vương Thị Ngọc Lan, ThS. Hồ Mạnh Tường; PGS.TS. Hồ Huỳnh Thùy Dương; BS. Phùng Huy Tuân; ThS. Mã Phạm Quế Mai; ThS. Phạm Dương Toàn; ThS. Hà Thị Diễm Uyên; ThS. Lê Hoàng Anh; ThS. Đặng Quang Vinh; ThS. Nguyễn Hoàng Nhất Minh; ThS. Phan Thị Kim Anh; ThS. Phạm Hoàng Huy; ThS. Huỳnh Trọng Kha - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu Di truyền và Sức khỏe sinh sản, 2022; 08/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi trưởng thành noãn trong ống nghiệm (IVM) cải tiến, gọi tắt là CAPAIVM, để điều trị hiếm muộn và đánh giá hiệu quả ứng dụng trên lâm sàng. Kiểm tra sự biểu hiện gen của tế bào cumulus để làm rõ các dấu ấn sinh học biểu hiện cho trạng thái trưởng thành (về giảm phân và về tế bào chất) của noãn trong quy trình IVM cải tiến. Đánh giá sự phát triển thể chất, tâm thần, vận động của trẻ sinh ra từ kỹ thuật CAPA-IVM

Số hồ sơ lưu: 21109

### **30221. Ung thư học và phát sinh ung thư**

85162.03-2023 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật PET/CT và xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung (VMAT), xạ trị dưới hướng dẫn hình ảnh (IGRT) trong chẩn đoán và điều trị ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt/** TS. Bùi Vinh

Quang, PGS.TS. Trần Văn Thuận; PGS.TS. Trần Thị Thanh Hương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS.BS. Đỗ Tất Cường; ThS.BS. Nguyễn Công Hoàng; ThS.BS. Phạm Lâm Sơn; ThS.BS. Vũ Xuân Huy; PGS.TS. Bùi Công Toàn; KS. Lê Văn Tinh; TS.BS. Nguyễn Đức Lợi; ThS.BS. Võ Quốc Hưng; ThS.BS. Nguyễn Hương Giang; CN. Nguyễn Thị Hồng Hào; Bác sỹ nội trú. Phan Thanh Dương; ThS. Nguyễn Việt; BS. Phạm Quang Anh; ThS.BS. Nguyễn Thanh Tùng; BS. Đinh Công Định; BS. Nguyễn Lan Phương; ThS.BS. Nguyễn Hữu Thường; TS.BS. Phan Lê Thắng; BS. Trần Đức Cung; Điều dưỡng. Vũ Thị Thu Nga; Điều dưỡng. Vũ Minh Long; KTV. Nguyễn Văn Đoàn; KTV. Nguyễn Trọng Hiến; KTV. Cảnh Chi Mạnh; KS. Nguyễn Thanh Bình; KS. Nguyễn Thị Thơm; KS. Vũ Thị Lệ; KS. Nguyễn Đăng Nhật; KTV. Nguyễn Việt Xuân - Hà Nội - Viện nghiên cứu Phòng chống Ung thư, 2021; 09/2017 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình ứng dụng kỹ thuật PET/CT trong chẩn đoán giai đoạn và lập kế hoạch xạ trị trong ung thư phổi. Xây dựng chỉ định và quy trình ứng dụng kỹ thuật xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung (VMAT) và xạ trị dưới hướng dẫn hình ảnh (IGRT) trong điều trị ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt. Đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật PET/CT và xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung (VMAT) và xạ trị dưới hướng dẫn hình ảnh (IGRT)



trong điều trị ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt.

Số hồ sơ lưu: 21013

**30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)**

84947.03-2023 **Nghiên cứu và ứng dụng các kỹ thuật ảnh hồng ngoại và quang học đa bước sóng trong khảo sát hệ tĩnh mạch và chẩn đoán bệnh lý về da/** ThS. Lê Anh Tú, TS. Trần Thị Kim Chi; ThS. Dương Thị Giang; PGS.TS. Phạm Hồng Dương; TS. Đào Nguyên Thuận; TS. Tống Quang Công; TS. Trần Quốc Tiên; ThS. Nguyễn Đức Thành; ThS. Phạm Hoàng Minh; PGS.TS. Lê Hoàng Hải; TS. Lê Duy Tuấn; TS. Tạ Văn Dương; TS. Trịnh Quang Dũng - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2022; 09/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ và phát triển kỹ thuật ảnh hồng ngoại và quang học đa bước sóng, ứng dụng trong y sinh học. Thiết kế và chế tạo được các thiết bị khảo sát hệ tĩnh mạch và chẩn đoán các bệnh lý về da bằng kỹ thuật ảnh hồng ngoại và quang học đa bước sóng. Thử nghiệm, đánh giá tính năng, công dụng của các thiết bị trên mô hình sinh học. Chế tạo được các sản phẩm thiết bị soi tĩnh mạch, thiết bị soi da với kết cấu gọn gàng, di động và thuận tiện trong sử dụng, có khả năng ứng dụng tại cơ sở y tế các cấp. Việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị được thực hiện trên cơ sở phối hợp chặt

chẽ giữa đội ngũ nghiên cứu khoa học, thiết kế kỹ thuật và nhân viên y tế trực tiếp thử nghiệm thiết bị.

Số hồ sơ lưu: 20972

**30402. Dược học lâm sàng và điều trị**

85893.03-2023 **Nghiên cứu hiện đại hóa bài thuốc thoái hóa cột sống của Lương y Nguyễn Thiện Chung (Giai đoạn 1)/** TS.DS. Nguyễn Đức Hạnh, ThS. Huỳnh Trần Quốc Dũng; ThS. Võ Thanh Hóa; DS. Phạm Ngọc Thạch; ThS. Nguyễn Lê Thành Tuyền; ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học - Công nghệ Dược Sài Gòn, 2020; 01/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng phương pháp chế biến, bảo quản và tiêu chuẩn để đảm bảo chất lượng nguyên liệu cho bài thuốc. Nghiên cứu xây dựng quy trình chiết xuất loại cao chiết phù hợp từ bài thuốc của Lương Y Nguyễn Thiện Chung. Xây dựng tiêu chuẩn cho cao chiết bài thuốc. Đánh giá độc tính và tác dụng dược lý cho các sản phẩm chiết xuất từ bài thuốc.

Số hồ sơ lưu: AGG-002-2022

85894.03-2023 **Hiện đại hóa bài thuốc gia truyền hỗ trợ điều trị chứng viêm xoang của bà Hồ Kim Phụng, thành phố Long Xuyên, An Giang/** Ths. Nguyễn Ngọc Huỳnh Trân, - An Giang - Trung tâm công nghệ sinh học An Giang, 2021; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Viêm xoang là tình trạng niêm mạc xoang bị viêm, tổn thương do nhiều nguyên nhân khác nhau khiến cho niêm mạc xoang không hoạt động bình thường được. Tình trạng tổn thương lâu ngày sẽ dẫn đến ứ đọng các dịch nhầy bản. Chất dịch này lại bám vào thành hốc xoang, lấp đầy hốc xoang, làm hẹp, tắc lỗ thông xoang, dẫn đến viêm nhiễm tạo mủ. Trước đây, bệnh xoang được cho là chứng bệnh của mùa lạnh, nhưng hiện tại ngay cả khi thời tiết đã sang hè, nhiều người vẫn mắc bệnh viêm xoang. Khoảng 10 năm trở lại đây, bệnh ngày càng trở nên phổ biến, có xu hướng gia tăng về số lượng và đối tượng bệnh nhân. Thống kê năm 2019, tại Việt Nam, hơn 70% dân số mắc bệnh viêm xoang ở các mức độ khác nhau. Nghiêm trọng hơn khi bệnh này có xu hướng ngày càng trẻ hóa.

Số hồ sơ lưu: AGG-003-2022

### **30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc**

85614.03-2023 Nghiên cứu tác dụng hỗ trợ/ điều trị bệnh tự kỷ của một số dược liệu Việt Nam và cơ chế liên quan/ PGS. TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng, TS. Lê Thị Xoan; TS. Nguyễn Văn Tài; PGS. TS. Đỗ Thị Hà; TS. Nguyễn Lê Chiến; TS. Nguyễn Trọng Tuệ; TS. Phí Thị Xuyên; TS. Trần Nguyên Hồng - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập mẫu 3 dược liệu: phần trên mặt đất Rau đắng biển (*Bacopa*

*monnieri* (Linn.) Wettst), lá Chè đắng (*Illex kudingcha* C. J. Tseng.) và vỏ thân rễ Ngũ gia bì hương (*Acanthopanax gracilistylus* W.W. Smith), điều chế cao chiết cồn và cao chiết phân đoạn từ cao chiết cồn của các dược liệu. Đánh giá tác dụng trên mô hình ruồi giấm tự kỷ của các cao chiết bằng các thử nghiệm hành vi giấm (thử nghiệm bò, trèo, tương tác cộng đồng, hành vi thức/ngủ...) để lựa chọn được dược liệu có tác dụng tốt. Tiếp tục đánh giá cơ chế tác dụng của cao chiết dược liệu tốt thông qua việc thay đổi một số protein liên quan (Rugose, Nbea...) trên mô hình ruồi giấm. Đánh giá tác dụng và cơ chế tác dụng trên mô hình động vật thực nghiệm của các dược liệu tiềm năng đã được chứng minh trên mô hình ruồi giấm tự kỷ. Thử nghiệm hành vi dự định sử dụng trên mô hình động vật bao gồm: thử nghiệm không gian mở, thử nghiệm tương tác cộng đồng, thử nghiệm bơi cưỡng bức, thử nghiệm mê lộ chữ Y cải tiến, thử nghiệm nhận diện đồ vật và thử nghiệm tâm nóng... Đánh giá cơ chế tác dụng dự định thông qua định lượng một số thông số như: serotonin trong não, thông số oxy hóa (nitric oxide, glutathione), giải phẫu mô bệnh học não, một số protein liên quan (PTEN, pAKt...). Từ dạng cao chiết của dược liệu có tác dụng tốt trên mô hình động vật và ruồi giấm tự kỷ, chúng tôi sẽ phân lập, xác định cấu trúc một số chất tinh khiết và đánh giá tác dụng điều trị tự kỷ trên mô hình ruồi giấm hoặc động vật thực nghiệm tự kỷ (nếu lượng chất phân lập được đủ lớn).

Số hồ sơ lưu: 21113

85735.03-2023 Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm hỗ trợ điều trị tăng huyết áp và rối loạn mỡ máu từ đài hoa cây Bụp giấm (*Hibiscus sabdariffa*) trồng tại Đắk Lắk./ PGS.TS. Lê Tiến Dũng, PGS.TS. Lê Tiến Dũng; PGS.TS. Nguyễn Đại Hải; TS. Nguyễn Ngọc Tuấn; TS. Phạm Thị Nhật Trinh; TS. Phùng Văn Trung; ThS. Phạm Ngọc Ân; ThS. Nguyễn Hữu An; ThS. Dương Thị Mộng Ngọc; ThS. Trần Mỹ Tiên; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Đan. - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2020; 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình chiết xuất ở quy mô phòng thí nghiệm và quy mô pilot các hợp chất có hoạt tính sinh học từ đài hoa Bụp giấm trồng tại Đắk Lắk với dung môi chiết là cồn 70%. Các thông số phù hợp cho quy mô pilot đã được xác định thông qua thực nghiệm. Đã tiến hành xác định thành phần hóa học của đài hoa Bụp giấm tại Đắk Lắk, kết quả cho thấy có sự giống nhau với Bụp giấm ở các vùng thổ nhưỡng khác. Tiến hành đánh giá độc tính cấp, độc tính bán trường diễn, tác dụng hạ mỡ máu, hạ huyết áp của các sản phẩm. Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho nguyên liệu đài hoa Bụp giấm, tiêu chuẩn kiểm nghiệm sản phẩm: cao định chuẩn (cao mềm và khô), viên nang cứng và trà hòa tan Bụp giấm đạt các tiêu chí của dược điển Việt Nam V.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-001

85892.03-2023 Nghiên cứu quy trình sản xuất thực phẩm chức năng từ thân rễ cây ngải trắng (*CURCUMA AROMATICA*)/ TS. BS. Huỳnh Thanh Tuấn, TS. DS. Nguyễn Đức Hạnh; TS. BS. Đỗ Đức Minh; TS. BS. Mai Phương Thảo; ThS. DS. Võ Thanh Hóa - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2020; 01/2017 - 01/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình chiết xuất nguyên liệu và tạo sản phẩm thực phẩm chức năng (5000 viên nang cứng và 5000 viên nang mềm) có khả năng hỗ trợ điều trị ung thư từ cây Ngải trắng (NT) phân bố tại tỉnh An Giang. Đào tạo, nâng cao nhận thức, năng lực trồng, chăm sóc, chế biến và bảo quản nguyên liệu Ngải trắng cho 2 KS nông nghiệp và 40 nông dân địa phương. Xây dựng vùng trồng nhiên liệu và chuyển giao quy trình sản xuất các sản phẩm chức năng hỗ trợ điều trị ung thư từ cao chiết thân rễ cây Ngải trắng cho đơn vị phối hợp. Phát triển thương hiệu và thị trường tiêu thụ thân rễ Ngải trắng và các sản phẩm từ thân rễ Ngải trắng An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-001-2022

### 30404. Hoá dược học

84888.03-2023 Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất và chế biến dược liệu Địa hoàng (*Rehmannia glutinosa* Libosch.) và Hy thiêm (*Siegesbeckia orientalis* (L.) theo tiêu chí GACP-WHO nhằm tạo nguyên liệu cho sản xuất thuốc tại huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam/ KS.

Chu Thị Khánh Ny, CN. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Nguyễn Thị Huyền; CN. Nguyễn Thuý Hằng; CN. Nguyễn Trọng Hùng; CN. Nguyễn Văn Toàn; CN. Nguyễn Thị Khánh Linh - Hà Nam - Công ty cổ phần sản xuất và ứng dụng chuyên giao công nghệ xanh, 2021; 09/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng vườn sản xuất giống địa hoàng, hy thiêm qui mô 10.000m<sup>2</sup>. Tiếp nhận và làm chủ các qui trình sản xuất giống 2 dược liệu trên tại Lý Nhân, Hà Nam. Quy trình trồng trọt, thu hái và bảo quản 2 dược liệu trên theo tiêu chí GACP-WHO từ Viện Dược liệu cho Công ty cổ phần sản xuất và ứng dụng chuyên giao công nghệ xanh. Xây dựng mô hình trồng dược liệu Địa Hoàng và Hy Thiêm theo tiêu chí GACP. Trong đó, Mô hình trồng dược liệu Địa Hoàng 10 ha; Hy Thiêm 10 ha, dược liệu đạt tiêu chuẩn theo Dược điển Việt Nam IV. Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu đánh giá theo tiêu chí GACP cho việc trồng dược liệu Địa hoàng, Hy thiêm. Tiến hành đào tạo, tập huấn cho 7 kỹ thuật viên nắm vững quy trình kỹ thuật để tham gia chỉ đạo kỹ thuật cho nông dân vùng dự án và 150 nông dân am hiểu được kỹ thuật và có đủ khả năng thực hành cần thiết.

Số hồ sơ lưu: 20949

85551.03-2023 **Nghiên cứu cơ chế hình thành mầm và phát triển tinh thể theo thuyết phi cổ điển đối với một số amino acid và protein ứng dụng trong ngành dược/ TS. Nguyễn Anh Tuấn, TS. Trịnh Thị**

Thanh Huyền; ThS. Khuu Châu Quang; KS. Đặng Trường Giang; PGS.TS. Lê Thị Hồng Nhan - TP. Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Hóa Học, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quá trình hình thành mầm và phát triển tinh thể diễn ra chậm trong hệ mao quản Microfluidics (MF). Ở đây, các giai đoạn trước và sau khi hình thành mầm tinh thể cũng như giai đoạn phát triển tinh thể được nghiên cứu khảo sát một cách chi tiết. Đồng thời, nghiên cứu quá trình hình thành mầm và phát triển tinh thể diễn ra nhanh trong không gian lớn với chế độ thủy động lực học đặc trưng của hệ Couette-Taylor (CT) và Stirred tank (ST). Ở đây, các giai đoạn trước và sau khi hình thành mầm tinh thể cũng như giai đoạn phát triển tinh thể cũng được nghiên cứu khảo sát một cách chi tiết.

Số hồ sơ lưu: 21084

#### **4. Khoa học nông nghiệp**

85736.03-2023 **Ứng dụng đồng vị rơi lắng đánh giá xói mòn trên đất sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biết đổi khí hậu tại tỉnh Đắk Lắk/ PGS.TS Trình Công Tư, PGS.TS. Trình Công Tư; ThS. Nguyễn Văn Bình; ThS. Hồ Công Trục; ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Lương Đức Trí; ThS. Trương Văn Bình; ThS. Nguyễn Thị Thảo Nhung; TS. Phan Sơn Hải; ThS. Phan Quang Trung; CN. Nguyễn Thị Hương Lan. - Đắk Lắk - Trung tâm Nghiên cứu Đất, phân bón và Môi trường Tây Nguyên, 2021; 11/2019 -**



11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk phân bố chủ yếu trên địa hình dốc, chịu tác động của quá trình xói mòn do mưa. Lượng đất mất ở năm hiện tại biến động 3,74-47,65 tấn/ha. Đất trồng cà phê có mức độ xói mòn hiện tại thấp hơn trung bình nhiều năm 0,51-2,71 tấn/ha, nhờ áp dụng tốt các biện pháp bảo vệ đất trong những năm gần đây. Tổ chức cho 50 lượt nông dân thăm đồng. Có 19/20 ý kiến đánh giá “Rất tốt” cho công thức cà phê có tạo bồn kết hợp xen lạc và băng muồng hoa vàng chắn ngang dốc; 15/15 ý kiến đánh giá “Rất tốt” cho phương thức bố trí cây ngô theo kiểu nanh sáu kết hợp trồng xen lạc và băng muồng chắn ngang dốc; 15/15 ý kiến bình chọn ở mức “Rất tốt” cho phương thức trồng sắn theo luống đôi, bố trí kiểu nanh sáu kết hợp xen lạc.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-002

85755.03-2023 **Nghiên cứu ứng dụng vi sinh vật nội sinh và vi sinh vật vùng rễ góp phần phát triển cà phê bền vững./** PGS.TS. Trần Văn Tiến, ThS. Trần Thị Nhung (Thư ký); ThS. Nguyễn Văn Giang; ThS. Nguyễn Khoa Trường; TS. Lê Thị Anh Tú; ThS. Nguyễn Khắc Hiền; TS. Trần Thị Minh Loan; ThS. Nguyễn Minh Trí; TS. Lê Ngọc Triệu. - Đà Lạt - Trường Đại học Đà Lạt, 2021; 11/2017 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng 7 quy trình sản xuất sinh khối của chủng vi sinh vật có ích đạt mật độ lớn hơn  $10^{10}$  CFU/g

và 2 quy trình sản xuất chế phẩm BIOCONTROL và BIOGROWTH với mật độ của các chủng vi sinh vật  $>10^9$  CFU/g.

Mô hình canh tác có sử dụng chế phẩm vi sinh của đề tài tăng mật độ vi sinh vật có lợi, giảm các vi sinh vật bệnh, tuyến trùng và năng suất cà phê ở mô hình vườn cà phê tái canh tăng từ 10-15%, vườn cà phê kinh doanh tăng từ 7-12% so với các lô thí nghiệm không sử dụng chế phẩm.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-007

85756.03-2023 **Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu đất sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu tại tỉnh Đắk Lắk./** TS. Trần Xuân Biên, ThS. Nguyễn Ngọc Hồng (Thư ký); TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; TS. Khương Mạnh Hà; TS. Nguyễn Tiến Thành; TS. Trần Xuân Miễn; TS. Nguyễn Quốc Phi; TS. Nguyễn Hoàng Đan; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Đỗ Tiến Thuần. - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2021; 10/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đắk Lắk nằm ở trung tâm cao nguyên Trung bộ với diện tích tự nhiên là: 13.034,95km<sup>2</sup>, dân số hơn 1,83 triệu người gồm 47 dân tộc. Nghiên cứu đã chọn ra 03 tiểu vùng sinh thái để đánh giá hiệu quả sản xuất của một số mô hình nông nghiệp điển hình theo 03 tiêu chí: Hiệu quả kinh tế; hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường. Kết quả cho thấy cả 03 tiêu chí đều cho hiệu quả từ cao đến rất cao.

Nghiên cứu đã tiến hành phúc tra 1.275.797ha (chiếm 97,91% tổng



diện tích tự nhiên), xây dựng được 8 bản đồ đơn tính (loại đất, độ dày tầng đất, thành phần cơ giới, độ dốc, độ chua của đất, chất hữu cơ tổng số, dung tích hấp thu, lượng mưa trung bình năm). Trên cơ sở những hạn chế, tồn tại trong quá trình sử dụng đất nông nghiệp nghiên cứu đã đưa ra được một số các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu như: Giải pháp về chống khô hạn, xói mòn...

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-008

**85760.03-2023 Xây dựng mô hình chuỗi cung ứng ngắn cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Đắk Lắk./** PGS.TS. Hoa Hữu Lân, TS. Nguyễn Thị Anh Đào; TS. Hoa Hữu Cường; TS. Bùi Việt Hưng; .ThS. Trịnh Thành Vinh; ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Như (Thư ký). - Đà Nẵng - Trường Đại học Đông Á, 2022; - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn: Báo cáo đã hệ thống và phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, yếu tố cấu thành tác động về kinh tế - xã hội của chuỗi cung ứng ngắn nông sản, các chỉ tiêu (định lượng, định tính) của chuỗi. Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ 03 sản phẩm (bơ, sầu riêng và xoài) của tỉnh Đắk Lắk), giai đoạn 2015 – 2019, trên cơ sở sử dụng số liệu sơ cấp và thứ cấp, báo cáo đã khái quát và phân tích đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ 03 sản phẩm bơ, sầu riêng, xoài. Đặc biệt, khảo sát và đánh giá về thực trạng hoạt động chuỗi cung ứng

nông sản truyền thống đối với 03 sản phẩm này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thời gian qua. Đề xuất giải pháp và triển khai mô hình chuỗi cung ứng ngắn cho 03 sản phẩm bơ, sầu riêng, xoài.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-012

**85761.03-2023 Xây dựng mô hình sản xuất lúa giống và lúa thương phẩm chất lượng cao tại huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk./** ThS. Lương Hữu Tâm, ThS. Nguyễn Văn Tạo; TS. Lưu Hồng Mẫn; TS. Đoàn Mạnh Tường; .TS. Hoàng Đình Định; ThS. Vũ Văn Thu; ThS. Đặng Thị Tho; TS. Trần Đình Giới; KS. Bùi Xuân Kỳ (Thư ký); KS. Trần Danh Hiệp. - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2021; 12/2016 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Giống OM4900, OM7347, OM7167 thích nghi cho năng suất cao so với giống phổ biến tại huyện Lắk. Mô hình sản xuất lúa cấp nguyên chủng, tuân thủ quy trình, đạt phẩm cấp và tùy giống và mùa vụ cho lợi nhuận từ 10,69 - 14,42 triệu đồng/ha so với canh tác lúa thương phẩm truyền thống. Mô hình sản xuất lúa cấp xác, tuân thủ quy trình, đạt phẩm cấp và tùy giống và mùa vụ cho lợi nhuận từ 9,01 - 11,97 triệu đồng/ha so với canh tác lúa thương phẩm truyền thống. Áp dụng biện pháp kỹ thuật “ 1P5G” trong canh tác lúa thương phẩm làm giảm tại huyện Lắk làm giảm chi phí khoảng 1,46 - 2,74 triệu/ha và tăng lợi nhuận 2,82 - 4,03 triệu/ha. Hợp đồng liên kết tiêu thụ giúp người dân an tâm đầu tư sản xuất.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-013

85763.03-2023 **Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm cà phê chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột.**/ PGS.TS. Trần Thị Lan Hương, PGS.TS. Bùi Nhật Quang; TS. Kiều Thanh Nga (Thư ký); PGS.TS. Nguyễn Văn Dân; TS. Nguyễn Bình Giang; TS. Hoàng Vũ Quang; TS. Nguyễn Thắng; ThS. Dương Bình Tuy; CN. Lê Hồng Vinh; ThS. Nguyễn Ngọc Trí. - Hà Nội - Trung tâm phân tích và dự báo, 2021; 11/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về chuỗi giá trị sản phẩm cà phê CDĐL Buôn Ma Thuột. Làm rõ thực trạng phát triển chuỗi giá trị sản phẩm cà phê CDĐL Buôn Ma Thuột, để từ đó thấy rõ vai trò, vị trí, hoạt động của các tác nhân trong chuỗi, các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi, làm rõ thuận lợi và khó khăn, điểm yếu, thế mạnh trong phát triển chuỗi giá trị sản phẩm cà phê CDĐL Buôn Ma Thuột, từ đó đưa ra những kiến nghị đề xuất chính sách đối với chính phủ, các hộ gia đình trồng cà phê, các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sản phẩm cà phê CDĐL Buôn Ma Thuột. Các kết quả nghiên cứu của đề tài có giá trị ứng dụng cao trong hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm cà phê CDĐL Buôn Ma Thuột, góp phần làm tăng giá trị gia tăng, doanh thu và lợi nhuận của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị sản phẩm cà phê CDĐL Buôn Ma Thuột.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-015

85802.03-2023 **Đánh giá tác động của thuốc bảo vệ thực vật và phân bón vô cơ đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang**/ ThS. Huỳnh Thị Liên Hoa, TS. Vũ Anh Tú; TS. Bùi Thị Ngọc Dung; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Hà Việt Hùng; ThS. Chu Lan Phương. - Hà Nội - Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2021; 05/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được tác động và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón vô cơ trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Đánh giá được những tác động tích cực, tiêu cực của thuốc BVTV và phân bón vô cơ trong sản xuất nông nghiệp tại Hà Giang; Đánh giá được thực trạng quản lý, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón vô cơ đối với đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Xây dựng được 05 mô hình với quy mô 01 ha/mô hình nhằm hoàn thiện các chính sách, giải pháp trong quản lý và quy trình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón vô cơ hợp lý trên 5 loại cây trồng: lúa, ngô, rau, chè, cam; Đề xuất được các chính sách, giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý thuốc bảo vệ thực vật và phân bón vô cơ trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2022

85889.03-2023 **Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen một số loài thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Giang**/ ThS. Đỗ Tuấn Anh, KS.

Nguyễn Anh Tú; ThS. Vi Quang Ngọc; KS. Phạm Thị Phương; KTV. Trần Thị Nhung; KS. Phạm Xuân Thắng; CN. Lý Minh Thuý; CN. Hoàng Thị Độ; ThS. Lê Duy Mạnh; KS. Hoàng Văn Tuyền; KS. Phạm Mạnh Thông; KS. Nguyễn Tiến Dũng. - Vị Xuyên - Trung tâm Thủy sản tỉnh Hà Giang, 2021; 10/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen 6 loài thủy sản quý có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh Hà Giang: Lãng, Chiên, Rằm xanh, Anh vũ, Mì, Chày đất. Thống kê được thông tin liên quan đến 6 loài cá Rằm xanh, Anh vũ, Chiên, Lãng Chấm, Chày đất, Mì; Thu thập, thuần dưỡng, lưu giữ và phát triển được nguồn gen thủy sản quý của Hà Giang; Hoàn thiện, xây dựng quy trình nuôi thuần dưỡng, nuôi vỗ, sinh sản nhân tạo, nuôi thương phẩm cho 4 loại cá: Cá Mì, Rằm xanh, Anh vũ, Chày đất; Sản xuất được 10.000 con giống của 4 loài: Rằm xanh, Chày đất, Mì, Anh vũ; 20-30 cặp cá Bố mẹ mỗi loài; Thả tái tạo nguồn lợi thủy sản 8000 con; Xây dựng mô hình nuôi cá thương phẩm 4 loài cá Rằm xanh, Anh vũ, Chày đất và Mì, quy mô 500 con/loài; Đào tạo 06 cán bộ thành thực quy trình sinh sản và nuôi dưỡng, 60 người dân nắm được quy trình nuôi thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2022

### 40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

84079.03-2023 **Nghiên cứu phục tráng và phát triển giống lúa “Nếp hạt cau” cổ truyền tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình/** Lã Quốc Tuấn, Lã Quốc Tuấn; Đinh Thị Thao; Nguyễn Hữu Ngọc; Vũ Khắc Hiếu; Nguyễn Đức Thuận; Nguyễn Thị Dung; Nguyễn Thị Thanh Huyền; Vũ Thị Kim Oanh; Bùi Văn Thủy; Đinh Văn Tiên. - Ninh Bình - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Ninh Bình, 2021; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phục tráng thành công giống lúa Nếp hạt cau cổ truyền tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Hoàn thiện quy trình sản xuất lúa Nếp hạt cau tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Xây dựng mô hình trình diễn giống lúa Nếp hạt cau tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-005-2022

84897.03-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống sắn và khoai lang cho vùng Bắc Trung Bộ/** TS. Phạm Văn Linh, ThS. Bùi Văn Hùng; ThS. Phạm Duy Trình; ThS. Trần Thị Duyên; ThS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Phạm Thị Nhạn; KS. Nguyễn Xuân Hoàng; ThS. Cao Đỗ Mười; ThS. Phạm Thế Cường; ThS. Nguyễn Đức Anh - Nghệ An - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, chọn tạo 02 giống khoai lang năng suất  $\geq 22$  tấn/ha,

hàm lượng chất khô ít nhất đạt 30% và phù hợp với vùng Bắc Trung Bộ, đồng thời chọn tạo 01 giống sản đạt năng suất  $\geq 35$  tấn/ha, hàm lượng tinh bột  $\geq 28\%$  thích hợp cho vùng Bắc Trung Bộ. Xây dựng quy trình kỹ thuật thâm canh cho các giống khoai lang và sản mới chọn tạo được và xây dựng mô hình khoai lang và sản mới với quy mô 02 mô hình/giống với quy mô 2ha/mô hình, cho hiệu quả kinh tế tăng từ 10 -15% so với các giống đang trồng đại trà.

Số hồ sơ lưu: 20938

84928.03-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống lúa lai hai, ba dòng năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Bắc./** TS. Lê Hùng Phong, ThS. Lê Diệu My; ThS. Nguyễn Văn Năm; ThS. Nguyễn Quang Bình; ThS. Nguyễn Thị Thu Lan; TS. Nguyễn Phú Thanh; ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Mai Thị Hương; TS. Nguyễn Huy Chung; TS. Nguyễn Đăng Minh Chánh; PGS.TS. Trần Văn Quang; ThS. Trần Thị Thu Ngân - Hà Nội - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2022; 01/2016 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn tạo dòng bố mẹ lúa lai 2, 3 dòng. Lai tạo giống lúa lai 2, 3 dòng chất lượng có năng suất hạt F1 và năng suất hạt thương phẩm cao chống chịu sâu bệnh và chịu phèn mặn. Xây dựng quy trình thâm canh lúa lai thương phẩm, quy trình sản xuất hạt giống F1 và nhân dòng bố mẹ. Đồng thời, xây dựng mô hình nhân dòng bố mẹ, sản xuất

hạt giống F1 và thâm canh lúa lai thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 20955

84944.03-2023 **Sản xuất thử giống khoai lang mới KTB4/** TS. Phạm Văn Linh, ThS. Nguyễn Đức Anh; ThS. Phạm Thế Cường; ThS. Phạm Thị Trang; KS. Nguyễn Xuân Hoàng; ThS. Trần T. Quỳnh Nga; KS. Hoàng Thi Trang; ThS. Lê Thị Thanh Thủy; ThS. Trịnh Đức Toàn; CN. Nguyễn Nữ Thanh Linh - Nghệ An - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, hoàn thiện 01 quy trình công nghệ nhân giống KTB4 sạch bệnh và quy trình sản xuất thương phẩm giống KTB4 năng suất đạt 18 - 22 tấn/ha, tăng năng suất 10 - 15% so với giống đang trồng phổ biến tại địa phương, chất lượng tốt đảm bảo ATTP nhằm phục vụ ăn tươi và chế biến làm thức ăn chăn nuôi. Tiến hành sản xuất 100 tấn giống (dây giống) chất lượng tốt, sạch bệnh. Xây dựng mô hình (quy mô 15 ha) sản xuất khoai thương phẩm các giống khoai lang mới KTB4 đạt năng suất 18- 22 tấn/ha, tăng năng suất 10 - 15% so với trồng tại địa phương, chất lượng tốt, ATTP. Đồng thời tiến hành tập huấn khoảng 250 lượt người thành thạo kỹ thuật nhân giống, sản xuất khoai thương phẩm giống khoai lang mới KTB4 đảm bảo ATTP.

Số hồ sơ lưu: 20937

85079.03-2023 **Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình**



**sản xuất cây màu theo chuỗi giá trị khép kín 4 vụ/năm cho hiệu quả kinh tế cao tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình/** ThS. Nguyễn Phan Anh, ThS. Nguyễn Phan Anh; ThS. Đỗ Thị Hồng Liễu; ThS. Nguyễn Đạt Thoại; ThS. Trần Quốc Anh; KS. Nguyễn Thanh Bình; CN. Nguyễn Thị Hà; ThS. Nguyễn Văn Việt; ThS. Đinh Thị Thúy Ngân; ThS. Phạm Văn Thi; ThS. Phạm Trọng Nguyên - Ninh Bình - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín luân canh 4 loại cây trồng (Khoai tây, ngô ngọt, đậu tương rau và lạc) đạt tổng giá trị thu nhập trên 1 đơn vị diện tích từ 117 triệu đồng/ha/năm lên 350 triệu đồng/ha/năm. Hoàn thiện quy trình sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín luân canh 4 loại cây trồng (Khoai tây, ngô ngọt, đậu tương rau và lạc) cho hiệu quả kinh tế cao tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

Số hồ sơ lưu: NBH-008-2022-KQNC

**85681.03-2023 Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa nếp Hương trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** KS. Nguyễn Phú Thụy, KS. Nguyễn Phú Thụy; KS Vũ Thị Thuân; KS. Nguyễn Tuấn Dũng; KS. Nguyễn Quang Toàn; ThS. Đặng Thị Mai Lan; KS. Nguyễn Thị Tuyền; Vũ Công Cương; Phạm Hữu Hùng. - Hải Dương - Trung tâm Khuyến nông, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất giống lúa nếp Hương trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Đồng thời xây dựng mô hình sản xuất giống lúa nếp Hương với quy mô 120ha trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đạt năng suất trung bình đạt từ 6- 6,5 tấn/ha. Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất thâm canh giống lúa nếp Hương theo hướng cây máy phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Qua đó đề xuất tiếp tục quan tâm, mở rộng diện tích gieo trồng giống lúa nếp Hương trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 07

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

**84900.03-2023 Nghiên cứu chọn tạo giống cà chua, ớt cay, dưa chuột cho các tỉnh phía Bắc/** TS. Ngô Thị Hạnh, ThS. Phạm Thị Minh Huệ; TS. Dương Kim Thoa; ThS. Đặng Hiệp Hòa; PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh; ThS. Trần Thị Hồng; ThS. Lê Thị Tình; ThS. Nguyễn Thị Liên Hương; TS. Đoàn Xuân Cảnh; ThS. Nguyễn Đình Thiệu - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn tạo giống cà chua, dưa chuột và ớt cay lai F1. Khảo nghiệm diện hẹp và khảo nghiệm diện rộng một số tổ hợp lai triển vọng cà chua, dưa chuột và ớt cay. Nghiên cứu xây dựng quy trình thâm canh cho giống cà chua, dưa chuột và ớt cay lai F1 mới tạo ra. Qua đó, xây dựng quy trình công nghệ sản xuất hạt lai F1 cho các



giống cà chua, dưa chuột và ớt cay lai F1. Đồng thời, xây dựng các mô hình trình diễn giống cà chua lai, dưa chuột và ớt cay lai F1 và lập hồ sơ tự công bố giống

Số hồ sơ lưu: 20943

85316.03-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống và gói kỹ thuật thâm canh cây có múi cho một số vùng trồng chủ lực ở phía Bắc/ TS. Vũ Việt Hưng, PGS. TS. Nguyễn Quốc Hùng; TS. Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Dương Xuân Thương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Ngô Xuân Phong; ThS. Lương Thị Thanh Huyền; ThS. Trần Thị Mơ; ThS. Lê Văn Trường; TS. Đào Thị Hằng - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Hoàn thiện việc đánh giá khả năng thích ứng và tính ổn định về năng suất, chất lượng của một số dòng/giống cam chanh, cam sành và bưởi tại một số vùng sinh thái phía Bắc. Tuyển chọn, tạo vật liệu khởi đầu bằng lai hữu tính, bằng xử lý đột biến và đánh giá các nguồn vật liệu tạo được. Các dòng đột biến ưu tú đã và đang được khảo nghiệm để công nhận giống theo quy định của Luật trồng trọt. Hoàn thiện việc nghiên cứu hoàn thiện gói kỹ thuật thâm canh bưởi Phúc Trạch ở Hà Tĩnh và cam Xã Đoài ở Nghệ An. Hoàn thiện việc nghiên cứu biện pháp phòng trừ một loài sâu và một loài bệnh chính gây hại vùng rễ cây ăn quả có múi.

Số hồ sơ lưu: 21025

85351.03-2023 **Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật trồng giống nho Hạ Đen nhập nội từ Trung Quốc tại một số tỉnh Trung du Miền Núi phía Bắc/ ThS. Phùng Duy Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Ngọc; TS. Đỗ Thành Trung; KS. Trần Quang Đạo; KS. Nguyễn Quang Hiếu; ThS. Đỗ Thị Thảo; ThS. Thân Thị Thúy; TS. Lê Công Hùng; TS. Hoàng Thị Thao - Bắc Giang - Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác giống nho Hạ đen cho một số tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Xác định thời vụ cắt tỉa cành để xử lý quả vụ đông xuân và vụ hè thu. Xác định nồng độ, liều lượng chế phẩm kích lộc vụ đông xuân để xử lý cho cây nho Hạ đen ra hoa vụ 1 sớm. Xác định ảnh hưởng của kỹ thuật cắt cành tới việc ra quả nho vụ thu đông

Số hồ sơ lưu: 21042

85396.03-2023 **Nghiên cứu tuyển chọn giống và hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh một số cây ăn quả chủ lực (chuối, cam, bưởi, nhãn, vải) ở các tỉnh phía Bắc/ PGS. TS. Nguyễn Quốc Hùng, TS. Vũ Việt Hưng; TS. Nguyễn Văn Dũng; TS. Nguyễn Thị Tuyết; TS. Đào Quang Nghị; ThS. Dương Xuân Thương; ThS. Võ Văn Thắng; TS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Xuân Hồng; ThS. Hà Tiết Cung; TS. Phùng Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Thị Bích Hồng; ThS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Lê Thị Mỹ Hà; TS. Triệu Tiến Dũng; ThS. Ngô**

Xuân Phong; ThS. Đinh Thị Vân Lan; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; ThS. Lương Thị Thanh Huyền; ThS. Hán Thị Hồng Xuân; ThS. Nguyễn Ngọc Hà; ThS. Vương Sỹ Biên; ThS. Trần Thị Dậu; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Văn Dự; ThS. Nguyễn Ngô Liêm; ThS. Đào Kim Thoa; ThS. Đoàn Đức Hoàng - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2022; 05/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định bộ giống phù hợp (02 - 03 giống/loại quả/vùng trồng) nhằm đa dạng sản phẩm, rải vụ, có năng suất cao ( $\geq 45$  tấn/ha đối với chuối tiêu,  $\geq 30$  tấn/ha đối với cam sành,  $\geq 40$  tấn/ha đối với cam chanh,  $\geq 30$  tấn/ha đối với bưởi) có chất lượng quả đạt tiêu chuẩn xuất khẩu hoặc tiêu thụ trong nước. Xây dựng 05 quy trình kỹ thuật thâm canh tổng hợp cho 05 loại cây ăn quả đảm bảo năng suất tăng 15 - 20% so với sản xuất đại trà, chất lượng quả đạt tiêu chuẩn xuất khẩu hoặc tiêu thụ trong nước. Xây dựng các mô hình thử nghiệm trình diễn giống, gói kỹ thuật, tổng diện tích mô hình 25 ha, năng suất  $\geq 45$  tấn/ha đối với chuối tiêu,  $\geq 30$  tấn/ha đối với cam sành,  $\geq 40$  tấn/ha đối với cam chanh,  $\geq 30$  tấn/ha đối với bưởi,  $\geq 12$  tấn/ha đối với nhãn,  $\geq 10$  tấn/ha đối với vải, hình thức và chất lượng quả đáp ứng yêu cầu xuất khẩu hoặc tiêu thụ trong nước, hiệu quả sản xuất tăng  $\geq 20\%$  so với sản xuất đại trà. Xác định các cây giống, vườn giống đủ điều kiện để cung cấp mắt ghép, cây giống của các giống được tuyển chọn.

Số hồ sơ lưu: 21040

85517.03-2023 **Nghiên cứu, tuyển chọn, đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển một số loài hoa Ban tại Công viên động vật hoang dã Quốc gia tại tỉnh Ninh Bình.**/ ThS. Tô Văn Vượng, ThS. Tô Văn Vượng; KS. Đoàn Văn Tĩnh; ThS. Phan Đức Thịnh; CN. Nguyễn Hữu Thạch; ThS. Lê Nguyễn Tiến Thành; CN. Nguyễn Công Đoàn; ThS. Nguyễn Thị Thu Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hoài; ThS. Đinh Thị Hồng Liên; CN. Nguyễn Thị Bích Lụa. - Ninh Bình - BQL Công viên động vật hoang dã Quốc gia tại tỉnh Ninh Bình, 2022; 01/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập chọn giống hoa Ban; Xây dựng vườn tập hợp giống hoa Ban quy mô 0,3 ha đảm bảo tiêu chuẩn nhân giống; Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật nhân giống hoa Ban bằng phương pháp gieo ươm hạt và phương pháp ghép cành; Xây dựng mô hình trồng thâm canh cây thực sinh và mô hình trồng thâm canh cây ghép Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của giống hoa Ban; Trồng thử nghiệm mô hình 5ha tại Công viên động vật hoang dã Quốc gia tại tỉnh Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-0010-2022

85665.03-2023 **Nghiên cứu tạo giống cà chua ưu thế lai kháng bệnh sương mai (*Phytophthora infestans*) năng suất cao, chất lượng tốt/** TS. Trần Ngọc Hùng,

PGS. TS. Nguyễn Quốc Hùng; ThS. Đặng Thị Mai; ThS. Trịnh Thị Nhất Chung; ThS. Nguyễn Xuân Điệp; ThS. Trương Văn Nghiệp; PGS. TS. Trương Thị Hồng Hải - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2021; 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được 2 chỉ thị phân tử liên kết chặt với gene Ph3 kháng bệnh sương mai, chọn ra 1 chỉ thị phù hợp nhất sử dụng có hiệu quả trong quá trình sàng lọc và chọn lọc dòng cà chua kháng bệnh. Hoàn thiện qui trình chọn tạo giống cà chua ưu thế lai chống chịu bệnh sương mai bằng chỉ thị phân tử. Lai tạo được 1-2 giống cà chua ưu thế lai (F1) được công nhận: đạt năng suất trên 60 tấn/ha, mang gene Ph3 kháng bệnh sương mai hiệu quả, chất lượng tương đương giống nhập nội đại trà. Tạo ra 1-2 giống cà chua chống chịu bệnh sương mai, năng suất trên 55 tấn/ha, có triển vọng được khảo nghiệm quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 21125

85870.03-2023 **Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “sầu riêng Đạ Huoai”**/ KS. Hồ Văn Khánh, CN. Trần Thị Thuỳ; KS. Dương Văn Thành; KS. Đinh Thị Mơ; CN. Trương Thị Cẩm Lệ; KS. Nguyễn Bá Tịnh; CN. Lâm Luy Vông - Lâm Đồng - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đạ Huoai, 2021; 06/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Để nhãn hiệu chứng nhận Sầu riêng Đạ Huoai phát huy hiệu quả thì việc thiết lập cơ chế quản lý, xác

định chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận, cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận, cơ quan tham mưu, cơ quan phối hợp và những đối tượng thụ hưởng nhãn hiệu chứng nhận là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, cần thiết lập hành lang pháp lý để quản lý nhãn hiệu chứng nhận, xây dựng hệ thống văn bản phục vụ công tác quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý, cơ quan phối hợp và các đối tượng sử dụng nắm bắt được cách thức quản lý và quy trình quản lý nhãn hiệu Sầu riêng Đạ Huoai, là vấn đề cần được giải quyết. Triển khai công tác xúc tiến thương mại cho các đối tượng cấp thí điểm nhãn hiệu chứng nhận. Hỗ trợ tìm kiếm đầu ra sản phẩm để người nông dân yên tâm sản xuất cung cấp những sản phẩm đạt chất lượng đến tay người tiêu dùng.

Số hồ sơ lưu: LDG-2022-023

#### **40105. Cây công nghiệp và cây thuốc**

84078.03-2023 **Nghiên cứu quy trình nhân giống, trồng, sơ chế cây Cam thảo đất (*Scoparia dulcis* L.) và Cam thảo dây (*Abrus preatorius* L.) theo hướng GACP-WHO phục vụ người tiêu dùng và khách du lịch tỉnh Ninh Bình**/ TS. Tạ Thu Hằng, Tạ Thu Hằng; Trần Ngọc Lan; Lê Tất Khương; Đoàn Thị Bắc; Nguyễn Thị Thu; Đào Văn Minh; Đào Thùy Dương; Nguyễn Tiến Dũng; Nguyễn Đắc Bình Minh; Trần Văn Phương. - Ninh Bình - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2022;

01/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu và hoàn thiện quy trình nhân giống cây Cam thảo đất và cây Cam thảo dây tại huyện Gia Viễn. Áp dụng, nghiên cứu hoàn thiện quy trình canh tác cây Cam thảo đất, Cam thảo dây theo hướng GACP – WHO phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện Gia Viễn. Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu Cam thảo đất quy mô 0,5 ha, năng suất đạt 2 tấn khô/ha và xây dựng mô hình trồng cây Cam thảo dây quy mô 0,5 ha, năng suất đạt 2,5 tấn khô/ha theo hướng GACP – WHO tại huyện Gia Viễn. Hoàn thiện quy trình sơ chế dược liệu Cam thảo đất và Cam thảo dây. Đánh giá hiệu quả, tuyên truyền để nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-004-2022

85241.03-2023 **Lưu giữ, bảo quản nguồn gen cây thuốc lá**/ ThS. Trần Thị Thanh Hảo, CN. Đinh Bá Mạnh; ThS. Nguyễn Văn Ninh; KTV. Ngô Thị Bằng - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ an toàn nguồn gen cây thuốc lá phục vụ công tác nghiên cứu khoa học cho ngành công nghiệp thuốc lá. Cung cấp vật liệu khởi đầu trong cải tạo giống cây trồng với các đặc tính mong muốn. Khai thác, phát triển nguồn gen đặc sản, đặc trưng vùng miền hoặc các sản phẩm có chất lượng đặc thù, vật liệu cho các nhiệm vụ nghiên cứu

khoa học trong và ngoài ngành thuốc lá. Trao đổi, chia sẻ nguồn gen giữa các tổ chức có nguồn gen với các tổ chức có nhu cầu khai thác nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 21021

85243.03-2023 **Đánh giá nguồn gen cây thuốc lá**/ ThS. Trần Thị Thanh Hảo, KS. Đỗ Thị Thúy; KS. Phùng Thị Hay - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá đa dạng di truyền của 73 nguồn gen thuốc làm cơ sở lựa chọn vật liệu khởi đầu cho công tác khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn gen cây thuốc lá. Phân tích đa dạng di truyền của 73 nguồn thuốc lá bằng 17 chỉ thị hình thái cho thấy hệ số tương đồng di truyền giao động từ 0,75 đến 0,95. Xác định đa dạng di truyền của 71 nguồn gen thuốc lá. Phân tích đa dạng di truyền 71 nguồn gen thuốc lá bằng 05 chỉ thị SSR cho thấy hệ số tương đồng di truyền giao động từ 0,43 đến 0,99. So sánh giữa kết quả đánh giá đa dạng di truyền dựa trên chỉ thị hình thái với chỉ thị phân tử SSR của 71 nguồn gen thuốc lá đã cho có sự tương đồng nhất định của nhiều nguồn gen trên cây phân nhóm bằng chỉ thị kiểu hình và chỉ thị SSR.

Số hồ sơ lưu: 21020

85260.03-2023 **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Ươi (*Scaphium macropodum*) tại một số tỉnh miền Trung và Tây Nguyên**/ ThS. Phạm Đình Sâm, ThS. Hoàng Thị Nhung, ThS. Hoàng



Văn Thành, ThS. Hồ Trung Lương, TS. Đoàn Đình Tam, TS. Phạm Ngọc Thường, ThS. Nguyễn Đại; KS. Đào Như Vũ, ThS. Lê Tiến Hiệp, KS. Nguyễn Ngọc Hùng, ThS. Nguyễn Hữu Thịnh, ThS. Trần Hồng Vân, ThS. Hoàng Thanh Sơn, ThS. Dương Quang Trung, KS. Nguyễn Tiến Hưng, ThS. Nguyễn Thanh Sơn, ThS. Cao Văn Lạng - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu bổ sung đặc điểm sinh học và giá trị nguồn gen cây Uoi. Chọn giống, nhân giống và xây dựng vườn giống vô tính bằng cây ghép kết hợp khảo nghiệm giống. Xây dựng 9 ha mô hình trồng thâm canh cây Uoi. Nghiên cứu kỹ thuật thu hái, kỹ thuật sơ chế và kỹ thuật bảo quản quả Uoi. Tập huấn chuyển giao kỹ thuật chọn giống, nhân giống, trồng thâm canh và kỹ thuật thu hái, sơ chế và bảo quản quả Uoi sau thu hoạch.

Số hồ sơ lưu: 21039

85394.03-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống chè xanh năng suất, chất lượng cao cho một số vùng chè chính của Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Văn Toàn, TS. Nguyễn Hữu Phong; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Phùng Lê Quyên; TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; ThS. Nguyễn Thị Kiều Ngọc; TS. Trần Xuân Hoàng; TS. Đặng Văn Thư; KS. Nguyễn Thị Phúc; ThS. Nguyễn Mạnh Hà - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp

miền núi phía Bắc, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, nghiên cứu, đánh giá tuyển chọn vật liệu khởi đầu nhằm xác định được các dòng chè ưu tú có các tính trạng mong muốn (năng suất cao, chất lượng chè xanh tốt) phục vụ cho công tác chọn tạo giống chè. Nghiên cứu lai tạo nhằm tạo ra nguồn vật liệu khởi đầu phong phú phục vụ cho việc chọn ra các dòng ưu tú có năng suất cao, chất lượng chè xanh tốt. Nghiên cứu khảo nghiệm, đánh giá các dòng triển vọng, phục vụ công nhận giống sản xuất thử, giống mới, và nghiên cứu hoàn thiện một số biện pháp kỹ thuật trồng trọt, chế biến làm cơ sở cho việc công nhận giống chè sản xuất thử và giống chè mới.

Số hồ sơ lưu: 21043

#### **40106. Bảo vệ thực vật**

84870.03-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất và ứng dụng chế phẩm sinh học phòng trừ bọ nhảy hại rau/** TS. Trịnh Xuân Hoạt, TS. Đào Thị Hằng; TS. Phạm Hồng Hiền; TS. Trịnh Quang Pháp; ThS. Mai Văn Quân; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Ngô Quang Huy; KS. Nguyễn Đức Việt; KS. Phùng Sinh Hoạt; ThS. Trần Thị Thúy Hằng - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2022; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái và yếu tố ảnh hưởng đến bọ nhảy hại rau, xác định đối tượng sinh học có khả năng phòng trừ bọ nhảy hại rau. Xây dựng quy trình sản xuất

chế phẩm sinh học từ tuyến trùng ký sinh côn trùng và nấm ký sinh côn trùng phòng trừ bộ nhậy hại rau và xây dựng quy trình sử dụng chế phẩm sinh học phòng trừ bộ nhậy hại.

Số hồ sơ lưu: 20934

84879.03-2023 **Nghiên cứu chế tạo cảm biến Raman ứng dụng xác định dư lượng thuốc kháng sinh và thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.**/ PGS. TS. Nguyễn Thế Bình, GS.TS. Đào Trần Cao; PGS.TS. Lê Văn Vũ; TS. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Phạm Nguyên Hải; TS. Lương Trúc Quỳnh Ngân; TS. Cao Tuấn Anh; TS. Nguyễn Việt Tuyên; ThS. Nguyễn Quang Đông; ThS. Kiều Ngọc Minh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 01/2018 - 01/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo những cấu trúc nano kim loại loại (vàng hoặc bạc) cho hệ số tăng cường SERS cao  $> 10^6$  với độ lặp lại tốt và xác định quy trình chế tạo các cảm biến này. Đồng thời, nghiên cứu các phương pháp tách chiết, làm giàu mẫu từ tôm hải sản, rau quả giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của các thành phần hữu cơ phức tạp khác có trong thực phẩm lên phép đo phổ SERS. Xác định 03 quy trình phân tích định lượng nồng độ vết của bằng quang phổ SERS đáp ứng yêu cầu giám định dư lượng Tetracycline, Difenoconazole và Carbendazim theo các tiêu chuẩn quy định của Bộ NNPTNT và Bộ Y tế. Sử dụng các cảm biến Raman chế tạo và quang phổ kế xách tay

xây dựng 02 thiết bị đo đặc phân tích có độ nhạy đủ cao, xác định chính xác và nhanh dư lượng Tetracycline trong tôm hải sản và dư lượng Difenoconazole và Carbendazim trong rau quả.

Số hồ sơ lưu: 20942

#### **40107. Bảo quản và chế biến nông sản**

84871.03-2023 **Xây dựng mô hình cơ giới hóa kết hợp sử dụng chế phẩm sinh học trong một số khâu sản xuất, bảo quản và chế biến lúa gạo hàng hóa tại huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội/** KS. Nguyễn Đình Nghĩa, Cao Thị Thủy; KS. Phạm Xuân Thương; KS. Phan Thị Ngọc; CN. Nghiêm Thị Đào; TS. Lê Văn Tri; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; KS. Nguyễn Thị Yên; CN. Nguyễn Thị Bích Liên; KS. Nguyễn Minh Hoàng - Hà Nội - Hợp tác xã sản xuất kinh doanh nông nghiệp Đoàn Kết, 2022; 07/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chuyển giao, tiếp nhận các quy trình công nghệ ứng dụng chế phẩm sinh học, máy móc thiết bị trong một số khâu của quá trình sản xuất, lúa gạo hàng hóa. Đồng thời tìm hiểu và xây dựng phần mềm thông tin (ngân hàng dữ liệu) cung cấp cá dữ liệu về máy móc, thiết bị trong sản xuất lúa gạo hàng hóa. Tiến hành đào tạo kỹ thuật viên cơ sở, công nhân vận hành thiết bị và tập huấn cho công nhân và nông dân áp dụng quy trình sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 20940

85187.03-2023 **Nghiên cứu chế biến, bảo quản cây đậu mè làm thức ăn cho gia súc nhai lại ở miền núi phía Bắc/** ThS. Hồ Thị Hiền, KS. Lại Thị Nhài; ThS. Vũ Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Thiện Trường Giang; ThS. Bùi Việt Phong; ThS. Bùi Thị Thu Huyền; ThS. Ninh Thị Huyền; ThS. Hoàng Đình Hiếu - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng trồng và sử dụng cây đậu mè tại khu vực miền núi phía Bắc. Nghiên cứu chế biến, bảo quản cây đậu mè làm thức ăn cho gia súc nhai lại bằng phương pháp ủ chua. Nghiên cứu chế biến, bảo quản cây đậu mè bằng phương pháp ủ chua Hoạt động. Xác định tỷ lệ tiêu hóa và giá trị dinh dưỡng của cây đậu mè trước và sau khi ủ chua bằng phương pháp in vitro gas production. Ảnh hưởng của các mức thay thế cỏ voi bằng thân cây đậu mè ủ c hua đến lượng thức ăn thu nhận và khả năng sinh trưởng của trâu. Xây dựng quy trình chế biến, bảo quản và sử dụng cây đậu mè làm thức ăn cho trâu, bò.

Số hồ sơ lưu: 20994

#### **40199. Khoa học trồng trọt khác**

83515.03-2023 **Nghiên cứu mức độ và các biện pháp hạn chế phát thải khí nhà kính trong sản xuất cà phê tại tỉnh Đắk Lắk./** TS. Ngô Kim Chi, TS. Ngô Kim Chi; ThS. Đặng Ngọc Phượng; TS. Đỗ Hữu Nghị; ThS. Lê Mai Thanh; CN. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Chu Quang Truyền; ThS. Nguyễn Mai Linh; KTV. Nguyễn Tấn Phú; TS.

Nguyễn Văn Giáp; TS. Đỗ Thủy Tiên. - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2021; 12/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá mức độ phát thải khí nhà kính trong sản xuất cà phê; Xác định giải pháp hạn chế phát thải khí nhà kính đối với ngành sản xuất cà phê tại tỉnh Đắk Lắk để giúp các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến cà phê chủ động ứng phó BĐKH.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2021-005

85758.03-2023 **Xây dựng Xây dựng mô hình trồng giống Lạc L27, L20 và L23 năng suất cao tại huyện Krông Bông./** CN. Nguyễn Văn Nguyên, KS. Lưu Văn Khánh (Thư ký); KS. H Muel Êban; KS. Hồ Đức Hoàng; KS. Nguyễn Thúy Vy; KS. Lê Thị Trúc Hạnh. - Đắk Lắk - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Krông Bông, 2022; 12/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng thành công 04 mô hình trồng giống lạc mới L27, L20 và L23 tại xã Khuê Ngọc Điền và xã Hòa Sơn với tổng diện tích 2,4 ha/2 vụ (Đông Xuân 2019 - 2020, Hè Thu 2020), sử dụng theo quy trình của Viện Cây Lương thực và Thực phẩm và Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ. Tổ chức 01 hội thảo tại xã Hòa Sơn để đánh giá kết quả thực hiện, với số lượng người tham gia là 60 đại biểu. Kết quả của mô hình không chỉ mang lại hiệu quả về kinh tế trong sản xuất giống lạc mới mà còn giúp nông dân nâng cao nhận thức và tiếp cận được giống lạc mới năng suất, chất lượng

cao. Hoàn thiện tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng giống lạc mới phù hợp với địa phương.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-010

85864.03-2023 **Nghiên cứu đánh giá xác định mức độ gây hại của sâu ăn lá dứa và xây dựng mô hình, đề xuất các giải pháp quản lý và phòng trị theo hướng sinh học an toàn trên địa bàn tỉnh Bến Tre/ TS Lê Khắc Hoàng, TS. Lê Khắc Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Duyên; TS. Võ Thị Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Tuấn Đạt; KS. Võ Văn Nam; KS. Nguyễn Thị Thúy Ngân; KS. Nguyễn Công Đức; ThS. Nguyễn Thị Thúy Huỳnh; ThS. Trần Duy Tân; KS. Phạm Hồng Tươi - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nông lâm Tp. HCM, 2022; 02/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra thành phần, theo dõi diễn biến, mức độ gây hại và thành phần thiên địch của sâu ăn lá dứa, *O. Arenosella*. Xác định một số đặc điểm sinh học của sâu ăn lá dứa, *O. arenosella* làm cơ sở nghiên cứu biện pháp phòng trừ. Xác định một số đặc điểm sinh học của các loài thiên địch tiềm năng trên cây cần lá dứa, *O. Arenosella*. Đánh giá khả năng kiểm soát sâu ăn lá dứa, *O. arenosella* của các loài thiên địch tiềm năng trong điều kiện phòng thí nghiệm. Xây dựng quy trình nhân nuôi và phóng thích các loài thiên địch tiềm năng trong kiểm soát sâu ăn lá dứa, *O. arenosella*. Đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc bảo vệ thực vật trong kiểm soát sâu ăn lá dứa, *O. arenosella*.

Số hồ sơ lưu: BTE-178-2022

#### **40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi**

85009.03-2023 **Sản xuất thử nghiệm ngan Trâu và vịt Minh Hương tại một số tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ/ TS. Nguyễn Quý Khiêm, ThS. Trần Thị Hà; ThS. Phạm Thị Kim Thanh; KS. Đặng Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thị Minh Hương; ThS. Đỗ Thị Nhung; TS. Nguyễn Công Định; ThS. Nguyễn Quyết Thắng; ThS. Phạm Hải Ninh; TS. Nguyễn Văn Duy - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, 2022; 03/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng quy trình chọn lọc đàn hạt nhân ngan Trâu. Xây dựng đàn hạt nhân ngan Trâu quy mô 200 mái sinh sản có năng suất trứng  $\geq 70$  quả/mái/năm, tỷ lệ trứng có phôi  $\geq 90\%$ . Xây dựng đàn sản xuất ngan Trâu quy mô 400 mái sinh sản có năng suất trứng  $\geq 68$  quả/mái/năm, tỷ lệ trứng có phôi  $\geq 90\%$ . Hoàn thiện quy trình chăm sóc nuôi dưỡng ngan sinh sản và thương phẩm. Xây dựng quy trình vệ sinh phòng bệnh cho ngan sinh sản và thương phẩm. Xây dựng 02 mô hình chăn nuôi ngan thương phẩm với quy mô 500 con/mô hình, với các chỉ tiêu kỹ thuật: Khối lượng 12 tuần tuổi con trống  $\geq 3,4$  kg, con mái  $\geq 1,9$  kg. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng  $\leq 3,4$  kg. Khai thác và phát triển có hiệu quả nguồn gen ngan Trâu và vịt Minh Hương; Hoàn thiện quy trình chăn nuôi ngan Trâu,



vịt Minh Hương sinh sản và thương phẩm; Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm ngan Trâu và vịt Minh Hương.

Số hồ sơ lưu: 20984

#### **40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi**

84422.03-2023 Nghiên cứu xây dựng mô hình chăn nuôi dê theo chuỗi giá trị liên kết và mô hình chăn nuôi gà theo hướng hữu cơ trên địa bàn thành phố Tam Điệp/ ThS. Trần Thị Loan, ThS. Trần Thị Loan; KS. Võ Văn Hà; ThS. Cán Thị Thanh Hiền; TS. Trần Thị Bích Ngọc; KS. Nguyễn Đức Hội; ThS. Hoàng Thị Ánh; CN. Đinh Thị Thu Thủy; KS. Trần Thị Bùi Trinh; KS. Phạm Hải Bình; CN. Vũ Hồng Vân. - Ninh Bình - Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2022; 01/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tiềm năng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội TP. Tam Điệp có tác động đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Khảo sát chọn hộ xây dựng mô hình và xây dựng 02 mô hình chăn nuôi dê theo hướng chuỗi giá trị liên kết, 02 mô hình chăn nuôi gà theo hướng hữu cơ trên địa bàn TP. Tam Điệp. Đề xuất một số giải pháp nhân rộng mô hình chuỗi giá trị sản phẩm chăn nuôi theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-007-2022

84732.03-2023 **Xây dựng mô hình nuôi gà sử dụng thảo dược kết hợp một số chế phẩm sinh học tại huyện Đạ Tẻh/ CN. Phạm Tiến**

Lực, KS. Phạm Xuân Tiệp; CN. Nguyễn Thị Bích Phượng; KS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; KS. Nguyễn Thị Sen - huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đạ Tẻh, 2021; 03/2021 - 08/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án đã đạt được một số kết quả như sau: Giảm tỷ lệ hao hụt đàn dưới 5%; Giảm tiêu tốn thức ăn 10%; Tăng trọng bình quân đạt 2kg/con; Sử dụng 100% thảo dược trong phòng, trị bệnh trên đàn vật nuôi

Số hồ sơ lưu: LDG-2022-022

#### **40205. Bảo vệ động vật nuôi**

85217.03-2023 Nghiên cứu đặc điểm sinh học, dịch tễ học bệnh sán lá gan nhỏ (Clonorchiasis, Opisthorchiasis) trên người, động vật và xây dựng biện pháp phòng trị/ TS. Nguyễn Văn Thoại, TS. Huỳnh Vũ Vỹ; TS. Nguyễn Đức Tân; ThS. Lê Đức Quyết; TS. Nguyễn Thị Sâm; ThS. Lê Hứa Ngọc Lực - Khánh Hòa - Phân viện Thú y miền Trung, 2022; 01/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được mối quan hệ bệnh giữa động vật và người tại vùng lưu hành bệnh sán lá gan nhỏ. Xác định thành phần loài sán lá gan nhỏ gây bệnh ở động vật ở Việt Nam. Nghiên cứu thành công chu kỳ sinh học và thành phần vật chủ trong điều kiện sinh thái ở Việt Nam. Mô tả chi tiết bệnh lý lâm sàng bệnh sán lá gan nhỏ ở động vật. Xây dựng được quy

trình chẩn đoán và phòng trị bệnh sán lá gan nhỏ ở động vật.

Số hồ sơ lưu: 21014

85222.03-2023 **Nghiên cứu dịch tễ học phân tử và bệnh lý bệnh Derzsy's ở thủy cầm do Parvovirus gây ra tại một số tỉnh phía Bắc, Việt Nam/** TS. Trần Đức Hoàn, TS. Nguyễn Thị Hương Giang; ThS. Đoàn Thị Thảo; ThS. Nguyễn Đình Nguyên; KS. Bùi Thị Thương; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Vũ Thị Hoài Thu; BSTY. Nguyễn Thị Khánh Linh - Bắc Giang - Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định đặc điểm sinh học phân tử của Parvovirus thông qua giải mã, phân tích hệ gen của các chủng Parvovirus gây bệnh Derzsy's trên thủy cầm tại một số tỉnh phía Bắc. Xác định các đặc điểm dịch tễ, sự phân bố dịch bệnh Derzsy's trên thủy cầm. Xác định các đặc điểm bệnh lý đại thể và vi thể trên thủy cầm mắc bệnh Derzsy's. Xác định sự lưu hành của các chủng Parvovirus gây bệnh Derzsy's ở thủy cầm lưu hành trên địa bàn một số tỉnh phía Bắc Việt Nam bằng kỹ thuật sinh học phân tử, phân tích hệ gen của Parvovirus và xác định một số đặc điểm bệnh lý trên thủy cầm bệnh.

Số hồ sơ lưu: 21019

#### **40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác**

85608.03-2023 **Phát triển mô hình tác tổ (agent-based) để mô phỏng sự phân bố không gian của**

**chất thải chăn nuôi lợn/** PGS. TS. Ngô Thế Ân, PGS.TS. Mai Văn Trinh; TS. Đinh Thị Hải Vân; TS. Nông Hữu Dương; CN. Nguyễn Thị Hằng; CN. Nguyễn Thị Vân Anh - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được khung phương pháp và những thuật toán tích hợp phân tích không gian và mô hình hóa đa tác tổ áp dụng cho mục đích quản lý chất thải chăn nuôi lợn. Xây dựng được mô hình máy tính và thử nghiệm với các số liệu đầu vào thu thập tại huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang và TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu; đồng thời kiểm chứng mô hình có tính hệ thống để đảm bảo độ tin cậy thống kê của mô hình trước khi ứng dụng cho mục đích phân tích môi trường. Đưa ra được bản đồ thực trạng phân bố chất thải từ các trang trại chăn nuôi lợn (nguồn điểm) và các hộ chăn nuôi nằm trong khu dân cư (nguồn diện) trên địa bàn nghiên cứu bằng cách sử dụng mô hình máy tính đã được kiểm chứng. Đề xuất được giải pháp chính sách kiểm soát chất thải chăn nuôi lợn dựa vào phân tích kịch bản theo mô hình phân tích không gian đề cập ở trên.

Số hồ sơ lưu: 21107

85737.03-2023 **Ứng dụng kỹ thuật để nhân giống gà Tò trên địa bàn huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk./** ThS. Lê Nữ Hòa, ThS. Lê Khánh Toàn; ThS. Nguyễn Như Trung; ThS. Võ Thị Thu Hoa; ThS. Nguyễn Thị Diệu Hòa. - Đắk Lắk - Trường

Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên, 2021; 09/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và kỹ thuật nuôi gà Tò tại xã Cư Ni, huyện Ea Kar. Xây dựng mô hình thụ tinh nhân tạo cho gà Tò và mô hình nuôi gà Tò 1 ngày tuổi đến 5 tháng tuổi. Tổ chức 01 hội thảo để đánh giá quá trình triển khai thực hiện, kết quả theo dõi mô hình, thảo luận. Mang lại hiệu quả kinh tế cho người nuôi gà với số tiền là 59.314.000 đồng. Bên cạnh đó, đề tài còn mang lại hiệu quả về mặt xã hội và tác động tích cực đến lĩnh vực chăn nuôi nói chung và chăn nuôi gà Tò nói riêng trên địa bàn triển khai thực hiện.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-003

85754.03-2023 **Xây dựng mô hình nuôi vịt kiêm dụng PT trên đê mốt lót sinh học tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.**/ ThS. Nguyễn Nam, KS. Trần Thị Hồng Bích (Thư ký); ThS. Lê Võ Thị Anh Đào; ThS. Nguyễn Danh Thơ; BSTY. Lã Cao Cường - Đắk Lắk - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Đắk Lắk, 2021; 08/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổ chức được 03 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi vịt PT trên đê mốt lót sinh học cho 03 hộ thực hiện mô hình. Tổ chức 03 hội thảo để đánh giá quá trình triển khai thực hiện thảo luận, hoàn thiện “Quy trình kỹ thuật nuôi vịt PT trên đê mốt lót sinh học” phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Sử dụng đê mốt lót sinh học nuôi vịt PT đã cho kết quả: Tỷ lệ

nuôi sống của vịt PT; Sinh trưởng tích lũy của vịt PT; Hiệu quả sử dụng thức ăn (FCR) của 03 mô hình từ 0 – 10 tuần tuổi là 2,84 cho thấy khả năng thích nghi của vịt PT với chế độ dinh dưỡng và điều kiện khí hậu huyện Cư Kuin; vịt PT chỉ mắc các bệnh thường gặp với tỷ lệ trung bình 8,2%, tỷ lệ chết trong đàn 2,67% và tỷ lệ điều trị khỏi bệnh trung bình 81,51%; Kết thúc dự án, hiệu quả kinh tế thu được của 01 mô hình từ 3.817.500 – 4.129.500 đồng (chưa tính công lao động nhân rỗi tại mỗi hộ là 7.000.000 đồng).

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-006

85757.03-2023 **Xây dựng mô hình chăn nuôi dê Bách Thảo cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại Đắk Lắk.**/ ThS. Nguyễn Đức Điện, CN. Võ Thị Thu Nguyệt (Thư ký); PGS.TS. Văn Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Văn Thái; ThS. Ngô Thị Kim Chi; KS. Lê Ly Đa; ThS. Lê Nữ Hòa. - Đắk Lắk - Khoa Nông Lâm nghiệp, Trường đại học Tây Nguyên, 2021; 09/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án đã tổ chức được 02 lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi dê với 50 lượt người tham gia; Xây dựng 04 mô hình nuôi dê Bách Thảo với đối tượng là người đồng bào dân tộc Ê Đê. Về tổ chức tập huấn: lớp tập huấn diễn ra 1 ngày với các nội dung phù hợp với nhu cầu và trình độ người dân; 100% học viên đánh giá “tốt” công tác tổ chức lớp tập huấn và nội dung giảng viên truyền đạt. Hội thảo đầu chuỗi: Ban chủ nhiệm dự án đã lắng nghe các ý kiến

đóng góp để hoàn thiện tài liệu kỹ thuật và ghi nhận những nội dung trao đổi của đại biểu tham dự, đại diện các đơn vị chuyên môn có liên quan Các sản phẩm của dự án đều đầy đủ theo thuyết minh, trong đó 02 sản phẩm: bài báo và hướng dẫn sinh viên đạt mức 200%.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-009

#### 40403. Quản lý và bảo vệ rừng

85577.03-2023 **Nghiên cứu biện pháp phòng trừ tổng hợp bệnh chết héo do nấm *Ceratocystis sp.* cho Keo lá trà, keo lai và Keo tai tượng/ GS. TS. Phạm Quang Thu, TS. Nguyễn Minh Chí; TS. Đặng Như Quỳnh; ThS. Lê Thị Xuân; TS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Nguyễn Thị Thúy Nga; ThS. Nguyễn Văn Nam; ThS. Trần Xuân Hinh; TS. Trần Thị Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Hải Đăng - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh chết héo đối với rừng trồng Keo lá trà, keo lai và Keo tai tượng. Đồng thời, nghiên cứu đặc điểm sinh học và sinh thái của nấm *Ceratocystis sp.* gây bệnh chết héo rừng trồng các loài keo. Tìm hiểu các biện pháp phòng trừ tổng hợp nấm *Ceratocystis sp.* gây bệnh chết héo tại Tuyên Quang, Quảng Trị và Đồng Nai. Tiến hành xây dựng mô hình phòng trừ tổng hợp bệnh chết héo gây hại rừng trồng Keo lá trà, keo lai và Keo tai tượng. Xây dựng 03 quy trình phòng trừ tổng hợp

bệnh chết héo gây hại rừng trồng keo và tập huấn chuyên giao quy trình.

Số hồ sơ lưu: 21086

#### 40405. Giống cây rừng

85404.03-2023 **Sản xuất thử các giống bạch đàn lai UP và PB nhằm cung cấp gỗ lớn cho vùng Đông Bắc Bộ và Nam Trung Bộ/ TS. Đỗ Hữu Sơn, Nguyễn Quốc Toàn; Hà Huy Thịnh; Nguyễn Đức Kiên; Phan Đức Chính; Cán Thị Lan; Dương Thanh Hoa; Trịnh Văn Hiệu; Ngô Văn Chính; Dương Hồng Quân - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng 04 ha khảo nghiệm mở rộng vùng trồng các giống Bạch đàn lai (01ha/điểm) tại Yên Bái, Lạng Sơn, Quảng Ngãi và Bình Định. Đánh giá và công nhận mở rộng vùng trồng được ít nhất 01 giống Bạch đàn lai UP và 01 giống Bạch đàn lai PB. Xây dựng 32 ha mô hình rừng trồng thâm canh các giống Bạch đàn lai. Xây dựng 04 ha thí nghiệm các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trồng rừng thâm canh tại Yên Bái, Lạng Sơn, Quảng Ngãi và Bình Định. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh năng suất cao, cung cấp gỗ lớn bằng các giống Bạch đàn lai UP (UP164, UP171, UP223) cho vùng Đông Bắc Bộ và các giống Bạch đàn lai PB7, PB48 và PB55 cho vùng Nam Trung Bộ. Chuyên giao kỹ thuật trồng rừng thâm canh năng suất cao cho các đơn vị nghiên cứu và sản xuất lâm nghiệp tại Yên Bái, Lạng Sơn, Bình Định và Quảng Ngãi.



Số hồ sơ lưu: 21051

85660.03-2023 **Nghiên cứu phát triển rừng trồng Bời lời vàng (*Litsea pierrei* Lecomte) và Dẻ đỏ (*Lithocarpus ducampii* A. Camus) cung cấp gỗ lớn ở một số vùng sinh thái trọng điểm/ GS. TS. Võ Đại Hải, TS. Đặng Thịnh Triều; ThS. Dương Quang Trung; TS. Nguyễn Anh Dũng; ThS. Đào Hùng Mạnh; ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt; ThS. Trần Văn Sâm; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Nguyễn Tử Kim; TS. Nguyễn Bảo Ngọc; TS. Bùi Thị Thủy; KS. Tạ Thị Thanh Hương - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 05/2017 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Điều tra, đánh giá các mô hình và biện pháp kỹ thuật trồng rừng Bời lời vàng và Dẻ đỏ đã có. Nghiên cứu tuyển chọn cây trội, khảo nghiệm hậu thế kết hợp đánh giá xuất xứ và xây dựng vườn giống hữu tính cho Bời lời vàng và Dẻ đỏ. Nghiên cứu kỹ thuật trồng rừng Bời lời vàng và Dẻ đỏ. Nghiên cứu cấu tạo, tính chất cơ vật vật lý, thành phần hóa học, độ bền tự nhiên và đặc tính công nghệ gỗ Bời lời vàng và Dẻ đỏ. Nghiên cứu công nghệ chế biến, bảo quản gỗ Bời lời vàng và Dẻ đỏ. Tập huấn kỹ thuật gieo ươm, trồng rừng và chế biến bảo quản gỗ kết hợp chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho Bời lời vàng và Dẻ đỏ.

Số hồ sơ lưu: 21112

#### **40406. Nông lâm kết hợp**

85706.03-2023 **Nghiên cứu các giải pháp phòng trừ sâu hại chính**

**cây Bồ đề (*Styrax tonkinensis*) tại tỉnh Yên Bái./ ThS. Nguyễn Văn Thành, Ths. Nguyễn Văn Thành; Ths. Nguyễn Quốc Thống; Ths. Bùi Quang Tiếp; Ths. Nguyễn Hoài Thu; KS. Trang A Tổng; KS. Trần Việt Thắng; Ths. Phạm Thị Lan Anh; KS. Cao Thị Nga; KS. Ly Mí Đình; KS. Sùng A Sinh. - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ rừng, 2022; 11/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra thành phần loài sâu hại và xác định loài sâu hại chính cây Bồ đề tại huyện Văn Chấn và Trấn Yên. Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái của các loài sâu hại chính cây Bồ đề làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp phòng trừ. Nghiên cứu các biện pháp quản lý tổng hợp sâu hại chính cây Bồ đề. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ sâu hại chính cây Bồ đề phù hợp với điều kiện địa phương tại tỉnh Yên Bái. Tập huấn và chuyển giao kỹ thuật quản lý tổng hợp sâu hại chính cây Bồ đề tại huyện Văn Chấn và Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-32-2021

#### **40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản**

84890.03-2023 **Sản xuất thử nghiệm giống nguồn gen cá chuối hoa (*Channa maculata* Lacepède, 1801) tại Bắc Trung Bộ/ TS. Chu Chí Thiết, ThS. Nguyễn Như Sỹ; ThS. Nguyễn Thị Lệ Thủy; KS. Phan Thị Thu Hiền; KS. Tăng Thị Thảo; KS. Lê Văn Tuấn; Đậu Đức Kính; TS. Nguyễn Đình Vinh; ThS. Tạ Thị Bình; ThS. Phạm Mỹ Dung -**

Nghệ An - Phân Viện Nghiên Cứu Nuôi Trồng Thủy Sản Bắc Trung Bộ, 2022; 09/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu nâng cao chất lượng đàn cá bố mẹ phục vụ sản xuất, lựa chọn biện pháp kích thích sinh sản cá bố mẹ và nghiên cứu, lựa chọn thời điểm kích thích sinh sản của cá bố mẹ. Tiến hành nghiên cứu kỹ thuật ương cá bột lên cá hương và nghiên cứu kỹ thuật ương cá hương lên cá giống. Tổng hợp hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống nguồn gen cá chuối hoa và xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo cá Chuối hoa quy mô hàng hóa.

Số hồ sơ lưu: 20952

84896.03-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực miền Trung/** TS. Nguyễn Văn Hùng, KS. Kiều Tiến Trung; CN. Nguyễn Thị Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Hoàng Thị Châu Long; TS. Phan Đình Phúc; KS. Phạm Thuỳ Linh; KS. Lê Văn Diệu; ThS. Phan Thị Lệ Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập bổ sung nguồn gen cá nước ngọt cá mồm trâu và 2 nguồn gen cá biển cá mú tổ ong và nguồn gen cá gáy biển. Lưu giữ an toàn mẫu vật sống 20 nguồn gen thủy sản quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, có tiềm năng và giá trị kinh tế. Đánh giá chi tiết 10 nguồn gen thủy sản, đánh giá chi tiết 10 nguồn gen vi tảo biển và đánh giá khả năng phục tráng nguồn gen thành thực

đang lưu giữ. Nghiên cứu hoàn thành tư liệu hóa 20 nguồn gen, cập nhật dữ liệu hồ sơ nguồn gen trên trang web của nhiệm vụ.

Số hồ sơ lưu: 20935

84967.03-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực miền Trung/** TS. Nguyễn Văn Hùng, ThS. Dương Thị Phượng; CN. Nguyễn Thị Thanh Hoa; TS. Phan Đình Phúc; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Trần Thế Thanh Thi; KS. Phạm Thuỳ Linh; KS. Lê Văn Diệu; ThS. Phan Thị Lệ Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra, thu thập bổ sung 1 nguồn gen thủy sản nước ngọt 40 con cá mồm trâu có khối lượng 0,2 - 0,3 kg/con, đồng thời thu thập 2 nguồn gen cá biển bao gồm cá mú tổ ong và cá gáy biển số lượng 50 con/nguồn gen khối lượng 0,5 -1,0 kg/con. Tiến hành lưu giữ an toàn mẫu vật sống của 21 nguồn gen trong đó có 11 nguồn gen thủy sản và 10 nguồn gen vi tảo biển. Đánh giá khả năng phát triển của 10 nguồn vi tảo ở mật độ và ánh sáng môi trường dinh dưỡng khác nhau, định danh lại 3 nguồn gen vi tảo đang lưu giữ nghi ngờ nhiễm tạp trong phòng thí nghiệm. Phục tráng nguồn gen: thăm dò khả năng sinh sản nhân tạo các nguồn gen cá mú cạp, tôm mũ ni, hải sâm vù.

Số hồ sơ lưu: 20936

85035.03-2023 **Phân tích hệ gen của cá tra nhằm phát triển chỉ**

**thị phân tử phục vụ chọn giống cá tra theo hướng tăng trưởng (Giai đoạn 2)/** TS. Kim Thị Phương Oanh, TS. Lê Thị Nguyên Bình; TS. Nguyễn Văn Sáng; TS. Nguyễn Thùy Dương; PGS.TS. Nguyễn Đăng Tôn; PGS.TS. Võ Thị Bích Thủy; ThS. Trần Hữu Phúc; ThS. Trần Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Trần Sơn Hoàng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hệ gen, 2022; 03/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển bộ chỉ thị phân tử liên quan đến tính trạng tăng trưởng nhanh nhằm phục vụ chọn giống cá tra. Thử nghiệm, sàng lọc và đánh giá được hiệu quả của 8 chỉ thị SNP liên quan đến tính trạng tăng trưởng đã phát triển được ở giai đoạn 1 và phát triển mới được bộ chỉ thị SNP liên quan đến tính trạng tăng trưởng ở cá tra. Đánh giá tính trạng tăng trưởng của cá tra và thu mẫu cho phân tích sàng lọc, kiểm nghiệm chỉ thị SNP. Phát triển mới chỉ thị SNP liên quan đến tính trạng tăng trưởng ở cá tra sử dụng công nghệ giải trình tự thế hệ mới. Thử nghiệm bộ chỉ thị phân tử đã sàng lọc được vào chọn giống theo tính trạng tăng trưởng. Chỉ thị phân tử xác định và kiểm nghiệm được từ nghiên cứu này sẽ được sử dụng trong những nghiên cứu sâu hơn nhằm xây dựng bản đồ di truyền, nghiên cứu di truyền liên kết, di truyền quần thể, đa dạng di truyền và chọn giống.

Số hồ sơ lưu: 20991

**85265.03-2023 Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống hải sản kinh tế, quý hiếm, có nguy cơ tuyệt**

**chủng ở biển Việt Nam/** ThS. Đặng Minh Dũng, ThS. Phạm Thành Công; ThS. Nguyễn Xuân Sinh; ThS. Đỗ Mạnh Dũng; ThS. Lại Duy Phương; ThS. Nguyễn Quốc Tĩnh; Hoàng Văn Nguyên - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra, khảo sát và thu thập 08 nguồn gen (trước năm 2019) hải sản (gồm 05 loài quý hiếm, có nguy cơ đe dọa tuyệt chủng và 03 loài có giá trị kinh tế cao). Năm 2020, triển khai bảo tồn, lưu giữ an toàn 07 nguồn gen trong điều kiện thực nghiệm theo phương pháp bảo tồn chuyên vị (Ex-situ). Năm 2021, tiến hành thu bổ sung 5 nguồn gen, gồm: trai bàn mai (40 cá thể), trai ngọc môi vàng (20 cá thể), trai ngọc môi đen (20 cá thể), trai ngọc nữ (20 cá thể), Ngao ô vuông (20 cá thể) cơ sở dữ liệu các nguồn gen đã được đánh giá chi tiết, mức độ hoàn thành đối với từng nguồn gen trên 85%. Năm 2021, thực hiện đánh giá bổ sung chi tiết nguồn gen cá nác, cụ thể: Xác định được tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ sống khi nuôi thương phẩm từ nguồn giống nhân tạo đạt tỷ lệ sống 72,7 – 73,2 %; Đối với nguồn gen trai bàn mai, nhiệm vụ đã thử nghiệm sinh sản thành công, trong đó phương pháp sốc nhiệt cho tỷ lệ đẻ đạt 33,3% và bước đầu thành công ương nuôi từ ấu trùng chữ D đến ấu trùng đến giai đoạn con giống cấp 1.

Số hồ sơ lưu: 21030

**85266.03-2023 Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống hải sản kinh tế, quý hiếm, có nguy cơ tuyệt**

**chúng ở biển Việt Nam/** ThS. Đặng Minh Dũng, ThS. Phạm Thành Công; ThS. Nguyễn Xuân Sinh; ThS. Đỗ Mạnh Dũng; ThS. Lại Duy Phương; ThS. Nguyễn Quốc Tĩnh; Hoàng Văn Nguyên - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2022; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra, thu thập bổ sung một số nguồn gen đang lưu giữ nhưng số lượng ít như: Trai ngọc môi vàng, trai ngọc môi đen, trai ngọc nữ và trai bàn mai để bổ sung quần đàn làm vật liệu đánh giá các chỉ tiêu thuần dưỡng. : Bảo tồn, lưu giữ an toàn 07 nguồn gen hải sản kinh tế, quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng ở biển Việt Nam. Đánh giá bổ sung chi tiết 07 nguồn gen hải sản đã thu thập từ năm 2012 – nay. Tư liệu hóa nguồn gen và trao đổi thông tin tư liệu và nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 21031

85592.03-2023 **Đánh giá đa dạng di truyền giống cá *Glossogobius* và đặc điểm sinh học của loài *G. aureus* và loài *G. sparsipapillus* ở Đồng bằng sông Cửu Long/** PGS. TS. Trương Trọng Ngôn, TS. Đinh Minh Quang; PGS.TS. Trần Đắc Định; TS. Đỗ Tấn Khang; TS. Trần Thanh Mến; ThS. Trần Thanh Lâm; CN. Nguyễn Thị Kiều Tiên; CN. Nguyễn Thị Nhã Ý - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được chỉ thị phân tử DNA ở ty thể (gen COI và Cyt b) của giống cá *Glossogobius* phục vụ cho công tác đánh giá đa dạng di

truyền và phân loại học. Bổ sung được dữ liệu về hình thức tăng trưởng và sự biến động hình thức tăng trưởng theo giới tính, mùa vụ và nhóm chiều dài của hai loài cá *G. aureus* và *G. sparsipapillus* ở khu vực nghiên cứu. Xác định được các đặc điểm dinh dưỡng theo giới tính, mùa vụ và nhóm chiều dài của hai loài cá *G. aureus* và *G. sparsipapillus* ở khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 21099

#### **40504. Nuôi trồng thủy sản**

84376.03-2023 **Ứng dụng công nghệ Biofloc xây dựng mô hình ương, nuôi thương phẩm cá chép tại xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh/** KS. Vũ Thế Nguyên, KS. Vũ Thế Nguyên; KS. Vũ Thị Hiên; CN. Đoàn Thị Hà; TC. Phạm Văn Nhật; KTV. Nguyễn Văn Định; KTV. Phạm Văn Tùng; KTV. Trịnh Văn Thực; ThS. Phạm Quý Quỳnh; ThS. Phạm Đăng Khoa; ThS. Đinh Hồng Khánh. - Ninh Bình - Công ty TNHH thương mại và Nuôi trồng thủy sản Thành Long, 2022; 01/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ Biofloc xây dựng mô hình ương cá chép. Ứng dụng công nghệ Biofloc xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chép. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm cá chép ứng dụng công nghệ Biofloc phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện Yên Khánh. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình, tuyên truyền nhân rộng mô hình.



Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-006-2022

85104.03-2023 **Nghiên cứu giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa lớn theo hướng sản xuất hàng hoá hiệu quả và bền vững**/ TS. Nguyễn Thanh Tùng, TS. Phan Thị Ngọc Diệp; ThS. Phạm Thị Thuỳ Linh; ThS. Phan Văn Tá; ThS. Nguyễn Ngọc Hân; TS. Lưu Thị Thảo; ThS. Đỗ Thị Huyền Trang; ThS. Đỗ Phương Linh; PGS.TS. Nguyễn Phú Hoà; ThS. Nguyễn Đức Bình; ThS. Nguyễn Trung Hiếu; KS. Lê Văn Diệu; ThS. Trần Văn Tam - Hà Nội - Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng danh mục hồ chứa lớn có tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa hiệu quả và bền vững; Xây dựng phương pháp xác định tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản hiệu quả và bền vững tại các loại hình hồ chứa lớn. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản hiệu quả và bền vững; Áp dụng thử nghiệm bộ tiêu chí đánh giá khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa quy mô hàng hóa đạt hiệu quả cao và bền vững. Đề xuất chính sách phát triển, cơ chế quản lý và các giải pháp kỹ thuật nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa hiệu quả và bền vững cho các loại hình hồ chứa lớn.

Số hồ sơ lưu: 21006

85573.03-2023 **Nghiên cứu các yếu tố chính ảnh hưởng đến chất lượng nước nuôi trồng thủy sản**

**vùng ven biển cửa Ba Lạt (sông Hồng).**/ TS. Lê Như Đa, PGS.TS. Lê Thị Phương Quỳnh; TS. Phùng Thị Xuân Bình; PGS.TS. Dương Thị Thủy; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Hoàng Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2022; 09/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát đánh giá hiện trạng chất lượng nước nuôi trồng thủy sản (NTTS) vùng ven biển cửa Ba Lạt thuộc các tỉnh Thái Bình và Nam Định, xác định các nguyên nhân gây ô nhiễm nước nhằm đề xuất một số giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, phục vụ phát triển ngành NTTS và phát triển bền vững vùng ven biển. Tổng hợp các thông tin về hiện trạng tài nguyên nước và các đặc điểm tự nhiên, kinh tế- xã hội của vùng ven biển thuộc các tỉnh Nam Định và Thái Bình. Đánh giá hiện trạng chất lượng nước NTTS vùng ven biển thuộc các tỉnh Nam Định và Thái Bình. Xác định và đánh giá mức độ ô nhiễm kim loại nặng và vi sinh vật trong một số mẫu thủy hải sản nuôi trồng. Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố môi trường với thành phần và mật độ phù du, đánh giá nguy cơ bùng nổ tảo, trong đó có tảo gây hại. Đánh giá các nguyên nhân có thể gây ảnh hưởng tới chất lượng nước tại vùng NTTS ven biển các tỉnh Nam Định và Thái Bình. Đưa ra các cảnh báo phát triển tảo có hại, ô nhiễm hữu cơ, ô nhiễm kim loại nặng, vi sinh vật và đề xuất giải pháp hữu ích nhằm bảo vệ chất lượng nước NTTS và phát triển bền vững

vùng ven biển các tỉnh Nam Định và Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: 21089

85603.03-2023 Nghiên cứu sản xuất thức ăn công nghiệp ương nuôi tôm hùm bông (*Panulirus ornatus*) giai đoạn ấu trùng puerulus đến con giống 20g/con/TS. Mai Duy Minh, ThS. Trần Thị Bích Thủy; KS. Vũ Thị Bích Duyên; KTV. Mai Duy Hảo; KS. Trần Thị Lưu; TS. Lê Anh Tuấn; TS. Trương Hà Phương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2022; 01/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định nhu cầu dinh dưỡng của tôm hùm bông giai đoạn ấu trùng puerulus đến con giống 20 g/con. Xây dựng được bộ công thức thức ăn cho tôm hùm bông giai đoạn ấu trùng puerulus đến con giống 20 g/con. Xây dựng được quy trình sản xuất thức ăn công nghiệp cho ương tôm hùm bông giai đoạn ấu trùng puerulus đến con giống 20 g/con, quy mô  $\geq 30$  kg/m<sup>2</sup>. Xây dựng được bộ tiêu chuẩn kỹ thuật cơ sở cho thức ăn ương nuôi tôm hùm bông giai đoạn ấu trùng puerulus đến con giống 20 g/con. Xây dựng được quy trình ương nuôi tôm hùm giống bằng thức ăn công nghiệp trong bể từ giai đoạn ấu trùng puerulus đến 20 g/con đạt tỷ lệ sống  $\geq 80\%$ . Sản xuất được 500 kg thức ăn công nghiệp ương tôm hùm giống được sử dụng hiệu quả trong ương nuôi tôm hùm bông giai đoạn puerulus đến con giống 20 g/con. Ương tạo ra 2000 tôm hùm

giống cỡ 20 g/con bằng thức ăn công nghiệp do Đề tài sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 21108

85871.03-2023 Ứng dụng và nhân rộng mô hình nuôi cá tầm tại thôn Đưng Trang, xã Đưng Knó, huyện Lạc Dương/ ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang, CN. Nguyễn Nam Hoài; CN. Đỗ Thị Hải; CN. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; KTV. Rơ Ông Ha Nar; CN. Nguyễn Thụy Anh Thư; CN. Nguyễn Thị Kim Oanh - Lâm Đồng - Trung tâm Nông nghiệp huyện Lạc Dương, 2021; 01/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án triển khai các nội dung : Hỗ trợ cá tầm giống, hướng dẫn xây dựng bể nuôi, xây dựng hệ thống dẫn nước, kỹ thuật nuôi dưỡng cá, từ đó nhằm chuyển giao kỹ thuật nuôi cá nước lạnh đến các hộ dân tại thôn Đưng Trang xã Đưng Knó. Hoàn thiện quy trình nuôi cá tầm theo điều kiện thực tế tại địa bàn thôn Đưng trang, từ đó phổ biến rộng rãi cho các hộ dân trên địa bàn xã. Mô hình nuôi trồng thủy sản mới, lần đầu triển khai cho hộ dân thực hiện trên địa bàn xã, phù hợp với điều kiện tự nhiên, trình độ canh tác của người dân trên địa bàn xã. Mô hình nuôi mới để bà con nông dân trong xã hưởng ứng học hỏi, làm theo góp phần gia tăng thu nhập, cải thiện đời sống của hộ gia đình. Góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, xây dựng chương trình nông thôn mới.

Số hồ sơ lưu: LDG-2022-024

85895.03-2023 Nghiên cứu quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Trèn Bàu (*Ompok bimaculatus*) tại An Giang/ ThS. Lê Văn Lễnh, Phan Phương Loan; Trần Kim Hoàng; Phan Thị Thanh Vân; Đặng Thế Lực; Chau Thi Đa; Lê Công Quyền; Nguyễn Hoàng Huy; Lê Đức Duy - An Giang - Trường đại học An Giang, 2021; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình sản xuất giống cá Trèn bàu đạt yêu cầu về nuôi vỗ thành thực trong ao > 70% và kích thích sinh sản bán nhân tạo. Kỹ thuật ương cá bột lên cá giống chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 từ 1 đến 30 ngày tuổi, tỷ lệ sống > 30%; giai đoạn 2 từ 31 đến 90 ngày tuổi, tỷ lệ sống > 50%. Xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cá Trèn bàu trong lồng bè đạt tỷ lệ sống > 60%, FCR từ 2,0 – 2,5 đối với thức ăn công nghiệp và 4,0 – 5,0 đối với thức ăn cá tạp, kích cỡ trung bình 100 g /con, năng suất 04 – 05 kg /m<sup>3</sup>. Ghi nhận bệnh trong quá trình ương giống và nuôi thương phẩm cá Trèn bàu. Xây dựng 02 mô hình điểm sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Trèn bàu. Đề xuất các định hướng và giải pháp phát triển mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Trèn bàu trên địa bàn tỉnh An Giang. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Bảo tồn và phát triển nguồn gene cá Trèn bàu trong tỉnh An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-004-2022

#### 40507. Bảo quản và chế biến thủy sản

85126.03-2023 Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chế biến bảo quản sản phẩm tôm chua từ tôm bạc đất và phát triển sản phẩm chà bông từ cá chẻm và tôm sú/ ThS Trịnh Thị Ngọc Hiện, ThS Trịnh Thị Ngọc Hiện; KS. Lê Duy Bình; GS.TS. Nguyễn Văn Mười; PGS.TS. Trần Thanh Trúc; ThS. Trần Bạch Long; ThS. Trần Tuyết Mai; ThS. Tô Nguyễn Phước Mai - Bến Tre - Công Ty cổ phần AnFOODS, 2022; 09/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu quy trình lên men tôm chua phù hợp để phát triển sản xuất trên quy mô 5 và 10 kg/m<sup>3</sup> và giữ ổn định chất lượng, dinh dưỡng của sản phẩm ở quy cách bao bì 250 g/mẫu trong tối thiểu 6 tháng. Hoàn thiện quy trình chế biến chà bông cá chẻm và chà bông tôm phù hợp để phát triển sản xuất trên quy mô 5 đến 10 kg thịt/m<sup>3</sup>.

Số hồ sơ lưu: BTE-175-2022

85397.03-2023 Hoàn thiện công nghệ khai thác, sơ chế và bảo quản mực đại dương trên tàu khai thác xa bờ/ TS. Nguyễn Phi Toàn, ThS. Phan Đăng Liêm; ThS. Phạm Văn Tuấn; KS. Nguyễn Thành Công; ThS. Đỗ Văn Thành; ThS. Lại Huy Toàn; KS. Nguyễn Ngọc Sứ; ThS. Lê Văn Bôn; ThS. Phạm Văn Tuyển; ThS. Trần Thị Nga; KS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Mai Công Nhuận; KS. Lương Quốc Khánh; KS. Dương Đức Duy - Hải Phòng -

Viện nghiên cứu hải sản, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình công nghệ khai thác, sơ chế và bảo quản mực đại dương trên tàu lưới chụp. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ khai thác, sơ chế và bảo quản mực đại dương trên tàu lưới chụp. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật và chuyển giao công nghệ khai thác, sơ chế và bảo quản mực đại dương trên tàu lưới chụp.

Số hồ sơ lưu: 21046

#### **40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;**

85356.03-2023 **Nghiên cứu chức năng của một số gen liên quan đến sự phát triển bộ rễ có ảnh hưởng đến khả năng chịu hạn, mặn ở lúa Việt Nam/** TS. Hoàng Thị Giang, ThS. Vũ Thị Hương; KS. Đỗ Văn Toàn; ThS. Trần Hiền Linh; ThS. Cao Thị Châm; TS. Phùng Thị Phương Nhung; ThS. Lê Thị Liễu; TS. Lê Đức Thảo; CN. Trương Thu Lan - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2022; 09/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xác định một số yếu tố phiên mã TF liên quan đến sự phát triển rễ lúa. Xác định ảnh hưởng của một số yếu tố phiên mã ARF đến sự phát triển rễ lúa. Đánh giá khả năng chịu hạn, chịu mặn và khả năng duy trì năng suất trong điều kiện hạn của bộ giống lúa Việt Nam. Xác định QTL liên quan đến khả năng chịu hạn, chịu mặn và duy trì năng suất trong điều kiện gây hạn.

Học tập kỹ thuật phân tích thông kê sinh học dữ liệu Phenotyping và kỹ thuật phân tích GWAS.

Số hồ sơ lưu: 21044

85649.03-2023 **Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen ngan Sen/** TS. Nguyễn Văn Duy, ThS. Mai Hương Thu; TS. Vương Thị Lan Anh; KS. Đỗ Thị Liên; ThS. Lê Thị Mai Hoa; KS. Đào Anh Tiến; ThS. Văn Thị Chiều; KS. Nguyễn Ngọc Giáp; KS. Hoàng Bích Ngọc; ThS. Tạ Phan Anh - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu vịt đại xuyên, 2022; 09/2017 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra bổ sung, đánh giá hiện trạng tình hình chăn nuôi ngan Sen. Tuyển chọn và xây dựng đàn hạt nhân ngan Sen. Nghiên cứu xây dựng đàn sản xuất ngan Sen. Xây dựng quy trình chăn nuôi ngan Sen: Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng; các biện pháp thú y phòng bệnh ngan Sen; quy trình chăn nuôi ngan Sen sinh sản.

Số hồ sơ lưu: 21122

#### **5. Khoa học xã hội**

85748.03-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 và định hướng đến 2030./** TS. Nguyễn Khắc Bình Minh, TS. Đinh Khắc Tuấn, ThS. Ngô Văn Dương (Thư ký); TS. Nguyễn Văn Tiến; TS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Chu Huy Tường; ThS. Vũ Văn Đàm; ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Phạm Thế Trịnh (Thư ký); ThS. Đặng Hải



Trung; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Nguyễn Văn Khoa. - Hà Nội - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2021; 01/2021 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng phát triển KH&CN: Hoạt động quản lý nhà nước ngày càng được hoàn thiện; Hoạt động đánh giá kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Định hướng phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030: Phát triển KH,CN&ĐMST là nhiệm vụ trọng tâm; xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật nhằm đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; xem doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu cho phát triển thị trường công nghệ; phát triển nhanh và bền vững dựa vào KH,CN&ĐMST. Phương hướng và giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030: Đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý KH,CN&ĐMST; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiên bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; Tăng cường hoạt động hỗ trợ nhằm thu hút, huy động nguồn lực doanh nghiệp tham gia hoạt động KH,CN&ĐMST; Phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KH&CN và nâng cao tiềm lực phát triển KH,CN&ĐMST.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-005

85796.03-2023 **Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới tại Khánh Hòa/ Nguyễn Việt Thảo, - TS. Lê Thị Hà - PGS. TS. Nguyễn Xuân Trung - TS. Nguyễn Thị Huyền Nhung - TS. Nguyễn Thị Ánh - ThS. Hà Thị Bích Thủy - PGS. TS. Ngô Huy Tiếp - TS. Nguyễn Duy Hạnh - TS. Trịnh Thanh Trà - ThS. Nguyễn Tuyết Hạnh - Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022; 11/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Phân tích những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực trong việc vận dụng vào phát triển tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2020 - 2030. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới phù hợp thực tiễn công tác tại Khánh Hòa (tầm nhìn 2030).

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/325

85857.03-2023 **Thực trạng và giải pháp giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang/ ThS. Nguyễn Mạnh Dũng, ThS. Trương Văn Nam; ThS. Đỗ Văn Hùng; ThS. Hoàng Xuân Đẹp; ThS. Triệu Thị Tình; ThS. Mai Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Tú Huy; CN. Tăng Bá Tuyên; ThS. Vương Đình Thắng; ThS. Phạm Văn Hải; ThS. Vi Khánh Hòa. - Hà Giang - Văn phòng Tỉnh**

ủy Hà Giang, 2022; 05/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác giảm nghèo bền vững (GNBV) trên địa bàn tỉnh Hà Giang, từ đó đề xuất một số giải pháp GNBV cho tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022 - 2025. Góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về GNBV; Đánh giá thực trạng công tác GNBV trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020; Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến GNBV trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Đề xuất giải pháp GNBV cho tỉnh Hà Giang trong giai đoạn 2022-2025.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2022

#### **50101. Tâm lý học nói chung**

85120.03-2023 **Giải pháp của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong phát triển mô hình hỗ trợ tâm lý thanh thiếu niên/** TS. Phạm Ngọc Linh, ThS. Nguyễn Thị Bình; TS. Lê Thu Hiền; ThS. Nguyễn Ngọc Tùng; TS. Lê Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Bùi Phương Thảo; ThS. Vũ Hồng Nhung; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Ngô Thu Trà My - Hà Nội - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về mô hình hỗ trợ tâm lý thanh thiếu niên của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất những giải pháp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong phát triển mô hình hỗ trợ tâm lý

thanh thiếu niên. Nghiên cứu cơ sở lý luận về mô hình hỗ trợ tâm lý thanh thiếu niên: Tổng quan tình hình nghiên cứu, hệ thống khái niệm, các điều kiện phát triển mô hình hỗ trợ tâm lý, các loại mô hình hỗ trợ tâm lý của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Phân tích thực trạng hoạt động các mô hình hỗ trợ tâm lý thanh thiếu niên của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Đề xuất một số giải pháp giải pháp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong phát triển mô hình.

Số hồ sơ lưu: 20977

#### **50102. Tâm lý học chuyên ngành**

84956.03-2023 **Ảnh hưởng của giá trị cảm nhận và tính cách cá nhân đến hành vi mua hàng trực tuyến của người tiêu dùng Việt Nam/** PGS.TS. Hồ Huy Tựu, GS.TS. Svein Ottar Olsen; TS. Lê Chí Công; ThS. Nguyễn Hữu Khôi; ThS. Huỳnh Thị Ngọc Diệp - Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang, 2022; 03/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thảo luận và kiểm định các tác động kết hợp trực tiếp và gián tiếp của các giá trị cảm nhận, các biến số tính cách được tích hợp vào thái độ, lý thuyết hành vi dự định để đạt được một sự hiểu biết sâu sắc hơn về ý định sử dụng MC trong bối cảnh của một quốc gia đang phát triển. Thảo luận và kiểm định ảnh hưởng trực tiếp của sự hài lòng với cuộc sống, lòng tự trọng cũng như tác động điều tiết của sự hòa hợp trong cuộc sống với hành vi mua sắm ngẫu hứng. Đề xuất một số gợi ý thực tiễn cho các nhà tiếp thị và các nhà hoạch

định chính sách về hành vi sử dụng MC mua sắm ngẫu hứng của người tiêu dùng Việt Nam liên quan đến các biến số tâm lý, có thể được sử dụng bởi các nhà tiếp thị để tăng cường bán hàng trực tuyến.

Số hồ sơ lưu: 20974

### **50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

82546.03-2023 Nghiên cứu giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư trong khu Di sản thế giới Quần thể danh thắng Tràng An tỉnh Ninh Bình trong quá trình phát triển du lịch./ TS. Bùi Văn Mạnh, TS. Bùi Văn Mạnh; TS. Trần Hồng Quảng; CN. Bùi Quang Ninh; ThS. Phạm Thị Hồng Quyên; ThS. Tô Thị Thanh Mai; CN. Phạm Sinh Khánh; ThS. Bùi Hoàng Hà; ThS. Quách Thế Hải; ThS. Nguyễn Thành Tuyên; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang. - Ninh Bình - Ban Quản lý Quần thể danh thắng Tràng An, 2021; 01/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng hoạt động sinh kế của người dân trước và sau khi Quần thể danh thắng Tràng An được công nhận là di sản thế giới. Đánh giá sự tác động của quá trình phát triển du lịch đối với sự thay đổi sinh kế của cộng đồng dân sinh sống trong khu vực Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Đề xuất một số giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư trong vùng lõi

Quần thể danh thắng Tràng An trong quá trình phát triển du lịch.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-003-2021

84077.03-2023 Nghiên cứu một số giải pháp của các cấp công đoàn nâng cao chất lượng chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Ninh Bình/ Dương Đức Khanh, Dương Đức Khanh; Trần Kim Long; Lê Thị Mai Thủy; Lê Thị Bích Ngọc; Đinh Thế Hùng; Nguyễn Thị Thanh; Nguyễn Hữu Tuyên; Phạm Thị Thu Hương; Đỗ Thị Bích Phượng; Tạ Thị Thảo. - Ninh Bình - Liên đoàn Lao động tỉnh Ninh Bình, 2022; 01/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, căn cứ pháp lý quy định về việc chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động của tổ chức công đoàn. Nghiên cứu thực trạng vai trò của công đoàn các cấp trong thực hiện chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Đề xuất các nhóm giải pháp nâng cao năng lực chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-003-2022

84946.03-2023 Đánh giá tác động của chính sách ưu đãi tín dụng đối với hoạt động khai thác

**thủy sản tại Việt Nam/** TS. Phạm Thị Thanh Thủy, ThS. Vũ Kế Nghiệp; ThS. Nguyễn Trọng Lương; TS. Lê Kim Long; ThS. Phạm Thị Hải Trang; ThS. Trần Thị Thu Hòa - Nha Trang - Trường Đại học Nha Trang, 2022; 11/2017 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tài liệu liên quan về trợ cấp và hiệu quả trong khai thác thủy sản. Phân tích thực trạng quá trình triển khai chương trình ưu đãi tín dụng đóng mới nâng cấp tàu từ trước đến nay, đánh giá những khó khăn vướng mắc tồn tại cần giải quyết. Đánh giá tác động của chương trình ưu đãi tín dụng đóng mới/nâng cấp tàu theo Nghị định 67 đến hiệu quả kinh tế từ khai thác của ngư dân. Phân tích khả năng tác động trong dài hạn của trợ cấp đến tính bền vững của nghề. Một số hàm ý chính sách nhằm cải thiện hiệu quả chương trình ưu đãi tín dụng đối với hoạt động khai thác thủy sản.

Số hồ sơ lưu: 20971

84971.03-2023 **Nghiên cứu luận cứ xây dựng mục tiêu, quan điểm, định hướng tài chính chủ yếu phục vụ chiến lược và tầm nhìn phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến 2035/** TS. Nguyễn Việt Lợi, ThS. Nguyễn Thị Hải Thu; ThS. Trương Bá Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Hải Bình; TS. Lê Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thị Phương Linh; CN. Hoàng Hải Linh; ThS. Nguyễn Tiến Thu; CN. Ngô Thị Hoàn; CN. Vũ Ngọc Nam - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2020; 08/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Sử dụng kết hợp hai phương pháp trong đó, phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng để phân tích, tổng hợp các lý thuyết, các nghiên cứu trước đây về những vấn đề kinh tế; luận giải lý thuyết, các nghiên cứu đã có về các nội dung của đề tài. Phương pháp thống kê mô tả được dùng để thống kê các dữ liệu và mô tả thực trạng, xu hướng tình hình kinh tế ở Việt Nam. Xây dựng và hình thành được các luận cứ khoa học để từ đó xác định các quan điểm, mục tiêu và định hướng tài chính chủ yếu nhằm phục vụ Chiến lược và tầm nhìn phát triển KT-XH Việt Nam đến năm 2035.

Số hồ sơ lưu: 20978

85030.03-2023 **Ứng dụng các mô hình kinh tế lượng không gian nghiên cứu sự phân bố không gian của đầu tư trực tiếp nước ngoài: Trường hợp ASEAN và Việt Nam/** TS. Hoàng Hồng Hiệp, ThS. Châu Ngọc Hòe; ThS. Phạm Quốc Trí; PGS.TS. Lê Văn Huy; TS. Nguyễn Hiệp; TS. Nguyễn Thành Đạt; TS. Dương Nguyễn Minh Huy; ThS. Phạm Thái Hà - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2021; 05/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hướng đến hoàn thiện và luận giải sâu sắc hơn lý thuyết về sự phân bố không gian của FDI đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực (cấp độ quốc gia); sự phân bố không gian của FDI giữa các địa phương bên trong một quốc gia đặt trong bối cảnh liên kết vùng (cấp vùng/địa phương). Cung cấp



những bằng chứng thực nghiệm quan trọng về bản chất của sự phân bố không gian của FDI tại các quốc gia ASEAN từ sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997. Các kết quả thực nghiệm có hàm ý chính sách quan trọng cho Việt Nam trong điều chỉnh chính sách thu hút FDI nhằm khai thác tối ưu các cơ hội từ quá trình hội nhập khu vực. Cung cấp các bằng chứng thực nghiệm về: (i) tác động của FDI đối với tăng trưởng kinh tế các tỉnh của Việt Nam; (ii) các nhân tố của sự phân bố không gian của FDI tại các địa phương Việt Nam (gồm cả vấn đề thể chế địa phương). Nghiên cứu hướng đến cung cấp một số hàm ý chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy sự phân bố không gian hợp lý của FDI, đẩy mạnh thu hút và tối đa hóa lợi ích của FDI trong phát triển kinh tế ở cấp độ quốc gia và địa phương. Đẩy mạnh việc ứng dụng kinh tế lượng không gian (Spatial Econometrics) vào nghiên cứu các vấn đề kinh tế xã hội gắn với tiếp cận vùng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20989

85215.03-2023 **Hoàn thiện hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Văn Truyền, TS. Phạm Văn Bình; TS. Lê Minh Toán; ThS. Bùi Khánh Ly; ThS. Nguyễn Sơn Vĩnh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Liên; ThS. Nguyễn Mai Phương; CN. Vũ Tuyết Oanh; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Hương; ThS. Dương Lan Anh - Hà Nội - Cục quản lý giá, 2021; 06/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề về lý luận cơ bản của Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá, nghiên cứu các kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng và thực hiện các bộ tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế, khu vực và một số quốc gia phát triển. Trên cơ sở đó rút ra một số kinh nghiệm hiệu quả phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội Việt Nam để học hỏi, đưa vào quy định trong Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Đề tài cũng nghiên cứu những nội dung cơ bản của Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam hiện nay cũng như thực trạng áp dụng trên thực tiễn những năm vừa qua. Từ cơ sở lý luận và thực trạng thực hiện pháp luật, đề tài đề xuất một số kiến nghị, giải pháp để hoàn thiện Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21017

85674.03-2023 **Luận cứ khoa học cho giải pháp chính sách phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ/** GS. TS. Nguyễn Đình Hương, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn; PGS.TS. Lê Hà Thanh; PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ; PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh; GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải; TS. Nguyễn Đình Chúc; PGS.TS. Vũ Duy Nguyên; TS. Nguyễn Gia Thọ; TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; PGS.TS. Hoàng Xuân Quý; PGS.TS. Phan Hữu Nghị; PGS.TS. Trần Mạnh Dũng; TS. Nguyễn Thị Huế; TS. Hồ Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Thị Chính; TS. Nguyễn Đình Hưng; PGS.TS. Ngô Thúy Quỳnh; TS. Trần Thị Mai Hoa; PGS.TS. Đỗ Thị Hải Hà; PGS.TS. Đoàn Hồng Lê; PGS.TS. Phạm Văn

Hùng; TS. Nguyễn Đình Toàn; ThS. Lê Thị Hồng Thuận; ThS. Nguyễn Thị Mai Lan; ThS. Nguyễn Văn Thuân; TS. Nguyễn Văn Hậu; GS.TS. Hoàng Văn Hoa; TS. Đỗ Thị Ngọc Lan; PGS.TS. Vũ Văn Tùng; ThS. Nguyễn Thị Huệ; TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng; ThS. Lê Văn Viễn; ThS. Phạm Quyết Thắng; ThS. Nghiêm Thái Sơn; ThS. Trần Thị Vân Anh; PGS.TS. Bùi Tất Thắng - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2021; 03/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Những vấn đề lý luận và kinh nghiệm của thế giới về phát triển bền vững dải kinh tế ven biển. Thực trạng chính sách phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ. Mục tiêu, phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Số hồ sơ lưu: 21129

#### **50202. Kinh doanh và quản lý**

84235.03-2023 **Xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận nước mắm Cà Ná**/ PGS. TS. Lê Thị Nam Giang, - Ninh Thuận - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AGL, 2018; 10/2016 - 02/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng hệ thống các văn bản quản lý Nhãn hiệu chứng nhận “Nước mắm Cà Ná” phù hợp với thực tế khai thác và chế biến các sản phẩm này tại địa phương và chủ trương phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Thuận nói chung, huyện

Thuận Nam nói riêng, đảm bảo việc kiểm soát hoạt động chế biến, cung ứng, bảo quản và xúc tiến thương mại cho sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị kinh tế, xã hội, văn hóa của sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm. Đăng ký thành công Nhãn hiệu chứng nhận “Nước mắm Cà Ná” tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NTN-020-2021

84873.03-2023 **Nghiên cứu chất lượng lợi nhuận doanh nghiệp ở Việt Nam: Tiếp cận theo khía cạnh đa chiều**/ PGS. TS. Đặng Ngọc Hùng, TS. Đặng Thái Bình; PGS.TS. Trần Mạnh Dũng; PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga; TS. Hoàng Thị Việt Hà; TS. Trương Thanh Hằng; TS. Nguyễn Thị Thanh Loan; TS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Đậu Hoàng Hưng; TS. Vũ Thị Thúy Vân; TS. Trần Thị Phương Dịu; ThS. Nguyễn Văn Linh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2022; 03/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận chất lượng lợi nhuận theo cách tiếp cận đa chiều. Phân tích thực trạng chất lượng lợi nhuận của doanh nghiệp Việt Nam theo khía cạnh đa chiều. Từ đó xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng lợi nhuận và ảnh hưởng của chất lượng lợi nhuận đến giá trị doanh nghiệp ở Việt Nam. Qua đó, đưa ra các khuyến nghị đề xuất nâng cao chất lượng lợi nhuận doanh nghiệp ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20939

84885.03-2023 **Nghiên cứu quy trình xây dựng định mức ngày công thu thập thông tin trong điều tra thống kê/** ThS. Nguyễn Văn Thụy, ThS. Vũ Thị Hân; ThS. Dương Đỗ Thu Thủy; CN. Đào Thị Thu Hằng; CN. Bùi Thị Nhung; CN. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Thân Văn Hùng; ThS. Nguyễn Đức Quỳnh Anh; CN. Nguyễn Thị Huyền Trang; CN. Nguyễn Thế Vinh; CN. Lê Thị Kim Chi; CN. Trần Thị Bích Liên; CN. Phạm Đoan Trang; CN. Phan Thị Trúc An; CN. Huỳnh Võ Diễm Trang; CN. Trương Thị Thu Nguyệt; CN. Hà Thị Lan - Hà Nội - Vụ Kế hoạch Tài chính - Tổng cục Thống kê, 2021; 05/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận xây dựng định mức ngày công thu thập thông tin trong điều tra thống kê. Đánh giá thực trạng việc xây dựng định mức ngày công thu thập thông tin trong điều tra thống kê. Qua đó, đề xuất quy trình xây dựng định mức ngày công thu thập thông tin trong điều tra thống kê.

Số hồ sơ lưu: 20941

84891.03-2023 **Nghiên cứu đề xuất khung pháp lý về khái niệm, phân loại doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam/** ThS. Nguyễn Đức Toàn, TS. Nguyễn Thanh Tuyên; ThS. Đỗ Trường Giang; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hòa; ThS. Đặng Thị Diệu Thúy; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; CN. Trương Hữu Chung; CN. Vũ Thị Việt Hà; CN. Nguyễn Tiến Hưng; CN. Vũ Thị Bảo Len - Hà Nội - Vụ Công nghệ thông

tin, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các sở cứ để xây dựng khung pháp lý về khái niệm, phân loại doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Nghiên cứu xác định nội hàm, đặc trưng công nghệ số, từ đó xác định nội hàm, đặc trưng của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu phân loại doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam theo lĩnh vực hoạt động; kết hợp với các phương pháp phân loại doanh nghiệp tại Việt Nam; từ đó xác định các loại hình doanh nghiệp công nghệ số. Qua đó, đề xuất hướng xây dựng bộ tiêu chí để xác định các loại hình doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20951

84923.03-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ ngành sợi trong quá trình hội nhập quốc tế/** TS. Nguyễn Hữu Trường Hưng, CN. Lê Thu Trà; CN. Nguyễn Thanh Cương; CN. Vũ Thị Hà Phương; ThS. Trần Hoàng Mai; CN. Vũ Diệu Linh; ThS. Nguyễn Đức Trọng; ThS. Phan Mai Quỳnh; ThS. Đỗ Lê Thành Đạt; CN. Lê Hồng Nhung; CN. Trương Thùy Dung; ThS. Nguyễn Duy Tuấn; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Lê Hoàng Anh; ThS. Lê Kim Phụng - Hà Nội - Cục Phòng vệ thương mại, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về ngành sợi và kinh nghiệm thế giới về điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm sợi. Tìm hiểu các quy

định của pháp luật Việt Nam và WTO về điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, cũng như tìm hiểu quy định của các hiệp định thương mại FTA có Việt Nam tham gia (như: CPTPP, EVFTA, KVFTA) về việc điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại. Nghiên cứu một số biện pháp phòng vệ thương mại của các nước thành viên WTO sử dụng đối với các sản phẩm sợi. Nghiên cứu thực trạng hoạt động sản xuất và kinh doanh ngành sản xuất sợi của Việt Nam và một số khó khăn với ngành sợi trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng. Qua đó đưa ra bài học kinh nghiệm và giải pháp sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ ngành sợi trong quá trình hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 20956

84943.03-2023 **Đánh giá căng thẳng thanh khoản (Liquidity stress tests) đối với hệ thống quỹ đầu tư tại Việt Nam/** PGS. TS. Trần Thị Xuân Anh, TS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Ngô Thị Hằng; TS. Phạm Tiến Mạnh; TS. Nguyễn Quỳnh Thơ; ThS. Phạm Đăng Thuận - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 05/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, làm rõ khái niệm thanh khoản của quỹ đầu tư chứng khoán, đo lường thanh khoản. Tổng quan về kiểm tra căng thẳng thanh khoản của hệ thống quỹ đầu tư (Khái niệm, hệ thống thước đo đánh giá). Tiến hành đánh giá căng thẳng thanh khoản của hệ thống quỹ đầu tư tại

Việt Nam và ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán Việt Nam. Qua đó, đề xuất các giải pháp tăng cường kiểm tra/ đánh giá căng thẳng thanh khoản đối với các quỹ đầu tư tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20958

85038.03-2023 **Liệu năng lực sáng tạo của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam có thúc đẩy tiếp cận tài chính toàn diện?/** TS. Phạm Thị Thu Trà, TS. Nguyễn Vũ Hồng Thái; TS. Nguyễn Phương Anh; ThS. Nguyễn Sơn Kiên; ThS. Võ Ngọc Thảo Nguyễn - Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Đại học RMIT Việt Nam, 2022; 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp cận toàn diện chính sách ưu tiên lớn ở những nền kinh tế đang phát triển trong đó có Việt Nam, do vai trò quan trọng của nó trong chiến lược tăng trưởng toàn diện. Định hướng đổi mới sáng tạo luôn để thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn luôn là một trong các mục tiêu ưu tiên của chính phủ từ khi Việt Nam bắt đầu công cuộc đổi mới vào đầu thập niên 90. Nghiên cứu tập trung vào hai mảng lớn đó là tài chính toàn diện và vai trò năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhỏ trong việc thúc đẩy tào chính toàn diện.

Số hồ sơ lưu: 20995

85043.03-2023 **Các quyết định tài chính và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại TP. HCM và một số tỉnh Nam Bộ/** TS. Lê Hồ An Châu, ThS. Trần Hà Giang; GS.TS. Võ Xuân Vinh;



ThS. Phan Đặng Bảo Anh; TS. Trần Thị Thanh Phương; TS. Ngô Minh Hải; ThS. Nguyễn Hữu Huân; ThS. Lê Văn Lâm; ThS. Lê Nguyễn Quỳnh Hương - Hà Nội - Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đo lường hiệu quả hoạt động của các DNNVV tại TP.HCM bằng chỉ số tài chính và chỉ số sống còn (survival ratio). Đồng thời, nghiên cứu cũng phân tích tích hiệu quả theo từng nhóm ngành nhằm trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu: (1a) DNNVV thuộc các nhóm ngành khác nhau có hiệu quả khác nhau không? (1b) Ngành nào hiệu quả nhất và ngành nào kém nhất? Hiệu quả cũng sẽ được phân tích dựa trên chu kỳ hoạt động để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu: (1c) Hiệu quả có ổn định trong suốt chu kỳ hoạt động không? (1d) Giai đoạn nào thường đạt hiệu quả tốt nhất và giai đoạn nào hiệu quả sẽ giảm?. Nghiên cứu kiểm định ảnh hưởng của cấu trúc vốn và cấu trúc tài sản đến hiệu quả hoạt động của các DNVVN để trả lời các câu hỏi nghiên cứu: (2a) Cấu trúc vốn khác nhau có dẫn đến hiệu quả hoạt động khác nhau hay không? (2b) Phân bổ tài sản có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hay không? Nghiên cứu về quyết định tài chính của DNNVV trong mối quan hệ với các yếu tố về phân bố địa lý, ngành nghề và đặc thù kinh doanh, hiệu quả hoạt động và quyết định đầu tư.

Số hồ sơ lưu: 20999

85044.03-2023 **Vai trò của các loại hình nhà đầu tư khác nhau**

**đối với doanh nghiệp niêm yết và đối với thị trường chứng khoán trong bối cảnh hội nhập/** GS. TS. Võ Xuân Vinh, ThS. Phan Đặng Bảo Anh; TS. Đặng Bửu Kiếm; TS. Lê Nhật Tân; TS. La Ngọc Giàu; ThS. Trần Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Thanh Phúc; ThS. Võ Văn Phong; CN. Nguyễn Thị Hồng Xuân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu kinh doanh, 2022; 03/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu vai trò của các loại hình nhà đầu tư khác nhau (nhà nước, nước ngoài, trong nước, tổ chức...) đối với doanh nghiệp thể hiện qua các hành vi của doanh nghiệp như việc sử dụng tín dụng thương mại, sử dụng cấu trúc vốn, tài trợ ngắn hạn, trả cổ tức bằng tiền hay cổ phiếu, phương thức đầu tư và chính sách đầu tư... Vai trò của các loại hình nhà đầu tư khác nhau (nhà nước, nước ngoài, trong nước, tổ chức...) đối với thị trường chứng khoán (bao gồm nhiều yếu tố, ví dụ như thanh khoản, tính hiệu quả, tính thông tin, tính bền vững, độ rộng của thị trường). Sự thay đổi trong vai trò của các loại hình nhà đầu tư khác nhau đối với doanh nghiệp và thị trường chứng khoán trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng. Kết quả nghiên cứu này cũng có những hàm ý quan trọng cho các nhà thiết lập và thực thi chính sách.

Số hồ sơ lưu: 20997

85046.03-2023 **Phát triển bền vững xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại/** GS. TS. Đinh Văn Sơn, PGS.TS. Doãn Kế Bôn;

PGS.TS. Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS. Phạm Thị Tuệ; PGS.TS. Phan Thế Công; PGS.TS. An Thị Thanh Nhân; TS. Trần Thị Hoàng Hà; TS. Lê Thị Việt Nga; PGS.TS. Phạm Thị Hồng Yến; TS. Lương Minh Huân - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2022; 07/2022 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng khung phân tích lý luận về bảo hộ thương mại và tác động của bảo hộ thương mại đến xuất khẩu bền vững hàng nông sản trong bối cảnh gia tăng bảo hộ thương mại trên thế giới. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về phát triển bền vững xuất khẩu hàng nông sản trong bối cảnh gia tăng bảo hộ thương mại trên thế giới nhằm rút ra các bài học có giá trị tham khảo cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng phát triển bền vững xuất khẩu hàng nông sản và thực trạng tác động của bảo hộ thương mại đến phát triển xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam 2011-2020; Đánh giá tác động của bối cảnh mới (toàn cầu, khu vực, đa phương, song phương) và bối cảnh bảo hộ thương mại đến phát triển bền vững hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2021-2030; từ đó xác định các cơ hội và thách thức cho Việt Nam; Đề xuất quan điểm, mục tiêu và giải pháp phát triển bền vững xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam dưới tác động của bảo hộ thương mại giai đoạn 2021 - 2030.

Số hồ sơ lưu: 21000

85103.03-2023 **Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu**

**nội ngành cơ khí chế tạo theo hướng nâng cao giá trị gia tăng/** TS. Vũ Quang Hùng, GS.TS. Ngô Thắng Lợi; PGS.TS. Vũ Thành Hương; ThS. Đỗ Văn Long; KS. Tạ Đức Tuân; CN. Trần Minh Phương; KS. Nguyễn Đức Bảo; KS. Trần Ngọc Luân; CN. Lê Thị Thanh Hải; CN. Nguyễn Lan Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao giá trị gia tăng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội ngành cơ khí. Hệ thống hóa và xác lập khung lý luận về giá trị gia tăng; chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, trong đó làm rõ khái niệm về cơ cấu nội ngành, chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng; vai trò của giá trị tăng trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội ngành góp phần tăng trưởng. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn về giá trị gia tăng ngành cơ khí làm cơ sở đề xuất một số cơ chế chính sách và giải pháp nâng cao giá trị gia tăng ngành cơ khí góp phần chuyển dịch cơ cấu nội ngành.

Số hồ sơ lưu: 21007

85156.03-2023 **Nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Ấn Độ và các nước Tây Nam Á/** PGS. TS. Ngô Xuân Bình, ThS. Nguyễn Lê Thy Thương; TS. Lê Thị Hằng Nga; TS. Nguyễn Thị Ngọc; TS. Ngô Minh Đức; ThS. Trần Ngọc Diễm - Hà Nội - Viện

Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, 2021; 02/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhận định và phân tích những rủi ro dựa trên thực trạng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường Ấn Độ và Tây Nam Á từ năm 2007 đến nay. Xây dựng và bổ sung các cứ liệu khoa học đáng tin cậy về quản lý rủi ro trong kinh doanh xuất khẩu hàng hóa cho các cơ quan quản lý chuyên ngành của nhà nước và cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Ấn Độ và các nước Tây Nam Á.

Số hồ sơ lưu: 21015

85186.03-2023 **Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang trong bối cảnh mới/** ThS. Nguyễn Cẩm Trang, CN. Vũ Minh Tâm; CN. Bùi Quang Nhật Minh; CN. Trần Duy Hưng; ThS. Hoàng Xuân Vũ; CN. Trần Thanh Bình; ThS. Nguyễn Quốc Quang; ThS. Tạ Đức Tài; ThS. Lê Thị Bích Thủy; CN. Lã Thị Thùy Linh - Hà Nội - Cục Xuất nhập khẩu, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế. Phân tích, đánh giá đầy đủ, toàn diện về nhu cầu, bài học kinh nghiệm quốc tế, những mặt được và hạn chế, nhiệm vụ đã đề xuất được chính sách và giải pháp quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế trong bối cảnh mới. Làm rõ được các nội dung về khái niệm hàng hóa tân trang và cách

thức quản lý hàng hóa tân trang của một số nước trên thế giới, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ, toàn diện về nhu cầu, bài học kinh nghiệm quốc tế, những mặt được và hạn chế, nhiệm vụ đã đề xuất được chính sách và giải pháp quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 21010

85216.03-2023 **Hoàn thiện quản lý nhà nước về thẩm định giá tại Việt Nam đến năm 2030/** TS. Nguyễn Anh Tuấn, TS. Phạm Văn Bình; TS. Lê Minh Toán; ThS. Dương Lan Anh; ThS. Bùi Khánh Ly; ThS. Nguyễn Sơn Vĩnh; ThS. Nguyễn Mai Phương; CN. Vũ Tuyết Oanh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Liên; ThS. Lâm Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Cục quản lý giá, 2021; 09/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung liên quan đến quản lý nhà nước (QLNN) về thẩm định giá, trong đó tập trung vào các nội dung QLNN về thẩm định giá, các tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về thẩm định giá. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về QLNN về thẩm định giá, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam; Nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng của hoạt động QLNN về thẩm định giá tại Việt Nam hiện nay theo 3 nhóm nội dung QLNN, gồm: Xây dựng chiến lược, văn bản pháp luật, các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam; Tổ chức thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về thẩm định giá; Thanh

tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thẩm định giá và kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá; Đề xuất định hướng và kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao năng lực QLNN về thẩm định giá tại Việt Nam đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 21018

**85279.03-2023 Vay vốn ngang hàng (peer-to-peer lending): kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam/** TS. Phạm Thị Mỹ Hạnh, PGS. TS. Nguyễn Thị Tường Anh; TS. Vũ Thị Quê Anh; ThS. Nguyễn Thị Minh Thư; ThS. Nguyễn Hồng Quân; ThS. Nguyễn Hữu Thật; ThS. Phạm Phương Thảo; ThS. Lê Thanh Thủy; ThS. Trần Thị Kiều Minh - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 01/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về hình thức vay vốn ngang hàng (peer – to peer lending) trong nền kinh tế, qua đó thấy được cơ sở pháp lý cũng như tác động của hình thức vay vốn này trong hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế. Bài học kinh nghiệm của các quốc gia trong việc đẩy mạnh hình thức vay vốn ngang hàng trong nền kinh tế, đặc biệt là các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc. Thực trạng vay vốn ngang hàng trong nền kinh tế Việt Nam thời gian qua và đề xuất giải pháp đẩy mạnh hình thức vay vốn ngang hàng trong nền kinh tế Việt Nam trên cơ sở học tập kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 21033

**85380.03-2023 Hỗ trợ thương mại hóa quy trình công nghệ sản xuất một số sản phẩm hỗ trợ phòng và điều trị ung thư từ cây Xạ đen (Ehretia asperula Zoll. & Mor)/** TS. Vũ Thị Nguyệt, ThS. Hà Xuân Anh; CN. Bùi Minh Đạt; CN. Hoàng Thu Hiền; CN. Nguyễn Thị Thủy; CN. Đoàn Mạnh Thắng; GS. Đặng Đình Kim; PGS. Dương Thị Thủy; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Trần Thị Như Quỳnh; ThS. Nguyễn Thanh Uyên; ThS. Đặng Thị Mai Anh; Trần Minh Đức; Trần Anh Tuấn; Nguyễn Thị Hạnh Linh; Phạm Thị Lâm - Hòa Bình - Công ty cổ phần nghiên cứu phát triển dược liệu Hòa Bình, 2022; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phân tích đánh giá về nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm hỗ trợ phòng và điều trị ung thư từ cây Xạ đen. Hoàn thiện quy trình sản xuất cao định chuẩn giàu hoạt chất từ cây Xạ đen. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ phòng và điều trị ung thư từ cao định chuẩn Xạ đen. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm chè hòa tan hỗ trợ phòng và điều trị ung thư từ cao định chuẩn Xạ đen. Đánh giá tác dụng hỗ trợ phòng và điều trị ung thư của cao định chuẩn Xạ đen, tính an toàn của sản phẩm viên nang và chè hòa tan.

Số hồ sơ lưu: 21045

**85662.03-2023 Nghiên cứu đề xuất giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một số ngành công nghiệp trong**



**bối cảnh chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu/** ThS. Dương Hoài Thu, KS. Phạm Thị Minh Thảo; TS. Vũ Thị Lộc; TS. Trần Thị Mai Hoa; TS. Phạm Văn Kiệm; TS. Vương Quang Lượng; ThS. Vũ Thanh Huyền; TS. Tăng Thị Hằng; CN. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Anh - Hà Nội - Vụ Kế hoạch, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTNN) và những nhân tố ảnh hưởng. Thực trạng thu hút ĐTNN tại Việt Nam và thực trạng phát triển một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2016 -2020. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN) vào một số ngành công nghiệp trong bối cảnh chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu dưới tác động của cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung và đại dịch Covid-19.

Số hồ sơ lưu: 21121

**85690.03-2023 Nghiên cứu đánh giá mức độ đóng góp của khoa học công nghệ trong tăng trưởng GDP của ngành nông nghiệp và đề xuất chính sách, giải pháp tăng cường hiệu quả áp dụng KHCN trong sản xuất nông nghiệp/** ThS. Nguyễn Lệ Hoa, CN. Nguyễn Thị Thuý An; ThS. Phan Thị Thu Hà; CN. Phạm Minh Trí; ThS. Nguyễn Thị Thuý; ThS. Nguyễn Thị Hải Linh; CN. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Lê Trung Hiếu - Hà Nội - Viện Chính sách và Chiến lược

phát triển nông nghiệp nông thôn, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về đóng góp của các yếu tố đầu vào và khoa học công nghệ (KHCN) đối với GDP nông nghiệp. Phân tích thực trạng và mức độ đóng góp của KHCN trong tăng trưởng GDP của ngành nông nghiệp. Đề xuất chính sách, giải pháp tăng cường hiệu quả và mức độ đóng góp của KHCN trong sản xuất nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21133

**85692.03-2023 Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý thương mại nội địa trong tiến trình chuyển đổi số ở Việt Nam/** TS. Trịnh Thị Thanh Thủy, TS. Nguyễn Văn Hội; CN. Nguyễn Đức Kiên; TS. Đặng Thanh Phương; ThS. Phùng Thị Vân Kiều; ThS. Đỗ Quang; ThS. Nguyễn Phi Long; Ngô Thị Lan Hương; ThS. Đặng Hoàng Mai; Trương Thu Hiền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với thương mại nội địa trong chuyển đổi số; Nghiên cứu kinh nghiệm của nước ngoài về quản lý thương mại nội địa và rút ra bài học cho Việt Nam; Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với thương mại nội địa ở Việt Nam; Xác định bối cảnh và những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước về thương mại nội địa trong chuyển đổi số ở Việt Nam thời gian tới; Đề xuất quan

điểm, định hướng và giải pháp quản lý nhà nước đối với thương mại nội địa trong chuyển đổi số ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030.

Số hồ sơ lưu: 21141

### **50299. Kinh tế học và kinh doanh khác**

85850.03-2023 **Ứng dụng công nghệ Blockchain phục vụ quản lý và phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm đặc sản của địa phương/** ThS Bùi Huy Bình, Th.s Bùi Huy Bình; KS Trần Thị Huyền; TS Nguyễn Thị Hồng Minh; Th.S Phan Thị Xuân Diệu; Th.S Nguyễn Hồng Nam; TS. Nguyễn Việt Thắng; Th.S Đào Quốc Anh; CN Phạm Thị Mỹ Trinh; KS Lê Nhật Hiếu; ThS Lê Văn Gia Nhỏ; ThS Phạm Thị Quỳnh Lợi; KS Trần Bùi Quốc Dũng; KS Lê Tuấn Kiệt; KS Bùi Lan Phương - TP. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ truy xuất nguồn gốc, 2022; 12/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiếp tục mở rộng và ứng dụng truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh Bến Tre trên cơ sở cổng thông tin truy xuất nguồn gốc đã được xây dựng. Từ đó giúp đơn giản và chuẩn hóa quy trình hoạt động của từng chuỗi sản xuất nông nghiệp cùng với việc liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu nông sản cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh nhằm mục đích thúc đẩy tiêu thụ. Xây dựng, trưng bày và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp an toàn, có quy trình sản xuất minh bạch và

các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên của tỉnh Bến Tre.

Số hồ sơ lưu: BTE-176-2022

85873.03-2023 **Nghiên cứu hiện trạng, tiềm năng và đề xuất giải pháp phát triển kinh tế- xã hội huyện Thạnh Phú đến năm 2030 và tầm nhìn 2050/** PGS.TS Nguyễn Ngọc Vinh, PGS.TS Nguyễn Ngọc Vinh; ThS. Mai Thị Nghĩa; TS. Nguyễn Tấn Khuyên; CN.Lê Văn Khê; TS Phan Lê Vinh; ThS Vũ Sơn; CN Phạm Văn Định; ThS. Đặng Hoàng Minh Quân; CN. Võ Minh Thư; CN Phạm Viết Hải; CN. Nguyễn Hồng Vân; ThS. Phạm Tiến Dũng; CN Nguyễn Ngọc Tân; ThS Lê Văn Nhiên - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển (IDR), 2022; 01/2021 - 01/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của tỉnh Bến Tre về phát triển kinh tế. Phân tích tiềm năng, đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội huyện Thạnh Phú. Nhận diện ngành – sản phẩm thế mạnh và tiềm năng của huyện Thạnh Phú; Xác định các tiêu chí làm cơ sở cho đánh giá tác động đến sự phát triển kinh tế của huyện Thạnh Phú. Giải pháp phát triển các ngành thế mạnh và tiềm năng phát triển kinh tế huyện Thạnh Phú đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Tổng kết, đánh giá.

Số hồ sơ lưu: BTE-179-2022

**50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..**

84626.03-2023 **Nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí giám sát, đánh giá chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030/** ThS. Phùng Lê Khanh, ThS. Lê Thị Hồng Liên; TS. Nguyễn Quang Việt; PGS.TS. Mạc Văn Tiến; TS. Khương Thị Nhân; TS. Phạm Đăng Quyết; ThS. Lê Hồng Linh; KS. Nguyễn Huy Sơn; ThS. Đào Ngọc Phương; ThS. Nguyễn Thị Huyền - Hà Nội - Trường Đại học Tài chính - Marketing, 2022; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về bộ tiêu chí giám sát, đánh giá chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp; Đánh giá hiện trạng các tiêu chí giám sát, đánh giá chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Đề xuất bộ tiêu chí giám sát, đánh giá chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 và đề xuất giải pháp, điều kiện áp dụng phục vụ công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20988

84962.03-2023 **Nghiên cứu mô hình trường học thông minh ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Minh Tuấn, TS. Vương Thị Phương Hạnh; ThS. Tô Hồng Nam; ThS. Hà Văn Quỳnh; ThS. Lê Trung Thành; ThS. Vương Quốc Anh; ThS. Nguyễn Duy Long; ThS. Vũ Thị Phương Thảo; ThS. Hồ Huyền Trang - Hà Nội - Viện Khoa

học Giáo dục Việt Nam, 2021; 01/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số kinh nghiệm xây dựng mô hình trường học thông minh của một số nước trong khu vực và trên thế giới; Đánh giá thực tiễn và nghiên cứu điển hình ở thành phố Đà Nẵng và Thành Phố Hồ Chí Minh những trường có lớp học thông minh hoặc có một số yếu tố của trường học thông minh; Đánh giá thực trạng và xu hướng phát triển mô hình trường học thông minh ở Việt Nam. Đề xuất được mô hình trường học thông minh. Mô hình đề xuất sẽ góp phần thúc đẩy ứng dụng công nghệ hiện đại vào trong trường học, góp phần hiện đại hóa giáo dục nước nhà.

Số hồ sơ lưu: 20979

85010.03-2023 **Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của công chức, viên chức về công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo bồi dưỡng thuộc Bộ Tài chính/** ThS. Lê Văn Nam, TS. Trần Thị Phương Diệu CN. Trần Ngọc Lan; CN. Lê Quốc Khánh; ThS. Ngô Mạnh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thuỳ Dương; ThS. Lê Thu Nga; TS. Lương Thu Thủy; ThS. Lê Thị Ngọc Bích; ThS. Phạm Ngọc Tuấn - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ- Bộ Tài chính, 2021; 09/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp các thông tin, kiến thức từ các văn bản, tài liệu trong và ngoài nước về công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức. Xác định khái niệm, cơ sở, mục tiêu của công tác quản lý đào

tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức. Xác định các phương pháp, công cụ trong đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cho công chức viên chức. Các nội dung cần thực hiện trong đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của công chức viên chức đối với công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng. Đánh giá thực trạng về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của công chức viên chức đối với công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Tài chính. Đánh giá chung về hoạt động của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Tài chính. Đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của công chức viên chức đối với công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Tài chính. Phân tích những mặt tích cực và hạn chế dựa trên kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của công chức, viên chức. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của công chức viên chức về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Tài chính.

Số hồ sơ lưu: 20973

85069.03-2023 Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp (Blended Learning) cho một số trường thuộc Bộ Công Thương/ ThS. Nguyễn Trường Giang, TS. Đặng Hương Giang; TS. Phạm Thị Thu Hoài; TS. Nguyễn Hữu Quang;

ThS. Vũ Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Văn Hoà; ThS. Hoàng Thị Minh Lý; ThS. Trịnh Kiều Tuấn; ThS. Đỗ Tuấn Hạnh; ThS. Hoàng Anh Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng và nhu cầu xây dựng mô hình đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến tại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp và một số trường thuộc Bộ Công Thương. Nghiên cứu xây dựng được mô hình đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến (Blended Learning) phù hợp với điều kiện thực tế tại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (xây dựng mô hình, quy trình, quy chế và hướng dẫn triển khai, thay đổi phương thức và cách thức đào tạo cho các học phần, quy định xây dựng học liệu điện tử và đánh giá kết quả học tập...) Thử nghiệm mô hình đào tạo kết hợp tại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện mô hình đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến để có thể phù hợp áp dụng cho một số trường thuộc Bộ Công Thương.

Số hồ sơ lưu: 20993

85091.03-2023 Huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị - xã hội/ PGS. TS. Hoàng Thị Bích Thủy, ThS. Đặng Việt Anh Dũng; TS. Nguyễn Thị Thu Huyền; PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh; ThS. Hoàng Trung Kiên - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2022;



03/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hình thành mạng lưới liên kết khởi nghiệp bắt đầu từ Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Thái Nguyên và kết nối với các trường đại học khác, đặc biệt chú trọng các trường đại học khối kỹ thuật. Đào tạo nâng cao năng lực, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho giảng viên và sinh viên các trường đại học trong mạng lưới. Triển khai chương trình hành động thúc đẩy khởi nghiệp sinh viên.

Số hồ sơ lưu: 21003

#### **50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác**

84574.03-2023 **Nghiên cứu giải pháp quy hoạch, thiết kế hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc trường học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông/** GS.TS. Doãn Minh Khôi, ThS. Doãn Thanh Bình; PGS.TS. Nguyễn Quang Minh; TS. Phạm Thị Hải Hà; PGS.TS. Đặng Thị Thanh Huyền; TS. Nguyễn Việt Huy; ThS. Doãn Minh Thu; ThS. Nguyễn Hải Vân Hiền; TS. Dương Đức Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Việt Phương - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2021; 10/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở khoa học của việc quy hoạch, thiết kế hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc trường học phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đồng thời nghiên cứu khảo sát thực trạng xây dựng trường học thuộc các cấp học tại các vùng miền. Từ đó đề xuất các giải pháp quy hoạch, thiết kế hạ tầng kỹ thuật, kiến

trúc trường học phổ thông theo định hướng thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng; tối ưu công năng sử dụng, tiết kiệm không gian; phù hợp với điều kiện vùng miền, cấp học; đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

Số hồ sơ lưu: 20560

85040.03-2023 **Nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí giám sát, đánh giá chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030/** ThS. Phùng Lê Khanh, ThS. Trần Thị Hà; TS. Vũ Nhữ Thăng; ThS. Nguyễn Văn Phụng; PGS.TS. Lê Xuân Trường; TS. Lê Quang Thuận; ThS. Lê Thị Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Văn Duy; PGS.TS. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư; TS. Nguyễn Tuấn Duy - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về bộ tiêu chí giám sát, đánh giá chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp; Đánh giá hiện trạng các tiêu chí giám sát, đánh giá chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Đề xuất bộ tiêu chí giám sát, đánh giá chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; Đề xuất giải pháp và điều kiện tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 20769

85672.03-2023 **Hỗ trợ hoạt động, liên kết của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị - xã hội/** TS.

Vũ Tuấn Anh, ThS. Dương Trọng Tấn; TS. Nghiêm Xuân Huy; TS. Trương Ngọc Kiểm; PGS. TS. Vũ Hoàng Linh; PGS. TS. Nguyễn Thanh Hải; PGS. TS. Lê Trung Thành; ThS. Trần Xuân Đích; ThS. Vũ Trọng Hưng; ThS. Vũ Thị Mai Phương; ThS. Nguyễn Khắc Nhật; ThS. Nguyễn Mạnh Long; ThS. Phạm Anh Đới - Hà Nội - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 08/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cập nhật, hoàn thiện bộ tài liệu về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tổ chức các khóa đào tạo, hội nghị về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đề xuất mô hình đào tạo, nâng cao năng lực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Số hồ sơ lưu: 21128

85710.03-2023 **Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển đội ngũ trí thức và gợi ý chính sách cho Việt Nam/** TS. Phùng Ngọc Tấn, TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Lê Văn Hùng; PGS.TS. Trần Thị Lan Hương; TS. Trần Thị Hà; ThS. Vũ Ngọc Quyên; ThS. Nguyễn Ngọc Trí - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 05/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu chính sách và thực trạng phát triển đội ngũ trí thức ở Hàn Quốc, Trung Quốc và Singapore. Xem xét những kinh nghiệm trong xây dựng, thực thi các chính sách phát triển đội ngũ trí thức của các quốc gia Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore. Tổng kết bài học

kinh nghiệm cho Việt Nam trong phát triển đội ngũ trí thức. Kiến nghị giải pháp chính sách phát triển đội ngũ trí ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 21138

**50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

84881.03-2023 Các yếu tố tác động đến ý định khởi sự kinh doanh xã hội - Trường hợp Việt Nam/ PGS. TS. Phạm Xuân Lan, PGS.TS. Lê Nhật Hạnh; TS. Đàm Trí Cường; TS. Phan Tấn Lực; ThS. Bùi Ngọc Tuấn Anh - TP. Hồ Chí Minh - Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 05/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thực trạng chung về sự phát triển chung của các hoạt động xã hội, kinh doanh xã hội và khởi sự kinh doanh xã hội tại Việt Nam và nhận dạng các vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển. Tổng quan về lý thuyết và lược khảo các kết quả nghiên cứu liên quan đến các khái niệm nghiên cứu. Tiến hành nghiên cứu định lượng nhằm kiểm định thang đo các khái niệm nghiên cứu và mối quan hệ giữa các khái niệm nghiên cứu trong mô hình về ý định khởi sự kinh doanh xã hội tại Việt Nam. Tiến hành các nghiên cứu định tính để thảo luận về các kết quả nghiên cứu định lượng, phân tích nguyên nhân và tìm kiếm các giải pháp cho những vấn đề tồn tại hiện

nay trong việc phát triển các doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 20944

85313.03-2023 **Nghiên cứu xây dựng Bộ chỉ số đánh giá các hành vi ứng xử trên mạng xã hội và đề xuất áp dụng tại Việt Nam/** ThS. Phạm Văn Nghĩa, Trần Tuyết Anh; Đặng Thị Hoa - Hà Nội - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về sự phát triển mạng xã hội trên thế giới; Nghiên cứu hiện trạng các hành vi ứng xử trên mạng xã hội tại Việt Nam; Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về bộ chỉ số đánh giá hành vi ứng xử trên mạng xã hội trên thế giới; Đề xuất bộ chỉ số các hành vi ứng xử trên mạng xã hội tại Việt Nam nhằm đánh giá hành vi ứng xử của người dùng trên mạng xã hội. Từ đó, làm căn cứ để xác định những xu hướng hành vi ứng xử trên mạng xã hội, định hướng về chính sách tốt hơn phục vụ công tác quản lý mạng xã hội tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21011

85557.03-2023 **Sự biến động và các nhân tố tác động đối với nghèo đa chiều: Phân tích kinh tế lượng vi mô và vĩ mô ở Việt Nam/** TS. Trần Quang Tuyến, TS. Vũ Văn Hương; ThS. Trần Lan Anh; TS. Nguyễn Thị Thu Hoài; ThS. Hoàng Ngọc Quang - Hà Nội - Trường Quốc tế- Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đo lường nghèo đa chiều và phân tích đóng góp của từng chiều thiếu hụt ở cấp hộ gia đình và cấp tỉnh. Xác định và lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đa chiều ở cấp hộ gia đình. Đồng thời, xác định và định lượng các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến nghèo đa chiều ở cấp tỉnh. Tiến hành phân tích và so sánh kết quả phân tích nghèo đa chiều với kết quả từ phân tích nghèo thu nhập, và phân tích tác động của các nhân tố vĩ mô tới tăng trưởng vì người nghèo cấp hộ. Trên cơ sở các văn bản pháp lý và kết hợp với các phát hiện nghiên cứu thực nghiệm, đề xuất các khuyến nghị chính sách hữu ích để giảm nghèo đa chiều trong những năm tới.

Số hồ sơ lưu: 21085

85896.03-2023 **Nghiên cứu thực trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong cộng đồng người S' tiêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đề xuất giải pháp/** ThS. Điều Điều, PGS.TS. Buôn Krông Tuyết Nhung; ThS. Y Cuôr Bkrông; TS.Văn Ngọc Sáng; ThS. Nguyễn Văn Sơn; ThS.Nguyễn Trọng Trí; CN. Nguyễn Văn Nguyễn; CN. Nguyễn Văn Sáu; CN. Rahlan Anhi; CN. H Belly Êban - Bình Phước - Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước, 2021; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, phân tích thực trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Đánh giá tác động của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống đối với thực tiễn. Đề xuất giải pháp giảm thiểu, ngăn chặn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Xây dựng tài

liệu tuyên truyền song ngữ Việt - S'tiêng nhằm giảm thiểu, ngăn chặn nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào S'tiêng ở Bình Phước.

Số hồ sơ lưu: BPC-001-2022

### 50501. Luật học

84953.03-2023 **Kết luận thanh tra - Những vấn đề lý luận và thực tiễn/** TS. Nguyễn Tuấn Khanh, ThS. Vũ Đức Hoan; CN. Phạm Diệu Huyền; ThS. Trần Phương Hoa; ThS. Đào Trung Kiên; ThS. Trần Xuân Dũng; TS. Trần Thùy Dương; ThS. Nguyễn Phương Vy; ThS. Ngô Thị Phương Ngoi - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2021; 04/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở khoa học và đưa ra giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về xây dựng và bảo đảm thực hiện kết luận thanh tra. Phân tích, làm rõ thực trạng các quy định của pháp luật hiện hành về ban hành và thực hiện kết luận thanh tra của các cơ quan thanh tra nhà nước và các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; chỉ ra được những ưu điểm cũng như những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế, bất cập trong ban hành và thực hiện kết luận thanh tra. Đề xuất quan điểm, giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về kết luận thanh tra và bảo đảm ban hành và thực hiện kết luận thanh tra.

Số hồ sơ lưu: 20975

84963.03-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn hướng dẫn các Điều của Luật Chuyển giao công nghệ 2017 về phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, và phát triển tổ chức trung gian/** ThS. Lương Văn Thường, CN. Bùi Thu Ngân; ThS. Phạm Đức Nghiệm; CN. Trần Quốc An; CN. Nguyễn Mạnh Tuấn; KS. Hoàng Huy Dũng; TS. Đào Quang Thủy; ThS. Lê Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Phương Lan; ThS. Cao Thị Tuyết Nhung - Hà Nội - Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2022; 11/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về giao dịch vốn thông qua tài sản là quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền khác phát sinh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; và phát triển tổ chức trung gian. Đánh giá thực trạng triển khai các quy định pháp luật hiện hành (phân tích, báo cáo làm rõ những kết quả đạt được, những khó khăn hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp giải quyết) về ứng dụng, đổi mới công nghệ; thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, và phát triển tổ chức trung gian. Dự thảo quy định hướng dẫn các Điều của Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi) về ứng dụng, đổi mới công nghệ; phát triển thị trường KH&CN, thương



mai hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và hoạt động của tổ chức trung gian và đánh giá tác động của dự thảo.

Số hồ sơ lưu: 20969

84966.03-2023 **Nghiên cứu đề xuất định hướng đổi mới, hoàn thiện cấu trúc của Luật Đất đai nhằm sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 và tiến tới xây dựng Bộ Luật Đất đai.**/ ThS. Nguyễn Ngọc Tuyền, CN. Nguyễn Thị Thu Hiền; CN. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Trần Nguyễn Thị Tâm Đan; TS. Nguyễn Văn Hợi; TS. Hoàng Thị Loan; ThS. Đào Thị Hà Thanh; CN. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt; ThS. Kiều Thị Kim Dung - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý đất đai, 2022; 07/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định cấu trúc cơ bản của Luật Đất đai theo tiến trình lịch sử với các nội dung về chế độ sở hữu, chế độ sử dụng đất và chế độ quản lý đất đai. Xác định các thành tố cơ bản trong quan hệ sử dụng đất gồm: quan hệ hành chính (giữa các cơ quan Nhà nước và giữa Nhà nước với người dân), quan hệ dân sự (quan hệ giữa người dân với nhau), quan hệ kinh tế. Xác định cấu trúc của quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất và các quyền tài sản gắn liền với đất là thành tố (những viên gạch cơ bản) có ý nghĩa quan trọng trong việc đổi mới cấu trúc của Luật Đất đai qua các thời kỳ. Đề xuất khung cấu trúc mới của Luật Đất đai. Đề xuất khung cấu trúc của Bộ Luật Đất đai.

Số hồ sơ lưu: 20967

85625.03-2023 **Giải thích và áp dụng Công ước của Liên Hiệp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) tại Việt Nam**/ PGS. TS. Nguyễn Minh Hằng, TS. Hà Công Anh Bảo; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hà; PGS. TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Trung Nam; ThS. Trần Thanh Tâm; PGS. TS. Nguyễn Vũ Hoàng; ThS. Phùng Thị Yên - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lý thuyết về phương pháp giải thích điều ước quốc tế dựa trên quy định tại Công ước Viên 1969 về luật điều ước quốc tế và Điều 7 hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG). Nghiên cứu lý thuyết về phương pháp giải thích phát triển các điều ước quốc tế. Nghiên cứu lý thuyết về vấn đề áp dụng trực tiếp hay gián tiếp điều ước quốc tế nói chung và CISG nói riêng tại Việt Nam. Nghiên cứu lý thuyết về vấn đề lựa chọn CISG như là luật áp dụng cho hoạt động thương mại quốc tế tại Việt Nam. Nghiên cứu thực tiễn áp dụng CISG tại một số quốc gia trên thế giới. Nghiên cứu thực tiễn áp dụng CISG tại Việt Nam trong 4 năm qua. Nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam dựa trên quy định của CISG.

Số hồ sơ lưu: 21117

85685.03-2023 **Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế**/ GS. TS. Đỗ Văn Đại,

PGS.TS. Trần Việt Dũng; PGS.TS. Ngô Quốc Chiến; TS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Trần Thanh Tâm; ThS. Trần Hoàng Tú Linh; ThS. Huỳnh Quang Thuận - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu, phân tích các quy định hiện hành và thực tiễn áp dụng ở Việt Nam để thấy những ưu điểm hiện có và phát hiện ra những rào cản pháp lý dẫn tới tình trạng doanh nghiệp không đưa tranh chấp ra trọng tài Việt Nam. Ở đây, đề tài không có mục đích tạo ra một mô hình trọng tài cho Việt Nam mà tập trung xây dựng khung lý luận cơ bản cho từng vấn đề lớn của trọng tài theo hướng làm thế nào để doanh nghiệp lựa chọn trọng tài ngày càng nhiều. Đề tìm ra những giải pháp tốt nhất cho Việt Nam nhằm thúc đẩy doanh nghiệp lựa chọn trọng tài như một phương thức giải quyết tranh chấp tại Việt Nam sau khi phát hiện ra những rào cản pháp lý dẫn tới trọng tài chưa được chọn nhiều và đã xây dựng được khung lý luận cơ bản cho những vấn đề liên quan tới trọng tài.

Số hồ sơ lưu: 21135

85848.03-2023 **Nghiên cứu, xây dựng khung pháp lý về kinh doanh trên mạng xã hội tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Hữu Tuấn, ThS. Hồ Thị Tố Uyên; TS. Nguyễn Ngọc Tú; ThS. Vũ Minh Giang; CN. Lê Thị Việt Hà; CN. Nguyễn Tiến Luận; CN. Vũ Quỳnh Trang; CN. Nguyễn Vũ Phương Nguyên; CN.

Nguyễn Diệu Hương; ThS. Phạm Ngọc Vinh; CN. Nguyễn Văn Hải; CN. Bùi Việt Anh; CN. Nguyễn Thị Phương Trang; CN. Phạm Thanh Hương - Hà Nội - Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (Nay là Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số), 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, tìm hiểu về kinh doanh trên mạng xã hội và khung pháp lý về mạng xã hội, kinh doanh trên mạng xã hội. Đồng thời, nghiên cứu kinh nghiệm quản lý mạng xã hội và kinh doanh trên mạng xã hội của thế giới. Tiến hành đánh giá thực trạng kinh doanh trên mạng xã hội tại Việt Nam. Qua đó, đề xuất giải pháp quản lý kinh doanh trên MXH trên cơ sở xây dựng khung pháp lý về kinh doanh trên mạng xã hội nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử và bảo vệ người tiêu dùng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20558

### **50601. Khoa học chính trị**

84880.03-2023 **Ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình - Qua trường hợp của Việt Nam, Myanmar và Campuchia/** TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, TS. Đặng Thị Thúy Hà; TS. Nguyễn Xuân Cường; TS. Nguyễn Thành Văn; TS. Võ Xuân Vinh; ThS. Vũ Văn Khanh; TS. Bùi Thị Thu Hiền; TS. Trần Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Phương Liên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2022; 02/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở điều chỉnh và triển khai chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình. Xem xét, đánh giá quá trình triển khai chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình đối với Việt Nam, Myanmar và Campuchia. Từ đó, đánh giá về chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình và kiến nghị đối với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20945

85739.03-2023 **Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk hiện nay.**/ ThS. Nguyễn Thị Vân Lam, ThS. Ngô Sáu; TS. Lương Hữu Nam; ThS. Trần Thị Cẩm Linh; ThS. Nguyễn Văn Khánh; ThS. Lê Đình Sơn; CN. Nguyễn Thị Kim Anh. - Đắk Lắk - Trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk, 2021; 09/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, với tư thế của Đảng Cộng sản cầm quyền, để giữ vững vai trò lãnh đạo của mình, từ cấp cơ sở cần tiếp tục đổi mới và nâng cao hơn nữa chất lượng sinh hoạt chi bộ để chi bộ lãnh đạo tốt việc phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh thôn, buôn, tổ dân phố; sinh hoạt của Chi bộ phải thể hiện được tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu; tiếp tục xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững về chính trị, tư tưởng, mạnh về tổ chức, giữ vững vai trò lãnh đạo trong sự nghiệp đổi mới. Thực trạng

của vấn đề sinh hoạt chi bộ và chất lượng sinh hoạt chi bộ thôn, buôn, TDP trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đã được Ban chủ nhiệm đề tài phân tích phản ánh rõ những ưu điểm nổi bật và chỉ ra những hạn chế. Vì vậy nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là những hoạt động của cấp ủy, đội ngũ đảng viên của chi bộ dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy các xã, phường và sự giúp đỡ của các tổ chức có liên quan, nhằm thay đổi từng phần hoặc một số điểm của nội dung, phương thức sinh hoạt chi bộ theo hướng tích cực, tiến bộ, có nguyên tắc làm cho cho sinh hoạt chi bộ đạt kết quả tốt hơn.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-004

### **50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

84935.03-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để nâng cao hiệu quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa Cơ quan Bộ Khoa học và Công nghệ.**/ ThS. Lê Thị Loan, CN. Lưu Thị Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp; Nguyễn Hà Anh; Mai Đức Thức; Lê Thị Thu Hoàn; Đặng Quốc Huy; Nguyễn Thị Tố Uyên; Nguyễn Minh Hoàng; Vũ Văn Phán - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 06/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại các đơn vị thuộc khối Cơ quan Bộ Khoa học và Công nghệ. Nghiên cứu thực tiễn tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục

hành chính tại một số Bộ, ngành đã triển khai Bộ phận Một cửa (Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Giao thông vận tải). Qua đó, đề xuất xây dựng Quy chế tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Cơ quan Bộ Khoa học và Công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 20962

**85039.03-2023 Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát các chỉ số đổi mới sáng tạo thuộc trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đến năm 2025/ TS.** Bùi Thái Quyên, ThS. Đặng Hà Thu; ThS. Hoàng Mạnh Cẩm; TS. Chủ Thị Liên; ThS. Hà Thị Thu Hương; ThS. Trịnh Hoàng Hiếu; ThS. Nguyễn Thanh Vân - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2021; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về Hệ thống theo dõi, giám sát các chỉ số đổi mới sáng tạo; nghiên cứu các chỉ số đổi mới sáng tạo của ngành Lao động thương binh xã hội (khái niệm, nội hàm, cách tính hiện các Tổ chức quốc tế WIPO đang tính toán và áp dụng cho các nước); Đánh giá thực trạng việc theo dõi, giám sát các chỉ số đổi mới sáng tạo của ngành Lao động thương binh xã hội; thực trạng hệ thống chỉ số đổi mới sáng tạo của ngành Lao động thương binh xã hội; Đề xuất hệ thống theo dõi, giám sát về các chỉ số đổi mới sáng tạo của ngành Lao động thương binh xã hội và giải pháp cải thiện các chỉ số đổi mới sáng tạo của ngành Lao động thương binh xã hội.

Số hồ sơ lưu: 20985

**85041.03-2023 Nghiên cứu bổ sung luận cứ khoa học góp phần xây dựng Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045/ ThS.** Nguyễn Mạnh Huấn, GS.TS. Trần Trung; TS. Hoàng Xuân Lương; ThS. Phạm Mạnh Thùy; ThS. Đỗ Hữu Đán; TS. Nguyễn Hồng Vĩ; ThS. Nguyễn Thế Hoàng; ThS. Đinh Thị Hòa; ThS. Phan Văn Cường; CN. Nguyễn Thị Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Quang Hải; CN. Đỗ Thị Thương Huyền; ThS. Hoàng Thị Xuân; ThS. Hàn Thị Minh Thảo; KS. Chu Minh Quân; ThS. Nguyễn Thị Hiếu - Hà Nội - Viện Chiến lược và chính sách dân tộc, Học viện Dân tộc, 2022; 06/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở làm rõ thực trạng, hệ thống hóa quan điểm, đường lối của Đảng và nhiệm vụ công tác dân tộc của Nhà nước đến năm 2021, đề xuất luận cứ khoa học góp phần xây dựng Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Làm rõ quan điểm, nội dung công tác dân tộc trong các văn bản của Đảng, Nhà nước đã ban hành, tập trung vào giai đoạn 2019-2021. Dự báo tình hình phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh ở vùng DTS đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đề xuất nội dung Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Số hồ sơ lưu: 20987

**85045.03-2023 Nghiên cứu xây dựng chỉ số tổng hợp phát triển bền vững cấp tỉnh ở Việt Nam/ TS.**



Nguyễn Trí Duy, ThS. Nguyễn Thị Minh Ánh; ThS. Trần Thị Ngọc Mai; ThS. Vũ Thị Vân Anh; TS. Đỗ Văn Huân; CN. Trần Thị Thùy Linh; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Hà Mạnh Hùng; CN. Đinh Bá Hiến; ThS. Đồng Nguyễn Lệ Hằng; ThS. Nguyễn Khương Duy; CN. Đỗ Thị Ngát - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2021; 11/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa khái niệm về phát triển bền vững. Hệ thống hóa phương pháp xây dựng chỉ số tổng hợp; Lựa chọn các chỉ tiêu phát triển bền vững cấp tỉnh ở Việt Nam; Xây dựng chỉ số tổng hợp phát triển bền vững cấp tỉnh ở Việt Nam; Tính toán thử nghiệm chỉ số tổng hợp phát triển bền vững ở một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam. Nghiên cứu về cơ sở lý luận phát triển bền vững và phương pháp xây dựng chỉ số tổng hợp. Tổng quan nghiên cứu về phát triển bền vững và một số chỉ số tổng hợp ở trong nước và nước ngoài. Nghiên cứu lựa chọn các chỉ tiêu phát triển bền vững cấp tỉnh ở Việt Nam. Nghiên cứu đề xuất phương pháp xây dựng chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh ở Việt Nam. Lựa chọn một số tỉnh có đầy đủ dữ liệu để tính thử nghiệm chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20990

85071.03-2023 **Nghiên cứu, đề xuất kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng băng rộng phục vụ Chính phủ điện tử ở Việt Nam đến năm 2030/** PGS. TS. Trần Minh Tuấn, ThS. Phạm Văn Nghĩa; ThS. Trần Tuyết Anh; ThS. Dương Khánh

Dương; ThS. Đặng Thị Hoa; ThS. Đào Thị Lan Anh; PGS.TS. Vũ Phi Tuyền; ThS. Nguyễn Thu Hằng; KS. Lê Ngọc Hà; KS. Lê Đức Hùng; ThS. Mai Thu Hằng; ThS. Đinh Hải Đăng; KS. Trần Như Hiền; ThS. Nguyễn Việt Hùng; ThS. Nguyễn Minh Vũ - Hà Nội - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2022; 08/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về cơ sở hạ tầng băng rộng và Chính phủ điện tử (CPĐT) trong xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Nghiên cứu xu thế và kinh nghiệm quốc tế về phát triển cơ sở hạ tầng băng rộng và CPĐT trên thế giới. Kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng băng rộng phục vụ CPĐT ở Việt Nam trên cơ sở Khung kiến trúc CPĐT đã được Bộ TT&TT hướng dẫn và kinh nghiệm của đối tác nước ngoài. Nghiên cứu và đề xuất 01 bộ tiêu chí đánh giá mức độ phát triển cơ sở hạ tầng băng rộng phục vụ CPĐT và quy trình đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu đặt ra. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động về quản lý nhà nước đối với cơ sở hạ tầng băng rộng trong xây dựng CPĐT Việt Nam, trong giai đoạn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 21005

85248.03-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn cho việc đề xuất các quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020; nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp quốc gia,**

**nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia và các nhiệm vụ cấp quốc gia khác/** CN. Mai Văn Hoa, ThS. Lê Khánh Vân; CN. Lê Tài Dũng; ThS. Lê Đình Hanh; CN. Đỗ Thị Hồng Vân - Hà Nội - Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước, 2022; 11/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá chung thực trạng về quản lý tài chính đối với các chương trình trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia và các nhiệm vụ cấp quốc gia khác. Tóm tắt các nghiên cứu, đề xuất các quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020, nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia và các nhiệm vụ cấp quốc gia khác. Xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính đối với các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2016-2020, nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia và các nhiệm vụ cấp quốc gia khác. Đánh giá tính khả thi, tính quy phạm pháp luật, tính đồng bộ thống nhất đối với các quy định về quản lý tài chính trong dự thảo Thông tư liên tịch.

Số hồ sơ lưu: 21029

**85305.03-2023 Nghiên cứu xây dựng báo cáo đề xuất hoàn thiện chính sách ưu đãi đất đai đối với doanh nghiệp khoa học và công**

**nghệ/** ThS. Lê Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Thu Hà; Lê Yên Dung; Nguyễn Thành Trung; Lê Văn Chính; Nguyễn Kim Anh; Vũ Đình Trung; Nguyễn Thị Thu Hằng; Phạm Thị Quỳnh; Trần Xuân Đích; Nguyễn Thị Loan; Thái Thị Quỳnh Như - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 04/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chính sách ưu đãi và việc thực thi chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp khoa học công nghệ nói chung và các ưu đãi cho doanh nghiệp trong lĩnh vực đất đai. Đề xuất quan điểm, giải pháp hoàn thiện chính sách ưu đãi đất đai đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ nhằm hướng tới đề xuất, kiến nghị sửa đổi Bổ sung Luật đất đai năm 2013 (phần nội dung ưu đãi đất đai cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ).

Số hồ sơ lưu: 20916

**85684.03-2023 Hỗ trợ hoạt động, liên kết của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị - xã hội./** TS. Lê Hoàng Bá Huyền, ThS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Lê Quang Hiếu; TS. Lê Huy Chính; TS. Trần Thị Thu Hương; TS. Ngô Chí Thành; TS. Lê Thị Minh Huệ; TS. Nguyễn Thị Thu Phương; TS. Nguyễn Thị Loan; ThS. Đỗ Thành Luân - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2020; 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhiệm vụ thực hiện nhằm thúc đẩy triển khai các chương trình nâng

cao năng lực, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) và tăng cường liên kết hoạt động giữa các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST; Tăng số lượng và chất lượng các nhóm khởi nghiệp ĐMST; Trang bị kiến thức cơ bản về khởi nghiệp ĐMST trong các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. Kết nối không gian để các doanh nghiệp giao lưu, gặp gỡ, hợp tác; Hình thành các liên kết giữa các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng khởi nghiệp ĐMST, năng lực cá nhân quản lý, vận hành tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp ĐMST, thúc đẩy kinh doanh khởi nghiệp ĐMST; Cung cấp thông tin về việc triển khai nhiệm vụ, thông tin các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST liên quan đến nhiệm vụ văn phòng đề án 844 định kỳ nửa năm, khi kết thúc nhiệm vụ hoặc đột xuất theo đề nghị.

Số hồ sơ lưu: 21136

#### **50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

85610.03-2023 **Đánh giá tác động của tham gia thị trường ASEAN trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam sau 5 năm thành lập Cộng đồng kinh tế ASEAN/** ThS. Nguyễn Mạnh Linh, ThS. Phạm Ngọc Bích; KS. Lê Nguyên Thành; ThS. Phạm Quang Hiếu; CN. Phạm Thị Quỳnh Nga; CN. Nguyễn Quang Tuấn; ThS. Dương Danh Tại; ThS. Hà Hải Long; ThS. Cao Bảo Anh; ThS. Nguyễn Thị Thắm - Hà

Nội - Viện Nghiên cứu chiến lược Chính sách Công thương, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung lý luận và phương pháp phân tích, đánh giá tác động của việc tham gia AEC đến phát triển công nghiệp Việt Nam; Phân tích, đánh giá tác động của việc tham gia AEC đến phát triển công nghiệp Việt Nam sau 5 năm thành lập AEC, tập trung vào một số ngành công nghiệp quan trọng ở thị trường này; Phân tích, làm rõ nguyên nhân, hạn chế về chính sách và thực thi chính sách làm hạn chế các tác động của AEC đến phát triển công nghiệp Việt Nam; Đề xuất giải pháp, chính sách để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức trong việc tham gia AEC nhằm phát triển công nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21096

#### **50802. Thông tin học**

84892.03-2023 **Nghiên cứu đề xuất xây dựng chính sách phát triển dịch vụ trung tâm dữ liệu tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Việt Nga, ThS. Tô Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Lê Đức Hiệp; ThS. Bùi Thanh Tùng; ThS. Phạm Trọng Thanh; ThS. Chu Hồng Trang; ThS. Nguyễn Việt Dũng; ThS. Bùi Bài Cường; ThS. Trần Thị Hương Giang - Hà Nội - Vụ Công nghệ thông tin, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nội hàm, bản chất và mối liên hệ giữa trung tâm dữ liệu và dịch vụ trung tâm dữ liệu. Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về quản lý dịch

vụ trung tâm dữ liệu, biện pháp thúc đẩy phát triển trung tâm dữ liệu. Từ đó, nghiên cứu, đề xuất khung chính sách quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và các biện pháp thúc đẩy hình thành thêm nhiều các trung tâm dữ liệu tại Việt Nam, đưa Việt Nam trở thành hub kết nối về công nghệ trong khu vực và trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 20950

#### **50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội**

84991.03-2023 Nghiên cứu thử nghiệm giải pháp quản lý xuất bản phẩm và phát triển thị trường xuất bản bằng tem điện tử/ ThS. Nguyễn Nguyên, Phạm Tuấn Vũ; Hồ Hồng Hải; Lê Sỹ Vinh; Nguyễn Văn Minh; Công Thị Minh Sơn; Ngô Xuân Lộc ; Nguyễn Thị Hồng Thúy - Hà Nội - Cục Xuất bản, In và Phát hành, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, khảo sát về thị trường xuất bản, công tác quản lý thị trường xuất bản và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị xuất bản hiện nay, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và làm rõ những vấn đề đặt ra trong đó có việc ứng dụng công nghệ tem vào quản lý và phát triển thị trường xuất bản. Nghiên cứu, khảo sát về việc ứng dụng công nghệ tem vào hoạt động xuất bản, tập trung làm rõ các loại tem điện tử trong quản lý và phát triển thị trường xuất bản của các nhà xuất bản, các đơn vị phát hành; chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và làm rõ những vấn đề đặt ra trong

việc ứng dụng công nghệ tem hiện nay. Tìm hiểu tình hình phát triển, ứng dụng của các loại tem công nghệ mới để đánh giá được tiềm năng, mức độ khả thi của các tem công nghệ này trong ngành xuất bản, in và phát hành. Trên cơ sở các nghiên cứu, khảo sát, đề xuất khả năng ứng dụng các loại tem công nghệ mới trong việc quản lý xuất bản phẩm ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 20981

85235.03-2023 **Đánh giá hiệu quả can thiệp của mô hình truyền thông đến chất lượng nước uống đóng chai tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình/** ThS. Nguyễn Thị Hương, ThS. Nguyễn Thị Hương; BSCCKII. Lê Hữu Trường; ThS. Vũ Mạnh Dân; ThS. Trần Thị Diệu Huế; ThS. Vũ Hồng Hạnh; ThS. Đoàn Thị Kiều Oanh; CN. Đào Thị Kim Oanh; ThS. Nguyễn Huy Lợi; ThS. Nguyễn Văn Thọ ; CN. Trần Công Dân. - Ninh Bình - Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Ninh Bình, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả thực trạng điều kiện ATTP; kiến thức, thực hành về ATTP; chất lượng sản phẩm NUĐC tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2020 và một số yếu tố liên quan. Xây dựng khung lý thuyết, mô hình truyền thông và triển khai các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm NUĐC tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Đánh giá hiệu quả mô hình truyền thông. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng sản



phẩm NUĐC tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-009-2022

85342.03-2023 **Truyền thông nhằm thu hút nguồn lực đầu tư trong nước, quốc tế, từ các doanh nghiệp lớn, quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần cho khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo.**/ Dương Thị Nga, Nguyễn Văn Hải; Trần Hải Nam; Nguyễn Hải Ngọc; Phùng Thị Hồng Hà; Lương Ngọc Anh; Chung Thị Thu Viên; Nguyễn Thùy Linh; Trịnh Thị Thu Trang; Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Hà Nội - Báo Công Thương, 2022; 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Truyền thông tích cực về mối quan hệ tương hỗ giữa doanh nghiệp lớn, quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần và các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên các ấn phẩm Báo Công Thương. Truyền thông thu hút sự quan tâm của khán giả và lấy ý kiến của các chuyên gia về xu hướng phát triển của các startup lĩnh vực thương mại điện tử và logistics. Tổ chức diễn đàn đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao vai trò, kết nối, thu hút nguồn lực đầu tư từ các quỹ đầu tư, các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn, tổng công ty Ngành Công Thương cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Số hồ sơ lưu: 21041

### 599. Khoa học xã hội khác

83885.03-2023 **Nghiên cứu xây dựng Định hướng chiến lược phát**

**triển khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2040.**/ PGS.TS. Lê Tất Khương, PGS. TS. Lê Tất Khương; TS. Nguyễn Toàn Thắng; ThS. Ngô Văn Dương; TS. Nguyễn Đắc Bình Minh; TS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Chu Huy Tường; ThS.Vũ Văn Đàm; ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS. Đinh Xuân Trường; ThS. Đặng Thị Uyên. - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng - Bộ Khoa học và Công nghệ., 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá bối cảnh quốc tế, trong nước và xu thế ảnh hưởng đến KH&CN tỉnh Ninh Bình. Hiện trạng hoạt động KH&CN của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2011-2019. Xây dựng định hướng chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040. Đề xuất các giải pháp thực hiện chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-002-2022

## 6. Khoa học nhân văn

### 60102. Lịch sử thế giới; Lịch sử từng nước, từng vùng; từng khu vực

82553.03-2023 **Nghiên cứu nhận diện hành đô Sơn Lai thời kỳ đầu nhà nước Đại cồ Việt/** TS. Nguyễn Mạnh Cường, Ts. Nguyễn Mạnh Cường; CN. Trương Đình Tường; ThS. Nguyễn Cao Tấn; ThS. Vũ Thanh Lịch; TS. Bùi Minh Trí; CN. Trần Việt Phương ; ThS.

Nguyễn Xuân Trường; ThS. Quách Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Diệu; CN. Bùi Thị Thường. - Ninh Bình - Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn về nhận diện hành đô Sơn Lai thời kỳ đầu Nhà nước Đại Cồ Việt. Nghiên cứu các quan niệm về hành đô, hành cung; vị trí, vai trò, chức năng của hành đô, hành cung đối với các triều đại phong kiến Việt Nam. Vai trò, vị trí, chức năng của hành đô Sơn Lai thời kỳ đầu Nhà nước Đại Cồ Việt. Vị trí địa lý, địa chất, cảnh quan của hành đô Sơn Lai.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-002-2021

### **60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ**

83542.03-2023 **Nghiên cứu biên soạn bộ tài liệu Tiếng Anh dành cho hướng dẫn viên du lịch và xây dựng khóa học trực tuyến nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh cho đội ngũ làm công tác du lịch ở Ninh Bình./** TS. Vũ Văn Trường, TS. Vũ Văn Trường; ThS. Mai Thị Thu Hân; ThS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Nguyễn Thị Lệ Thu; ThS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Đặng Thanh Điềm; ThS. Đồng Thị Thu; CN. Bùi Thị Hải Yến; TS. Bùi Thành Đông; ThS. Lâm Thị Hồng Loan - Ninh Bình - Trường Đại học Hoa Lư, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Biên soạn được một bộ tài liệu Tiếng Anh dành cho hướng dẫn viên du lịch tại các điểm du lịch ở Ninh

Bình. Xây dựng khóa học trực tuyến về tiếng Anh cho đội ngũ làm công tác du lịch ở Ninh Bình trên CLS.Edu (Cloud Learning System). Đề xuất một số giải pháp sử dụng có hiệu quả bộ tài liệu tiếng Anh dành cho hướng dẫn viên du lịch tại các điểm du lịch và khóa học trực tuyến về kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho đội ngũ làm công tác du lịch ở Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-001-2021

85406.03-2023 **Xây dựng, biên soạn Từ điển Bách khoa Y học Việt Nam/** GS. TS. Trần Quy, TS. Nguyễn Quốc Trường; GS. Hoàng Bảo Châu; GS. TS. Lê Gia Vinh; TS. Trần Hữu Thăng; PGS. TS. Nguyễn Tiến Quyết; PGS. TS. Đinh Ngọc Sỹ; ThS. Tống Thị Song Hương; Tạ Kim Oanh - Hà Nội - Tổng hội Y học Việt Nam, 2022; 07/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng, biên soạn Từ điển Bách khoa Y học Việt Nam gồm 2000 mục từ hoàn chỉnh cung cấp những tri thức cơ bản liên quan đến phòng bệnh, chẩn đoán, điều trị và phục hồi chức năng những vấn đề cơ bản về khám chữa bệnh bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Số hồ sơ lưu: 21050

### **60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam**

84895.03-2023 **Sống đạo Islam và ảnh hưởng trong văn hóa Chăm tại An Giang/** TS. Lê Đức Hạnh, TS. Nguyễn Bình; ThS.

Nguyễn Văn Quý; ThS. Trần Hữu Đồng; ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; TS. Tạ Quốc Khánh; ThS. Hoàng Thị Phương - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 09/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quá trình du nhập và phát triển của Islam giáo trong cộng đồng Chăm ở Việt Nam nói chung, Chăm Islam tại An Giang nói riêng. Những vấn đề cơ bản trong sống đạo Islam. Tìm hiểu thực trạng sống đạo Islam ở người Chăm tại An Giang và những ảnh hưởng đến văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong cộng đồng Chăm An Giang. Đồng thời, tìm hiểu các yếu tố tác động và dự báo xu hướng của sống đạo Islam trong văn hóa Chăm tại An Giang.

Số hồ sơ lưu: 20953

85113.03-2023 **Di sản hóa và tạo dựng di sản ở Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Thị Hiền, ThS. Phan Mạnh Dương; TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Phúc Anh - Hà Nội - Viện văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2022; 11/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích chiều kích của quá trình di sản hóa và ghi danh di sản nhằm đúc kết mối quan hệ của di sản với những vấn đề văn hóa, xã hội, kinh tế và chính trị một cách tổng thể, bao trùm. Tổng quan những công trình, tài liệu trong nước và quốc tế liên quan đến nhận diện di sản, di sản hóa, từ đó chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và đưa ra những đóng góp mới cho liên

ngành khoa học xã hội và nhân văn. Đưa ra những cơ sở khoa học và lý luận của liên ngành khoa học xã hội và nhân văn để dựa vào đó, công trình có thể phân tích một cách sâu sắc về các chiều kích của quá trình di sản hóa nói chung và đối với những trường hợp di sản cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 21009

### **60299. Nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa khác**

85348.03-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để phát huy dân chủ, trách nhiệm và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam giai đoạn 2021-2025/** TS. Nguyễn Thành Trung, ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; PGS. TS. Nguyễn Tài Đông; ThS. Đỗ Hồng Giang; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Lê Thị Ngọc Anh; Ths. Vũ Đình Trung; ThS. Phạm Thị Quỳnh; ThS. Nguyễn Kim Anh - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 05/2021 - 01/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan được lý luận và thực tiễn về phát huy dân chủ, trách nhiệm và đạo đức trong hoạt động Khoa học và Công nghệ; Xác định một vấn đề thực tiễn về phát huy dân chủ, trách nhiệm và đạo đức trong hoạt động Khoa học và Công nghệ đặt ra ở Việt Nam hiện nay; luận giải rõ nguyên nhân của vấn đề thực tiễn đặt ra; Đề xuất giải pháp thực hiện phát huy dân chủ, trách nhiệm và đạo đức trong hoạt động Khoa học và Công nghệ ở Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 20917

**60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

84887.03-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng Đề án "Đẩy mạnh hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2025"**/ ThS. Nguyễn Văn Khải, ThS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Trần Quang Tuấn; ThS. Đinh Thị Hoàn; Ngũ Văn Hiệp; ThS. Trần Thị Hồng; CN. Đoàn Thị Thanh; ThS. Nguyễn Thị Hải Hằng; CN. Đặng Hương Giang; TS. Lê Quang Tự Do - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Truyền thông Khoa học và Công nghệ, 2021; 01/2021 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về truyền thông và đề án truyền thông khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, tìm hiểu kinh nghiệm về truyền thông khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời, tìm hiểu thực trạng công tác truyền thông do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện giai đoạn 2010-2020; kinh nghiệm xây dựng và triển khai các Đề án, Kế hoạch truyền thông tại một số Bộ/ngành và địa phương. Nghiên cứu, hoàn thiện nội dung Dự thảo "Đẩy mạnh hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2025" qua đó tổng kết, đánh giá về quá trình thực hiện đề án.

Số hồ sơ lưu: 20947

84934.03-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hội**

**nhập quốc tế về khoa học và công nghệ/** ThS. Đặng Thị Việt Hương, ThS. Hoàng Minh Hằng; ThS. Bùi Thị Thu Lan; ThS. Bùi Quốc Anh; ThS. Chu Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; CN. Nguyễn Huyền Trang; CN. La Thị Mỹ Anh; ThS. Vũ Thị Tú Quyên; ThS. Phạm Thị Thu Hằng; ThS. Hà Thị Lâm Hồng ; ThS. Lê Thị Việt Lâm; ThS. Nguyễn Thị Mến; ThS. Nguyễn Thị Thu Giang; CN. Đinh Việt Dũng; CN. Trịnh Quỳnh Trang - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 11/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, tìm hiểu thực trạng hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 cũng như tìm hiểu về việc thu hút chuyên gia ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam. Nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế trong thúc đẩy hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. Qua đó, đề xuất định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 20960

84949.03-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án đổi mới công nghệ trong Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia./** ThS. Thái Hải Anh, : CN. Vũ Ngọc Tạo; ThS. Phạm Việt Hồng; TS. Trần Anh Tú; ThS. Trần Quang Ninh; CN. Vũ Xuân Thành; TS. Đào Thị Anh Thư;



TS. Vũ Quốc Huy; TS. Nguyễn Hữu Liên; ThS. Đỗ Thế Trung - Hà Nội - Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, 2018; 10/2017 - 09/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện hành lang pháp lý hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp. Đề xuất cơ chế quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án đổi mới công nghệ trong Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia. Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn xây dựng dự thảo 03 thông tư sửa đổi bổ sung các thông tư số 03/2013/TT - BKHCN, 04/2013/TT - BKHCN và 09/2013/TT - BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 20968

84954.03-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp/** ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền, Đinh Thị Hà Giang; Hoàng Minh Thu; Chu Thị Thủy Chung; Ngô Giang Nam; Đỗ Thị Hồng Giang; Nguyễn Lê Đức Minh; Nguyễn Thị Thanh Huyền; Bùi Tuấn Thành; Văn Khánh Linh - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2020; 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm đánh giá thực trạng hệ thống thể chế thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo ở Việt

Nam; phân tích các nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp hoàn thiện thể chế để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo. Từ đó đề xuất các nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20976

85262.03-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030/** TS. Tạ Doãn Trinh, TS. Tạ Bá Hưng; ThS. Phạm Đức Nghiệm; ThS. Lương Văn Thường; TS. Nguyễn Hữu Xuyên; GS. TS. Nguyễn Khắc Minh; ThS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Phương Lan; PGS. TS. Nguyễn Minh Ngọc; TS. Đặng Thu Hương - Hà Nội - Văn phòng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2022; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển thị trường khoa học và công nghệ giai đoạn đến năm 2030. Xác định mục tiêu, nội dung và giải pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Xây dựng dự thảo đề án Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 (phù hợp với bối cảnh và tình hình mới).

Số hồ sơ lưu: 21036

85317.03-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng hướng dẫn kiểm tra đặc thù đổi**

với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường/ ThS. Lê Thị Thuý Sâm, ThS. Phan Thị Bích Hạnh; CN. Trần Thị Thuý Hà; ThS. Cao Việt Bách; ThS. Nguyễn Hùng Điệp; ThS. Trần Quý Giàu; KS. Đỗ Hồng Kiên; TS. Đỗ Đức Nguyên; CN. Doãn Đình Dũng; CN. Phạm Thị Đào Anh - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường đối với tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của Bộ Khoa học và Công nghệ. Nghiên cứu kinh nghiệm việc áp dụng thanh tra, kiểm tra đột xuất, đặc thù của một số bộ, ngành khác. Nghiên cứu và đề xuất giải pháp kiểm tra đặc thù đối với tổ chức kiểm định cân ô tô, cột đo xăng dầu và đồng hồ nước lạnh. Thực nghiệm kiểm tra đột xuất, đặc thù đối với 01 tổ chức kiểm định cân ô tô, 01 cột đo xăng dầu, 01 tổ chức kiểm định đồng hồ đo nước lạnh tại miền Bắc. Xây dựng dự thảo văn bản hướng dẫn kiểm tra đặc thù đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Số hồ sơ lưu: 21038

85382.03-2023 Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đánh giá tải trọng (Load rating) của công trình cầu thép đang khai thác trên cơ sở số liệu quan trắc (kiểm định, thử tải cầu)/ PGS. TS. Nguyễn Hữu Hưng, ThS. Nguyễn

Thị Thu Hằng; PGS.TS. Nguyễn Tài Đông; ThS. Đỗ Hồng Giang; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Lê Thị Ngọc Anh; ThS. Vũ Đình Trung; ThS. Phạm Thị Quỳnh; ThS. Nguyễn Kim Anh - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về đánh giá (xếp hạng) tải trọng và đánh giá khả năng chịu tải của công trình cầu trong và ngoài nước và xu hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Tìm hiểu cơ sở lý thuyết về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thu thập thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá (xếp hạng) tải trọng và đánh giá khả năng chịu tải của công trình cầu thép từ các công trình đang khai thác. Xây dựng chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo để đánh giá (xếp hạng) tải trọng và đánh giá khả năng chịu tải của công trình cầu thép đang khai thác. Tiến hành ứng dụng đánh giá (xếp hạng) cho một số công trình cầu thép ở Việt Nam theo hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Đề xuất dự thảo hướng dẫn đánh giá (xếp hạng) tải trọng và đánh giá khả năng chịu tải của công trình cầu thép đang khai thác tại Việt Nam theo hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Số hồ sơ lưu: 20585

85403.03-2023 Nâng cao năng lực xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho cán bộ quản lý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội và cơ sở nghiên cứu, đào tạo/ Lý Đình Quân, Trương Thị Bích Hồng; Ngô Thị Mai Phương; Trương Thị

Mỹ Tiến; Nguyễn Thị Mỹ Lý - Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Trung tâm ươm tạo khởi nghiệp Sông Hàn, 2022; 08/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hoạt động liên kết giữa các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp nhằm tư vấn xây dựng các đề án, kế hoạch, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, các chương trình đào tạo, ươm tạo. Nâng cao năng lực và tư duy về Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của lãnh đạo, cán bộ các hiệp hội, hội doanh nghiệp, sở ngành, tổ chức chính trị xã hội, viện nghiên cứu, đào tạo. Tư vấn kiến tạo các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp và tư vấn xây dựng các đề án, kế hoạch, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, các chương trình đào tạo, chương trình ươm tạo khởi nghiệp và tư vấn triển khai các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp địa phương.

Số hồ sơ lưu: 21052

### **60303. Đạo đức học**

84933.03-2023 **Chiến lược phòng, chống tham nhũng của Việt Nam - Lý luận và thực tiễn/** ThS. Phạm Thị Thu Hiền, TS.

Nguyễn Thị Thu Nga; CN. Trần Thị Tú Uyên; TS. Nguyễn Tuấn Khanh; ThS. Ngô Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Hà Thanh; TS. Phạm Thị Huệ; TS. Tạ Thu Thủy; ThS. Đặng Thị Hải; ThS. Ngô Thu Trang; CN. Vũ Thị Diễm Huyền - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2021; 04/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về Chiến lược phòng chống tham nhũng như khái niệm, đặc điểm, nội dung, vai trò, ý nghĩa của Chiến lược, các yêu cầu đối với Chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng; kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống tham nhũng. Đánh giá thực trạng nội dung và thực tiễn thực hiện Chiến lược phòng chống tham nhũng giai đoạn 2009 – 2020 của Việt Nam. Đề xuất quan điểm, giải pháp và kiến nghị về việc xây dựng Chiến lược phòng chống tham nhũng đến năm 2030 của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20963

**Phụ lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không



đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ**

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mặt khấu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);
- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*